

**BỘ QUỐC PHÒNG  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ**

**VŨ THÚY HOÀN**

**KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA  
GIÁO VIÊN MẦM NON VỚI TRẺ MẪU GIÁO**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC**

**HÀ NỘI – 2018**

**BỘ QUỐC PHÒNG  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ**

**VŨ THÚY HOÀN**

**KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA  
GIÁO VIÊN MẦM NON VỚI TRẺ MẪU GIÁO**

**Chuyên ngành: Tâm lý học**

**Mã số: 931 04 01**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

- 1. PGS, TS Nguyễn Văn Tuấn**
- 2. PGS, TS Trương Thị Khánh Hà**

**HÀ NỘI - 2018**

## ***Lời cam đoan***

***Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực và có xuất xứ rõ ràng.***

**TÁC GIẢ LUẬN ÁN**

**Vũ Thuý Hoàn**

## MỤC LỤC

**TRANG PHỤ BÌA**

**LỜI CAM ĐOAN**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

**DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

**MỞ ĐẦU**

5

**Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI** 12

1.1. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án 12

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề luận án tập trung giải quyết 28

**Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON VỚI TRẺ MẪU GIÁO** 32

2.1 Các khái niệm cơ bản 32

2.2 Các kỹ năng giao tiếp sự phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và tiêu chí đánh giá 64

2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo 79

**Chương 3 TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** 90

3.1 Tổ chức nghiên cứu 90

3.2 Các phương pháp nghiên cứu 93

**Chương 4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON VỚI TRẺ MẪU GIÁO** 112

4.1 Thực trạng kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo 112

4.2 Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo 145

4.3 Biện pháp tâm lý – sự phạm nâng cao kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo 153

4.4 Kết quả thực nghiệm tác động 164

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ** 173

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ**

**ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN** 176

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO** 177

**PHỤ LỤC** 188

## DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	TÊN BẢNG	Trang
1	Bảng 2.1. Đánh giá tổng hợp mức độ biểu hiện của các nhóm kỹ năng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo	78
2	Bảng 4.1: Đánh giá chung về thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	112
3	Bảng 4.2a: Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ mẫu giáo	117
4	Bảng 4.2 b: Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ	118
5	Bảng 4.2 c: Kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ	121
6	Bảng 4.2 d: Kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ	122
7	Bảng 4.3 a: Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	123
8	Bảng 4.3b: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức	124
9	Bảng 4.3c: Kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm	126
10	Bảng 4.3 d: Kỹ năng trao đổi thông tin về hành động	128
11	Bảng 4.4a : Nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	130
12	Bảng 4.4 b: Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi	131
13	Bảng 4.4 c: Kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ	132
14	Bảng 4.4 d: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói	134
15	Bảng 4.5. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo các trình độ đào tạo	136
16	Bảng 4.6. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo thâm niên nghề nghiệp	138
17	Bảng 4.7: So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo địa bàn	140

18	Bảng 4.8: Tương quan giữa các kỹ năng (r)	143
19	Bảng 4.9: Điểm trung bình chung của kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	145
20	Bảng 4.10: Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	146
21	Bảng 4.11: Kết quả khảo sát trước và thực nghiệm	165
22	Bảng 4.12: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ thống kê theo tần suất	166
23	Bảng 4.13: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động thống kê theo tần suất	168
24	Bảng 4.14: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp của giáo viên mầm non thống kê theo tần suất	170

## DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

<b>STT</b>	<b>TÊN SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ</b>	<b>Trang</b>
1	Biểu đồ 4.1. Các mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo	116
2	Biểu đồ 4.2. Thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo	135
3	Biểu đồ 4.3. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo trình độ đào tạo	137
4	Biểu đồ 4.4. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo thâm niên	139
5	Biểu đồ 4.5. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non ở các địa bàn khác nhau	141
6	Sơ đồ 4.1. Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo	150
7	Biểu đồ 4.6: Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trước và sau thực nghiệm	165
8	Biểu đồ 4.7: Kỹ năng thiết lập quan hệ với trẻ trước và sau thực nghiệm	167
9	Biểu đồ 4.8: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động trước và sau thực nghiệm	169
10	Biểu đồ 4.9: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp trước và sau thực nghiệm	171

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài luận án

Giáo viên mầm non là người chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ từ 3 tháng đến 72 tháng tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc các loại hình trường công lập, bán công, dân lập, tư thục. Vị trí của người giáo viên mầm non có thể được coi là người thầy đầu tiên cùng với cha mẹ trẻ xây dựng nền móng ban đầu của nhân cách con người. Mục đích lao động sư phạm của giáo viên mầm non nhằm giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách [16, tr. 312].

Để thực hiện có hiệu quả mục đích trên, giáo viên mầm non phải sử dụng nhiều phương tiện lao động khác nhau, có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm mầm non đạt yêu cầu [64]. Một trong những kỹ năng rất quan trọng trong hoạt động sư phạm mà giáo viên mầm non cần phải có đó là kỹ năng giao tiếp sư phạm. Bởi vì, thông qua giao tiếp, cô giáo sẽ thiết lập được mối quan hệ với trẻ, hiểu được đặc điểm tâm sinh lý của trẻ và giúp trẻ lĩnh hội các tri thức tiền khoa học trong chương trình giáo dục mầm non. Sự thành thực, linh hoạt trong quá trình giao tiếp của cô với trẻ sẽ là một yếu tố đóng vai trò quan trọng giúp trẻ yêu cô, yêu lớp, yêu trường mầm non, từ đó khơi dậy ở trẻ những cảm xúc tích cực, phong phú và hứng thú tham gia các hoạt động do cô tổ chức. Như vậy, kỹ năng giao tiếp sư phạm là một yếu tố quan trọng, không thể thiếu đối với giáo viên mầm non khi chăm sóc giáo dục trẻ, yếu tố này giúp họ dễ dàng thực hiện các mục đích giáo dục và đạt được kết quả cao, ngược lại, nếu thiếu nó, quá trình tác động đến trẻ sẽ gặp khó khăn, không đạt hiệu quả. Tuy nhiên, qua khảo sát sơ bộ, chúng tôi nhận thấy, đa số giáo viên mầm non (26/30) chưa chú ý rèn luyện nâng cao kỹ năng này cho bản thân. Họ nghĩ rằng, chỉ cần nắm vững chuyên môn, tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo đúng chương trình, cho các con ăn đủ



chất dinh dưỡng để phát triển vận động tinh, vận động thô, chiều cao cân nặng theo đúng chuẩn là được. Từ đó dẫn đến nhận thức của giáo viên về lĩnh vực này còn nhiều hạn chế, các giáo viên còn xem nhẹ vai trò của kỹ năng giao tiếp sư phạm trong quá trình giáo dục.

Trẻ mẫu giáo là những trẻ từ 3 – 6 tuổi, gồm mẫu giáo bé (3 – 4 tuổi), mẫu giáo nhỡ (4 – 5 tuổi) và mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi). Ở độ tuổi này, ngôn ngữ nói tuy đã phát triển và trở thành phương tiện giao tiếp chủ đạo của trẻ nhưng vẫn còn hạn chế, tình cảm đang trong giai đoạn phát triển và chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ, kiểu tư duy trực quan hành động đang chiếm ưu thế. Đặc biệt trẻ mẫu giáo bé đang trải qua thời kỳ khủng hoảng tâm lý, với những mâu thuẫn mà trẻ phải vượt qua dưới sự hướng dẫn chăm sóc đúng đắn của nhà giáo dục, đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu, mong muốn được tự lập và khả năng còn hạn chế; mâu thuẫn giữa nhu cầu muốn được làm việc như người lớn với những cấm đoán của người lớn. Những đặc điểm tâm lý đó của trẻ mẫu giáo là một khó khăn đối với người giáo viên mầm non, đặc biệt trong quá trình giao tiếp. Nếu họ không có kỹ năng giao tiếp tốt, không am hiểu đặc điểm tâm lý của trẻ thì việc giáo dục trẻ sẽ gặp rất nhiều trở ngại, và có thể dẫn tới những sai lệch trong hành vi giáo dục. Năm 2017, tác giả Nguyễn Minh Ngọc đã có công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non nhưng chỉ là với trẻ mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi). Như vậy, đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống cả về cơ sở lý luận và thực tiễn kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo (3 – 6 tuổi) hiện nay chưa có. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài “*Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*”.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **\* Mục đích nghiên cứu:**

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, đề xuất các biện pháp tâm lý – sư phạm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

**\* *Nhiệm vụ nghiên cứu:***

Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Khảo sát, đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Đề xuất biện pháp tâm lý – sư phạm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Tổ chức thực nghiệm tác động nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

**3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu và giả thuyết khoa học**

**\* *Đối tượng nghiên cứu***

Biểu hiện, mức độ và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

**\* *Khách thể nghiên cứu***

Giáo viên mầm non; trẻ mẫu giáo; cán bộ quản lý trường mầm non.

**\* *Phạm vi nghiên cứu***

*Về nội dung:* Luận án chỉ tập trung nghiên cứu:

- Biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo qua “hoạt động học” của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non. Đó là hoạt động cơ bản, được diễn ra hàng ngày tại các trường mầm non.

- Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

*Về khách thể:* Giáo viên mầm non đang chăm sóc giáo dục trẻ tại các lớp mẫu giáo; trẻ mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn; cán bộ quản lý trường mầm non đang công tác tại các trường mầm non công lập.

*Về địa bàn nghiên cứu:* Luận án triển khai nghiên cứu tại 5 trường mầm non trên địa bàn Tỉnh Thái Nguyên (Mầm non 19/5, Mầm non Hợp

Thành, Mầm non Phấn Mễ, Mầm non Động Đạt, Mầm non Thị trấn Đu) và 5 trường Mầm non trên địa bàn Thành phố Hà Nội (Mầm non Trung Văn, Mầm non Đại Mỗ B, Mầm non Bạch Đằng, Mẫu giáo Số 9, Mẫu giáo Việt – Triều Hữu nghị)

*Về thời gian:* Luận án tiến hành nghiên cứu từ năm 2014 đến năm 2017.

**\* *Giả thuyết khoa học***

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo hiện nay ở mức trung bình, có sự không đồng đều về mức độ giữa 3 nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp... Trong đó, kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ đạt mức độ thấp nhất.

Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan và khách quan, như: Nhận thức về kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non; lòng yêu nghề mến trẻ; kinh nghiệm nghề nghiệp của giáo viên; Đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo; môi trường, điều kiện làm việc ..

Nếu có những biện pháp tác động tích cực vào các yếu tố ( như nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm...) thông qua tập huấn, rèn luyện phù hợp thì kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên với trẻ mẫu giáo sẽ đạt mức độ cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở các trường mầm non hiện nay.

**4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

**\* *Phương pháp luận***

Luận án được thực hiện trên cơ sở những phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và một số các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của Tâm lý học:

*Nguyên tắc quyết định luận duy vật biện chứng các hiện tượng tâm lý:* Tâm lý người mang tính chủ thể và mang bản chất xã hội lịch sử, vì vậy khi nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo cần tính đến các yếu tố khách quan và tính chủ thể của các cá nhân.

*Nguyên tắc tiếp cận hoạt động - nhân cách:* Hoạt động là phương thức hình thành, phát triển và thể hiện tâm lý, ý thức, nhân cách. Các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được thực hiện và nghiên cứu thông qua hoạt động giao tiếp sư phạm giữa cô với trẻ.

*Nguyên tắc tiếp cận hệ thống:* Con người là một thực thể xã hội, hành vi của các cá nhân phải được xem là kết quả của sự tác động qua lại của nhiều yếu tố khác nhau như chủ quan, khách quan. Vì vậy, cần nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trong mối quan hệ với nhiều yếu tố như: Nhận thức, kinh nghiệm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ, ý thức tự rèn luyện, đặc điểm tâm lý trẻ 3- 6 tuổi, môi trường điều kiện làm việc...

Những vấn đề lý luận của tâm lý học sư phạm về kỹ năng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non.

**\* Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học, bao gồm:

*Nhóm phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản có liên quan đến vấn đề nghiên cứu:* phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các công trình nghiên cứu có liên quan đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

*Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:* Để đánh giá thực trạng và có cơ sở đề xuất biện pháp tâm lý – sư phạm, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phiếu bài tập tình huống.
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trò chuyện – đàm thoại
- Phương pháp phỏng vấn sâu;
- Phương pháp thực nghiệm;
- Phương pháp chuyên gia;

- Phương pháp phân tích số liệu bằng thống kê toán học: Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu điều tra, khảo sát, thực nghiệm và hiển thị kết quả nghiên cứu.

## **5. Những đóng góp mới của luận án**

### **\* Về lý luận:**

Hệ thống hóa và xây dựng một số khái niệm cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Xác định rõ các biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo gồm 3 nhóm kỹ năng ( thiết lập mối quan hệ với trẻ; trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động, sử dụng các phương tiện giao tiếp) và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non.

### **\* Về thực tiễn:**

Xác định rõ thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo thể hiện ở 3 nhóm kỹ năng: thiết lập mối quan hệ với trẻ; trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; sử dụng các phương tiện giao tiếp đều ở mức trung bình. Mức độ thấp nhất là kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, đạt mức cao nhất là nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp. Trong hai nhóm yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo thì nhóm yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều nhất.

Kết quả thực nghiệm cho thấy có thể nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non bằng biện pháp tác động sư phạm: tổ chức tập huấn bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non với các nội dung phù hợp, hình thức và phương pháp tổ chức phong phú.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **\* Về lý luận:**

Vấn đề kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo còn có nhiều vấn đề lý luận mới, vì thực tiễn còn ít được nghiên cứu ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này sẽ là tài liệu cho lĩnh vực tâm lý học và giáo dục học mầm non về cả thực tiễn và lý luận ở nước ta.

### **\* Về thực tiễn:**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần thiết thực vào việc nâng cao hiệu quả giao tiếp sư phạm của người giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, qua đó thực hiện tốt quan điểm của Bộ giáo dục và Đào tạo về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Theo đó, người giáo viên mầm non không chỉ là người trông nom trẻ an toàn mà cần có kiến thức kỹ năng sư phạm tốt. Đặc biệt là kỹ năng giao tiếp sư phạm phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của trẻ, từ đó xử lý tốt các tình huống xảy ra trong quá trình giáo dục.

Luận án là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm nói chung và bồi dưỡng, giáo dục, quản lý giáo viên ở các trường mầm non nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, kết luận, kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình nghiên cứu đã công bố, luận án được trình bày thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

#### **1.1. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án**

Vấn đề kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giao tiếp sư phạm được các nhà nghiên cứu quan tâm từ rất lâu, cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, đó chính là cơ sở để chúng tôi thực hiện đề tài của luận án. Khi tổng quan về các vấn đề liên quan đến luận án, chúng tôi tiến hành hệ thống và luận giải theo ba nội dung: Các công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp trên thế giới và ở Việt Nam; các công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm trên thế giới và ở Việt Nam.

##### ***1.1.1. Các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp***

###### ***1.1.1.1. Các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của các tác giả nước ngoài***

Vấn đề giao tiếp đã được các tác giả phương Tây và Liên xô cũ đề cập đến từ khá lâu. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ XIX, vấn đề kỹ năng giao tiếp mới thực sự được các nhà tâm lý học quan tâm, đặc biệt từ giữa thế kỷ XX, tức là từ khi ngành điều khiển học ra đời. Theo đó, có thể thấy, kỹ năng giao tiếp được nghiên cứu theo nhiều hướng khác nhau, cụ thể:

###### ***Nghiên cứu mặt kỹ thuật của kỹ năng giao tiếp***

Các tác giả theo nghiên cứu này đã xem xét kỹ năng giao tiếp trong hoạt động, chủ yếu hướng vào mặt kỹ thuật của hành động. Đại diện cho các nghiên cứu theo hướng này phải kể đến: Kovaliov A.G, Cruchetxki. V.A, Gonobolin Ph. N, Henry S . Các tác giả đều có quan điểm chung rằng kỹ năng là những phương thức thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hành động mà con người đã nắm vững. Vì vậy, khi thực hiện hành động giao tiếp, con người phải có những tri thức về hành động đó, nghĩa là phải hiểu được mục đích giao tiếp là gì, cách thức thực hiện, phương tiện giao tiếp, điều kiện hành động và sử dụng một cách hợp lý vào các tình huống giao tiếp.

Chẳng hạn, Gonobolin Ph.N cho rằng: Kỹ năng là những phương thức tương đối hoàn chỉnh của việc thực hiện những hành động bất kỳ nào đó. Các

hành động này được hình thành trên cơ sở các tri thức và kỹ xảo – những cái được con người lĩnh hội trong quá trình hoạt động [40, tr. 95]

Cruchexki V.A cho rằng: Kỹ năng là phương thức thực hiện hành động – cái mà con người lĩnh hội được [22]. Tác giả cũng chỉ ra rằng, trong một số trường hợp thì kỹ năng là phương thức sử dụng các tri thức vào trong thực hành. Tức là khi có tri thức, con người cần phải áp dụng và sử dụng chúng trong thực tiễn cuộc sống. Trong quá trình luyện tập, trong hoạt động thực hành, kỹ năng trở nên được hoàn thiện và trong mối quan hệ đó, hoạt động của con người cũng trở nên hoàn thiện hơn.

Các tác giả James D.H, Jame G.L, John I.M cho rằng: Kỹ năng giao tiếp là kỹ thuật, trình độ truyền đạt và tiếp nhận thông tin nhằm thực hiện quá trình truyền đạt thông tin [dẫn theo 71, tr. 28]. Với quan niệm này, các tác giả đã đề cao yếu tố truyền đạt thông tin trong quá trình đánh giá kỹ năng giao tiếp, bỏ qua yếu tố khác như xử lý thông tin, các yếu tố gây nhiễu và khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp trong những điều kiện hoạt động cụ thể. Đó cũng chính là điểm hạn chế của quan niệm này.

Như vậy, hướng nghiên cứu này của các tác giả đã cho thấy phương thức, thủ thuật, thao tác thực hiện hành động giao tiếp là những yếu tố thể hiện rõ kỹ năng trong quá trình giao tiếp. Chúng tôi đã tiếp nhận, vận dụng theo hướng nghiên cứu này làm một trong những cơ sở để tiến hành xây dựng nội dung luận án. Tuy nhiên, chúng tôi cũng khẳng định rằng, kỹ năng giao tiếp không chỉ là những thao tác kỹ thuật hành vi đơn thuần, mà nó còn chứa đựng cả các yếu tố khác mới có tính thuyết phục.

*Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp như là năng lực của cá nhân*

Các tác giả theo hướng nghiên cứu này cho rằng kỹ năng là năng lực của con người giúp họ thực hiện một hoạt động có hiệu quả trong điều kiện mới. Đại diện là Petrovski A.V, Platonov K.K, Levitov N.D, Barabasicov A.V, Bogxloxki V.V.[dẫn theo 120, tr. 19].



Bogxloxi V.V cho rằng: Kỹ năng giao tiếp cũng như các kỹ năng khác, có hai mức độ, đó là kỹ năng sơ đẳng và kỹ năng thành thạo. Kỹ năng sơ đẳng ban đầu là những hành động – cái được hình thành trên cơ sở của các tri thức hay là kết quả của sự bất chước. Còn kỹ năng thành thạo được hình thành trên cơ sở của các tri thức và kỹ xảo – những cái đã được lĩnh hội trước.

Tác giả Kitty O. L khi nghiên cứu về giao tiếp trong lĩnh vực hành chính và kinh doanh diễn ra dưới nhiều hình thức như giao tiếp trực tiếp mặt đối mặt, điện thoại, email... đòi hỏi người nhân viên phải có những kỹ năng giao tiếp, tương ứng để giao tiếp với cán bộ quản lý trực tiếp, khách hàng đến làm việc, đồng nghiệp và các nhóm khác có quan hệ về mặt lợi ích [dẫn theo 71, tr. 10]. Tác giả nhấn mạnh đến các kỹ năng giao tiếp như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng viết, kỹ năng trình bày là các kỹ năng có liên quan chặt chẽ đến kết quả hoạt động của lĩnh vực này. Như vậy, tác giả đã xem xét kỹ năng như là một biểu hiện năng lực của cá nhân, có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của hoạt động.

Tác giả Richard N.J cho rằng, kỹ năng là những hành vi được thể hiện ra bên ngoài và chịu sự chi phối bởi cách thức con người cảm nhận và suy nghĩ [142, tr. 10]. Như vậy, tác giả đã xem xét kỹ năng không chỉ là biểu hiện của năng lực mà còn cả thái độ và động cơ của cá nhân gửi vào trong đó. Cũng theo hướng này, tác giả Gudykunst W. B. (1997) coi kỹ năng giao tiếp là năng lực của cá nhân trong việc thực hiện các hành vi giao tiếp một cách phù hợp và có hiệu quả. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đề cao 4 kỹ năng giao tiếp cần có để giao tiếp có hiệu quả và thành công là: biết quan tâm đến đối tượng giao tiếp, biết đồng cảm, biết thích ứng, biết đưa ra những phán đoán chính xác.

Như vậy, theo các tác giả trên thì, kỹ năng giao tiếp không chỉ là mặt kỹ năng thao tác đơn thuần, mà còn liên qua tới kết quả đạt được của quá trình giao tiếp. Vì vậy, một cá nhân được coi là có kỹ năng giao tiếp khi họ có năng lực nhất định, biết vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào quá trình giao tiếp đạt kết quả theo mục đích đã đề ra. Theo đó, kỹ năng giao tiếp vừa có tính ôn

định, mềm dẻo lại linh hoạt và có tính mục đích. Tính ổn định ở đây phải thể hiện ở khả năng thường xuyên giao tiếp tốt trong mọi hoàn cảnh khác nhau, mọi thời gian, không gian khác nhau. Bên cạnh đó, người có kỹ năng giao tiếp tốt không phải lúc nào cũng có thái độ, cử chỉ, cách nói năng giống nhau trong mọi hoàn cảnh, tình huống, mà ở họ luôn có sự thay đổi mềm dẻo cho phù hợp. Tính mềm dẻo là sự linh hoạt, nhạy cảm, biết điều chỉnh thái độ, hành vi cho phù hợp với mọi hoàn cảnh, tình huống, đối tượng giao tiếp đạt mục đích giao tiếp đề ra.

*Nghiên cứu quá trình hình thành của kỹ năng giao tiếp*

Đại diện cho hướng nghiên cứu này là các nhà tâm lý học mác xít, họ khẳng định kỹ năng hoạt động không phải hình thành và phát triển theo cơ chế di truyền sinh vật, mà theo cơ chế lĩnh hội các kinh nghiệm xã hội lịch sử. Quá trình hình thành, phát triển kỹ năng giao tiếp cũng là kết quả của quá trình con người lĩnh hội tri thức, vận dụng chúng vào những điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp khác nhau để có thể đạt được mục đích giao tiếp đã đề ra. Tiêu biểu cho quan điểm này là Leonchiev A.A, dựa trên các nghiên cứu của mình, tác giả đã soạn các bài tập luyện kỹ năng định hướng tiền giao tiếp, luyện kỹ năng tiếp xúc, luyện kỹ năng giao tiếp [dẫn theo 29, tr. 21].

Tác giả Rudic P.A và Theodorson G. cho rằng, ban đầu kỹ năng mới chỉ là các thao tác riêng lẻ đơn giản, chưa được hoàn thiện, quá trình rèn luyện chúng trở thành hành động nhanh chóng, chính xác và sau đó trở thành kỹ năng, kỹ xảo. Tác giả Anderson lại phân biệt 3 giai đoạn tiếp thu kỹ năng, đó là: Giai đoạn nhận thức (người học tìm cách hiểu thật rõ nhiệm vụ đặt ra và những thông tin); giai đoạn liên tưởng (những thông tin, thành phần nhận thức và vận động cần thiết cho sự vận hành của một kỹ năng được kết hợp với nhau theo đặc điểm hoạt động, kỹ năng dần dần được hình thành; giai đoạn tự lập (kỹ năng ngày càng được tự động hóa nhiều hơn, nhanh chóng và chính xác hơn, giảm bớt sự chú ý [dẫn theo 120, tr. 21].

Theo Platonop K.K và Golubev G.G (1963), kỹ năng giao tiếp được hình thành và phát triển qua 5 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách thức thực hiện hành động dựa trên vốn hiểu biết và kỹ xảo sinh hoạt đời thường, hành động bằng thử và sai.

- Giai đoạn 2: Biết cách làm nhưng không đầy đủ. Con người có hiểu biết về phương thức hành động, sử dụng các kỹ xảo đã có, nhưng chưa phải là kỹ xảo chuyên biệt dành cho hoạt động này.

- Giai đoạn 3: Có những kỹ năng chung nhưng còn mang tính chất độc lập. Các kỹ năng này cần thiết cho các dạng hoạt động khác nhau.

- Giai đoạn 4: Có kỹ năng phát triển cao, con người biết sử dụng vốn hiểu biết và kỹ xảo đã có. Họ không chỉ ý thức được mục đích mà còn ý thức được động cơ, lựa chọn cách thức để đạt được mục đích.

- Giai đoạn 5: Hình thành kỹ năng khác nhau. Có nghĩa là con người không chỉ sử dụng các kỹ năng đã được hình thành ở mức độ thuần thục, điều luyện mà còn sáng tạo trong khi thực hiện [dẫn theo 85, tr. 108].

Tác giả Robert N. L cho rằng, kỹ năng giao tiếp chính là chìa khóa cho việc xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa con người với con người, người có kỹ năng giao tiếp là người luôn duy trì được trạng thái ưu thế trong bất kỳ tình huống giao tiếp nào, tức là luôn đảm bảo được sự thoải mái giữa tất cả các bên tham gia giao tiếp. Tác giả cũng đề ra được 9 yêu cầu để có được kỹ năng giao tiếp: Luôn lạc quan; luôn chủ động; biết quan tâm đến mọi người; giữ nụ cười trên môi; gọi người khác bằng tên riêng; lắng nghe; sẵn lòng giúp đỡ; suy nghĩ trước khi hành động; luôn duy trì trạng thái giao tiếp thắng – thắng.

Như vậy, tác giả trên đã chỉ ra các kỹ năng giao tiếp rất cụ thể, mang tính ứng dụng cao trong quá trình đào tạo, rèn luyện, thực hiện và đánh giá. Để có được các kỹ năng này, đòi hỏi các cá nhân vừa phải có năng lực thực hiện, vừa phải thường xuyên rèn luyện để duy trì.

### *1.1.1.2. Các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của các tác giả trong nước*

Ở Việt Nam, vấn đề kỹ năng giao tiếp được nghiên cứu với nhiều hướng khác nhau, phải kể đến các tác giả tiêu biểu nghiên cứu về vấn đề này như Hoàng Anh, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thạc, Trần Quốc Thành, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy, Nguyễn Bá Minh ...và một số nhà khoa học khác. Tuy nhiên, các tác giả Hoàng Anh, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thạc ....đi sâu vào nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, vì vậy chúng tôi sẽ bàn đến quan điểm và các công trình của các tác giả này ở phần sau.

Tác giả Nguyễn Văn Lũy quan niệm, kỹ năng giao tiếp là khả năng cụ thể của mỗi con người vận dụng những kiến thức thu được vào quá trình tiếp xúc giữa người với người [85, tr. 82].

Theo tác giả Nguyễn Bá Minh, quá trình giao tiếp gồm các nhóm kỹ năng sau:

- Nhóm kỹ năng lập kế hoạch giao tiếp, gồm: Nhóm kỹ năng nhận thức; nhóm kỹ năng thiết kế.
- Nhóm kỹ năng thực hiện kế hoạch giao tiếp, gồm: Nhóm kỹ năng tổ chức điều khiển; nhóm kỹ năng giao tiếp.
- Nhóm kỹ năng đánh giá cuộc giao tiếp gồm các kỹ năng: Kỹ năng đánh giá mức độ hứng thú của đối tượng giao tiếp; kỹ năng đánh giá những điều kiện khách quan và chủ quan khi tổ chức cuộc giao tiếp; kỹ năng đánh giá mức độ nắm vấn đề, nội dung cuộc giao tiếp; kỹ năng đánh giá những mặt mạnh, hạn chế của bản thân; kỹ năng điều chỉnh khắc phục hạn chế của bản thân ở những lần giao tiếp sau [92]. Như vậy, theo tác giả Nguyễn Bá Minh, kỹ năng giao tiếp được biểu hiện cả ở trước, trong và sau khi quá trình giao tiếp kết thúc.

Tác giả Trần Quốc Thành cho rằng, quy trình hình thành kỹ năng đi từ hình thành nhận thức về mục đích, cách thức, điều kiện hành động tới việc

quan sát và làm thử, cuối cùng là luyện tập để tiến hành hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt được mục đích đề ra [118, tr. 38]. Trong luận án “Kỹ năng tổ chức trò chơi của chi đội trưởng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh”, Trần Quốc Thành cho rằng, hệ thống kỹ năng tổ chức rất phong phú, được thể hiện trong 5 thành phần: Nhận thức; Thiết kế; Thi công – phối hợp; Giao tiếp; Thực hiện nhiệm vụ. Các thành phần này có mối quan hệ chặt chẽ, chi phối lẫn nhau trong quá trình tổ chức hoạt động [118].

Khi nghiên cứu về kỹ năng và kỹ năng giao tiếp, Phạm Tất Dong và Trần Trọng Thủy đã nhận mạnh có 4 giai đoạn hình thành kỹ năng:

- Giai đoạn thứ nhất: Được gọi là giai đoạn hình thành kỹ năng sơ bộ. Con người trước khi hành động phải nhận thức được hành động. Dựa vào kỹ năng kỹ xảo đã nắm được để tìm kiếm phương thức hoạt động. Ở giai đoạn này hoạt động diễn ra theo kiểu “thử và sai”.

- Giai đoạn thứ hai: Con người đã có những tri thức về phương thức thực hiện hoạt động và sử dụng được những kỹ xảo đã có. Đây là giai đoạn hoạt động với những kỹ năng chưa thành thạo.

- Giai đoạn thứ 3: Con người có được những kỹ năng chung, cần thiết cho mọi hoạt động khác nhau. Đây là điều kiện không thể thiếu được để hình thành kỹ năng chuyên môn. Trên cơ sở kỹ năng chung, con người sẽ sử dụng một cách sáng tạo những tri thức và kỹ xảo cần thiết trong quá trình hoạt động. Đây là giai đoạn kỹ năng phát triển cao.

- Giai đoạn thứ tư: Con người sử dụng một cách sáng tạo những kỹ năng khác nhau. Đây là giai đoạn cao nhất của sự phát triển kỹ năng. Ở trình độ này, con người dễ dàng thực hiện công việc [29].

Khi phân tích về mối quan hệ giữa tình người, văn hóa và giao tiếp tác giả Trần Trọng Thủy cũng nhấn mạnh, văn hóa giao tiếp có liên quan mật thiết đến kỹ năng giao tiếp, và có một số kỹ năng giao tiếp đặc trưng của con người, như: kỹ năng chỉnh sửa các ấn tượng ban đầu của mình về người khác

khi mới làm quen với họ, kỹ năng bước vào giao tiếp với người khác một cách không có định kiến. Những kỹ năng này không có sẵn mà được hình thành qua học tập và rèn luyện.

Tác giả Hoàng Anh chia kỹ năng giao tiếp thành 5 giai đoạn: Giai đoạn định hướng giao tiếp; giai đoạn tạo bầu không khí tiền giao tiếp; giai đoạn thăm dò tâm hồn của đối tượng giao tiếp; giai đoạn thu hút sự chú ý của đối tượng giao tiếp; giai đoạn giao tiếp ngôn từ [2, tr. 35].

Trong luận án *“Một số kỹ năng giao tiếp trong vận động quần chúng của chủ tịch hội phụ nữ cấp cơ sở”* của tác giả Trần Thị Thanh Hà đã chia kỹ năng giao tiếp thành 5 nhóm: kỹ năng nhận thức, kỹ năng điều khiển đối tượng, kỹ năng điều khiển bản thân, kỹ năng sử dụng các phương tiện, kỹ năng giao tiếp độc đáo của chủ tịch hội phụ nữ cấp cơ sở [45].

Trong luận án *“Kỹ năng giao tiếp của chính trị viên trong quân đội nhân dân Việt Nam”* của mình, tác giả Nhữ Văn Thao cho rằng, kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có để thực hiện có hiệu quả những tình huống giao tiếp cụ thể nhằm đạt mục đích đã định [114]. Tác giả cũng xác định, kỹ năng giao tiếp của chính trị viên trong quân đội bao gồm 3 nhóm kỹ năng cơ bản: Kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng thu nhận và xử lý thông tin phản hồi... Từ đó, tác giả cũng cho rằng một người được coi là có kỹ năng giao tiếp khi: Có tri thức về giao tiếp; thành thạo các thao tác giao tiếp, vận dụng linh hoạt các tri thức và phương thức giao tiếp đã có vào các hoàn cảnh, đối tượng cụ thể khác nhau để tiến hành giao tiếp có hiệu quả; người có kỹ năng giao tiếp là người có được những kinh nghiệm, vốn sống nhất định được rút ra từ những tình huống giao tiếp, ứng xử với cá đối tượng khác nhau trong thực tiễn hoạt động sống, đồng thời là người có các phẩm chất nhân cách nhất định để đạt được mục đích giao tiếp có giá trị.

Khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của cảnh sát giao thông đường bộ với người vi phạm luật giao thông ở thành phố Hồ Chí Minh, tác giả Nguyễn Thị Quy cho rằng, kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của chủ thể vào điều kiện thực tiễn để thực hiện có hiệu quả hoạt động giao tiếp. Tác giả xác định, kỹ năng giao tiếp của cảnh sát giao thông đường bộ bao gồm 4 nhóm kỹ năng: Kỹ năng tiếp xúc ban đầu của cảnh sát với người vi phạm luật giao thông; kỹ năng lắng nghe của cảnh sát đối với người vi phạm luật giao thông; kỹ năng điều chỉnh cảm xúc của bản thân cảnh sát giao thông; kỹ năng xử lý tình huống vi phạm của cảnh sát giao thông [108].

Qua các công trình nghiên cứu trên đây cho thấy, vấn đề kỹ năng giao tiếp được các tác giả Việt Nam nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực cụ thể khác nhau, khi nghiên cứu, mỗi tác giả đều đưa ra quan điểm cá nhân, về khái niệm, về cấu trúc cũng như quá trình hình thành kỹ năng giao tiếp của một hoạt động cụ thể nào đó. Tuy nhiên, tựu trung lại, các quan điểm trên không mâu thuẫn nhau, mà chỉ khai thác vấn đề ở các khía cạnh khác nhau mà thôi.

### ***1.1.2. Các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm***

*1.1.2.1. Các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của các tác giả nước ngoài*

Bàn về kỹ năng giao tiếp sư phạm, phải kể đến Dakharop. V.P, với quan niệm coi kỹ năng là mặt biểu hiện của năng lực và dựa vào trật tự các bước tiến hành của một pha giao tiếp, ông cho rằng năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên được biểu hiện thông qua các kỹ năng sau: Kỹ năng thiết lập các mối quan hệ trong giao tiếp; kỹ năng cân bằng nhu cầu của chủ thể và đối tượng giao tiếp; kỹ năng nghe và biết lắng nghe; kỹ năng tự chủ cảm xúc và hành vi; kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp; kỹ năng diễn đạt dễ hiểu, ngắn gọn, mạch lạc; kỹ năng thuyết phục trong giao tiếp; kỹ năng điều khiển trong quá trình giao tiếp; kinh hoạt mềm dẻo trong giao tiếp; khả năng nhạy cảm trong giao tiếp [dẫn theo 85, tr. 83].

Theo Kyrbanova A.T và Rakhmatylyna Ph. M, một quá trình giao tiếp gồm 3 thành phần lớn: Nhóm các kỹ năng định hướng trước khi giao tiếp sư phạm; nhóm các kỹ năng tiếp xúc xảy ra trong quá trình giao tiếp sư phạm; nhóm các kỹ năng độ đảo hướng quá trình giao tiếp sư phạm đến các định hướng giá trị khác nhau mà giáo viên cần hướng đến [dẫn theo 3, tr. 37].

Theo hai tác giả này, các kỹ năng trong các thành phần trên bao gồm: Nhìn thấy, nghe được các trạng thái của người học, kỹ năng tiếp xúc, hiểu biết lẫn nhau, tổ chức, điều khiển quá trình giao tiếp.

Tác giả Leonchiep A.A đã liệt kê các kỹ năng giao tiếp gồm: Kỹ năng điều khiển hành vi của bản thân (phẩm chất ý chí); kỹ năng nhạy cảm xã hội: biết đoán nét mặt người khác; kỹ năng đọc, hiểu, mô hình hóa nhân cách người học; kỹ năng làm gương cho người học noi theo; kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ: Biết nói một cách tối ưu; kỹ năng kiến tạo sự tiếp xúc (ngôn ngữ, phi ngôn ngữ); kỹ năng nhận thức (Thu thập, hệ thống hóa và truyền đạt thông tin).

Như vậy, các tác giả trên đã cho thấy, kỹ năng giao tiếp sư phạm bao gồm nhiều kỹ năng cụ thể, được thể hiện trước, trong và sau khi quá trình giao tiếp sư phạm diễn ra, trong đó đặc biệt là giai đoạn trong khi giao tiếp.

Về vấn đề kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non cũng như các khía cạnh liên quan, theo như bước đầu tìm hiểu của chúng tôi thì hiện nay ở nước ngoài cũng có khá nhiều các công trình nghiên cứu, như; “*Những mức độ kỹ năng giao tiếp của các giáo sinh mầm non ở Thổ Nhĩ Kỳ*” của Fulya Y.– Sahin [145], “*Phân tích kỹ năng giao tiếp và giải quyết các vấn đề liên cá nhân của các giáo sinh mầm non*” của Emel A. [139], “*Nhận thức và cách ứng xử của giáo viên mầm non đối với các hành vi bất thường trong lớp học: Những gợi ý cho các nhà bệnh học*” [138] của tác giả Nicole R.N, Ruth V.W, “*Giáo viên – Người ảnh hưởng đến giao tiếp tiền ngôn ngữ*” của tác giả Rebacca B.M [144] ...



Trong nghiên cứu của mình, tác giả Emel A. đã chỉ ra rằng, giữa kỹ năng giao tiếp sư phạm và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên cá nhân của giáo sinh mầm non có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau, những giáo sinh có mức độ kỹ năng giao tiếp tốt thì kỹ năng giải quyết các vấn đề liên cá nhân cũng cao. Từ đó, tác giả cho rằng, trong đào tạo giáo viên mầm non, cần phải tính đến việc giảng dạy kỹ năng giao tiếp và vấn đề liên cá nhân. Xét đến cùng, kỹ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân và kỹ năng giao tiếp sẽ giúp giáo sinh trong quá trình học tập, các kỹ năng này rất quan trọng đối với họ trong quá trình tiếp nhận các loại hình giáo dục [139, tr. 528].

Tác giả Fulya Y. – Sahin khi nghiên cứu về mức độ kỹ năng giao tiếp của các giáo sinh mầm non ở Thổ Nhĩ Kỳ đã cho rằng, giao tiếp là một trong những công cụ quan trọng trong điều chỉnh hành vi của con người. Từ khi sinh ra, con người không ngừng tương tác với môi trường của họ. Định nghĩa về kỹ năng giao tiếp của ông đã được phát triển và trình bày như là hành vi cho phép một cá nhân thiết lập những mối quan hệ thích hợp, tạo ra những phản ứng tích cực với các cá nhân khác và tạo thuận lợi cho đời sống xã hội [145, tr. 128]. Nói rõ hơn, kỹ năng giao tiếp hiệu quả sẽ là nền tảng quan trọng cho mối quan hệ lành mạnh giữa các cá nhân. Ông cho rằng, sự tôn trọng, cảm thông, lắng nghe tích cực, sự rõ ràng và chính xác của ngôn ngữ, sự phù hợp, sự tự bộc lộ bản thân (thể hiện cái riêng), sử dụng "thông điệp cá nhân" ("I" messages), sự quyết đoán đồng cảm, chân thật và tính thống nhất giữa các thông điệp bằng lời và không lời là những thành phần quan trọng của giao tiếp hiệu quả. Đây là những kỹ năng cơ bản cần thiết cho mối quan hệ lành mạnh và bền vững, cho dù mối quan hệ này là chính thức hay không chính thức. Mục đích nghiên cứu của tác giả là để điều tra xem liệu có mối liên quan giữa kỹ năng giao tiếp của các giáo sinh khác nhau với hành vi phục tùng, đánh giá ứng xử xã hội, mức độ nhận thức, sự quyết đoán trong nhận thức, mức thu nhập của họ và thái độ nhận thức của cha mẹ. Tác giả cho rằng

lắng nghe tích cực là rất quan trọng trong việc hiểu chính xác suy nghĩ và cảm xúc của người khác. Lắng nghe tích cực liên quan đến thái độ đồng cảm, nỗ lực tích cực trong việc hiểu các thông tin và phản hồi của người nói về những gì đang được nghe. Lắng nghe tích cực và những thông tin phản hồi có thể làm giàu cho các mối quan hệ giữa các cá nhân. Những hành vi có liên quan đến lắng nghe hiệu quả, dựa trên nền tảng của sự tôn trọng và cảm thông, đó là sự thể hiện bản thân thích hợp qua lời nói dễ hiểu, thể hiện cảm xúc đến người khác qua thông điệp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, thông điệp cá nhân, và loại bỏ khoảng cách xã hội (social masks). Tự bộc lộ bản thân (Self – disclosure) là sự tự nguyện chia sẻ về những kinh nghiệm trong quá khứ, kế hoạch tương lai và các vấn đề với những người xung quanh [145].

Trong công trình nghiên cứu về sự ảnh hưởng của giáo viên đến giao tiếp tiền ngôn ngữ của trẻ, tác giả Rebecca B.M, đã khám phá ra những hiệu quả nhất định của can thiệp tiền ngôn ngữ được thực hiện bởi giáo viên thông qua hoạt động trong ngày ở trường mầm non. Dự án của tác giả được tiến hành dựa trên việc thiết kế hành vi cho cả trẻ em và giáo viên. Chiến lược này được sử dụng bởi các giáo viên đã sắp xếp môi trường theo sự tiến bộ của trẻ, bắt chước các âm thanh và cử chỉ, mô hình của các âm thanh và cử chỉ, nhằm thúc đẩy giao tiếp. Kết quả cho thấy rằng các giáo viên đã có thể thực hiện các can thiệp và cho thấy sự phát triển của những chiến lược can thiệp đó. Ánh mắt, tiếng nói với phụ âm và một số yếu tố khác trong quá trình giao tiếp của trẻ đã cho thấy có sự phát triển, trẻ tăng cường sử dụng các giao tiếp biểu tượng, chủ yếu là các dấu hiệu, nó cũng phát triển các kỹ năng chơi bằng biểu tượng (nằm ngoài mục tiêu của các can thiệp). Tác giả cũng khẳng định, việc đặt mục tiêu cho giáo viên thực hiện can thiệp vào ngôn ngữ và giao tiếp thực sự có nhiều ý nghĩa với nhiều lý do. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã xác thực cho thấy ấn tượng sâu sắc của giáo viên đối với việc can thiệp vào ngôn ngữ và giao tiếp; thứ hai, các giáo viên có trình độ

sự phạm sẽ mang lại hiệu quả nhanh chóng đối với kế hoạch can thiệp. Nó cũng cho thấy một thực tế các giáo viên đứng lớp chỉ chịu trách nhiệm cư xử và giao tiếp mang tính giáo dục cùng hỗ trợ chứ không tạo điều kiện cho việc phát triển ngôn ngữ sớm hay giao tiếp [144].

Như vậy, có thể thấy, nhìn chung các công trình cũng đã đề cập đến kỹ năng giao tiếp của giáo viên và giáo sinh thực tập trong các tình huống bình thường và khó khăn ở trường mầm non, cách đánh giá kỹ năng giao tiếp cũng như mức độ kỹ năng giao tiếp của các giáo viên. Đó cũng là những cơ sở quan trọng khi xem xét về kỹ năng giao tiếp của giáo viên nói chung, giáo viên mầm non nói riêng.

#### *1.1.2.2. Các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của các tác giả trong nước*

Ở Việt Nam, vấn đề kỹ năng giao tiếp sư phạm cũng đã có nhiều tác giả nghiên cứu, phải kể đến như Hoàng Anh, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thạch, Phạm Tất Dong..v.v.. Các tác giả đã nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm và nhấn mạnh tới quy trình hình thành kỹ năng này cho sinh viên các trường sư phạm. Theo tác giả Hoàng Anh và Ngô Công Hoàn thì, kỹ năng giao tiếp sư phạm là hệ thống những tao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi (kể cả hành vi phi ngôn ngữ) phối hợp hài hòa, hợp lý của giáo viên, nhằm đảm bảo cho sự tiếp xúc với học sinh đạt kết quả cao trong dạy học và giáo dục, với sự tiêu hao năng lượng tinh thần và cơ bắp ít nhất trong những điều kiện thay đổi [61].

Như vậy, theo hai tác giả trên thì kỹ năng giao tiếp sư phạm là sự phối hợp phức tạp giữa những chuẩn mực hành vi xã hội của cá nhân với sự vận động của cơ mặt, ánh mắt, nụ cười, tư thế của đầu, cổ, vai, tay, chân, đồng thời với ngôn ngữ của giáo viên. Sự phối hợp hài hòa, hợp lý giữa các vận động đều mang một nội dung tâm lý nhất định, phù hợp với những mục đích, nhiệm vụ giao tiếp cần đạt mà giáo viên là chủ thể. Kỹ năng giao tiếp sư phạm là sự nhận thức nhanh chóng các biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của học sinh và bản thân giáo viên, đồng thời sử dụng

hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích giáo dục.

Khi bàn về con đường hình thành kỹ năng giao tiếp sư phạm, các tác giả trên cũng khẳng định, kỹ năng giao tiếp sư phạm được hình thành qua những thói quen ứng xử được xây dựng từ gia đình, quan hệ xã hội, từ vốn kinh nghiệm sống của cá nhân qua tiếp xúc với mọi người, qua rèn luyện trong môi trường sư phạm từ các lần thực hành, thực tập giảng dạy, làm công tác chủ nhiệm, quản lý lớp và thâm niên nghề càng cao thì kỹ năng giao tiếp sư phạm càng hợp lý.

Khi bàn về các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm, kế thừa quan điểm của các tác giả nước ngoài, tiêu biểu là Leonchiev A.N, khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên, tác giả Hoàng Anh, đã chia kỹ năng giao tiếp sư phạm thành các nhóm như sau:

- Kỹ năng định hướng giao tiếp: Biểu hiện ở khả năng dựa vào sự biểu lộ ra bên ngoài như sắc thái, biểu cảm ngữ điệu, thanh điệu của nội dung, cử chỉ điệu bộ, động tác để mà phán đoán các trạng thái tâm lý bên trong của học sinh.

- Kỹ năng định vị giao tiếp: Biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết đặt mình vào vị trí của đối tượng để có thể cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện để đối tượng chủ động giao tiếp với mình.

- Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp: Là khả năng thu hút đối tượng, tìm đề tài giao tiếp, duy trì nó và xác định được nguyện vọng, hứng thú của đối tượng giao tiếp, biết làm chủ trạng thái cảm xúc của bản thân, biết sử dụng các phương tiện giao tiếp [2, tr. 38].

Cũng theo hướng này, nhưng tác giả Ngô Công Hoàn, đã chia nhóm kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp gồm có các thành phần sau: Biết phát hiện (bằng mắt quan sát) những thay đổi trên nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, sự vận động của toàn cơ thể của đối tượng giao tiếp; Biết nghe và lắng nghe; Biết xử lý thông tin; Biết điều khiển, nghĩa là có hành vi ứng xử phù hợp, khoa học,

chính xác với những nhu cầu, mong muốn nguyện vọng của đối tượng giao tiếp trong hoạt động sư phạm [dẫn theo 3, tr. 45].

Như vậy, có thể thấy, hai tác giả trên đã rất quan tâm đến hai giai đoạn của một quá trình giao tiếp, đó là giai đoạn đầu khi tiếp xúc với đối tượng, sự điều khiển bản thân và đối tượng trong quá trình giao tiếp, chủ yếu là trong quá trình dạy học.

Tác giả Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn cho rằng, kỹ năng giao tiếp sư phạm là khả năng cụ thể của mỗi con người vận dụng những kiến thức thu được vào quá trình tiếp xúc giữa người với người. Từ đó, 2 tác giả trên đã phân chia kỹ năng giao tiếp sư phạm thành các nhóm như sau: Kỹ năng định hướng giao tiếp; kỹ năng định vị; kỹ năng điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp; kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp; kỹ năng điều khiển bản thân; kỹ năng ứng xử sư phạm khéo léo (xử lý tình huống sư phạm) [85, tr. 79].

Tác giả cũng khẳng định, ngoài các kỹ năng trên, trong điều kiện hiện nay khi công nghệ đang ngày càng phát triển và đang được vận dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực, các loại hình nhà trường, kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên còn được thể hiện ở việc sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật (giáo án điện tử, email, internet...) trong quá trình dạy học.

Ngoài ra còn có một số tác giả khác, cũng bàn về kỹ năng giao tiếp trong quá trình dạy học, có liên quan đến kỹ năng giao tiếp sư phạm như tác giả Đinh Văn Vang, Lê Minh Nguyệt, Dương Diệu Hoa, .....

Tác giả Đinh Văn Vang khi nghiên cứu về kỹ năng dạy học bằng trò chơi của giáo viên mẫu giáo, cho rằng, trong hệ thống kỹ năng dạy học bằng trò chơi của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, kỹ năng giao tiếp sư phạm đóng vai trò trung tâm, nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm bao gồm các kỹ năng sau: Tạo tâm thế được tham gia trò chơi ở trẻ; tạo sự ganh đua giữa trẻ với nhau trong quá trình chơi; tạo ra tình huống có vấn đề vào thời điểm thích hợp; giảng giải cho trẻ dễ nhớ; động viên, khuyến khích trẻ; sử dụng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để điều khiển trẻ.

Tác giả Lê Minh Nguyệt, Dương Diệu Hoa cho rằng: Kỹ năng giao tiếp sư phạm là hệ thống các thao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi (kể cả hành vi ngôn ngữ) được giáo viên phối hợp hài hòa, hợp lý nhằm đảm bảo đạt kết quả cao trong giao tiếp với sự tiêu hao năng lượng tinh thần, cơ bắp ít nhất trong những điều kiện thay đổi. Hai tác giả cũng khẳng định, có nhiều góc độ xem xét về kỹ năng giao tiếp sư phạm. Nếu xét theo góc độ tổ chức hoạt động giao tiếp, có thể chia thành các nhóm kỹ năng, gồm: Nhóm kỹ năng định hướng; nhóm kỹ năng định vị; nhóm kỹ năng điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp. Nếu xét theo chức năng của các kỹ năng trong hoạt động giao tiếp, có thể chia thành các kỹ năng mang tính công cụ, như: Kỹ năng lắng nghe; kỹ năng quản lý cảm xúc của bản thân; kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp.

Như vậy, tác giả Lê Minh Nguyệt và Dương Diệu Hoa đã xem xét vấn đề kỹ năng giao tiếp sư phạm ở cả hai góc độ, và mỗi góc độ xem xét lại bao gồm nhiều nhóm kỹ năng khác nhau, nhưng đều thể hiện năng lực giao tiếp sư phạm của cá nhân.

Ngoài ra, còn phải kể đến một số tác giả như Nguyễn Đình Chính, Lê Thị Bùng, Trần Hữu Luyến, Trần Ngọc Diễm đã có khá nhiều công trình nghiên cứu liên qua đến kỹ năng giao tiếp sư phạm như kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm. Tác giả Lê Thị Bùng khi nghiên cứu về ứng xử sư phạm của giáo viên đã nhấn mạnh mỗi giáo viên cần phải có kỹ năng ứng xử trong các tình huống sư phạm, đây là loại kỹ năng đặc thù, mang tính chất nghiệp của người giáo viên [dẫn theo 129, tr. 22].

Năm 2017, tác giả Nguyễn Minh Ngọc với công trình “Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn” đã nghiên cứu trên 4 trường mầm non nội thành Hà Nội (Mầm non Thực hành Hoa Sen, Mầm non Thăng Long Kidsmart, Mầm non Mỹ Đình 1, Mầm non Mai Dịch) và 4 trường Mầm non ngoại thành Hà Nội (Mầm non Di Trạch, Mầm non Tân Hội, Mầm non An Thượng A, Mầm Non Hoa Nắng). Nguyễn Minh Ngọc xác định phạm vi

đối tượng nghiên cứu gồm 3 nhóm kỹ năng: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tự chủ cảm xúc, kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Nguyễn Minh Ngọc cho rằng: “Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm của giáo viên mầm non vào thực hiện các hành động/ hoạt động lắng nghe, tự chủ cảm xúc và sử dụng các phương tiện giao tiếp với trẻ mẫu giáo lớn có hiệu quả nhằm đạt mục đích giao tiếp đã đề ra”. Theo đó, tác giả này quan niệm: “Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm về việc sử dụng trang phục, sử dụng phương tiện ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn để đạt được những mục tiêu giáo dục đã đề ra” [100].

Như vậy, đề tài trên chỉ tập trung nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp (không tập trung nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm); đối tượng giao tiếp là trẻ mẫu giáo lớn (chưa đề cập đến đối tượng mẫu giáo bé và mẫu giáo nhỏ); chỉ đi sâu làm rõ biểu hiện của kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tự chủ cảm xúc và kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp (không có phương tiện đồ chơi – một phương tiện đặc thù của giao tiếp sư phạm mầm non); Chỉ khảo sát, đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội (không nghiên cứu các tỉnh, thành phố khác).

## **1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề luận án tập trung giải quyết**

### ***1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố***

Nhìn chung, ở nước ngoài các nhà tâm lý học đã nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giao tiếp sư phạm với nhiều cách tiếp cận, trên các lĩnh vực, đối tượng khác nhau. Các nghiên cứu cả lý luận và thực tiễn đã chỉ ra khái niệm kỹ năng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm; các nhóm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm và biểu hiện của nó; các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp; đồng thời đưa ra con đường hình thành, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm và các cách thức sử dụng có hiệu quả kỹ năng trong quá trình giao tiếp, giao tiếp sư phạm. Các

ngiên cứu này đã cho tác giả cái nhìn toàn diện về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm trong tâm lý học thế giới. Từ đó giúp tác giả luận án so sánh đối chiếu với các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm trong nước và hướng nghiên cứu của đề tài luận án.

Ở trong nước, các nhà tâm lý học đã có một số công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm. Các nghiên cứu thực tiễn về kỹ năng giao tiếp có phần nổi trội hơn về số lượng so với các nghiên cứu lý luận và tập trung làm rõ các kỹ năng giao tiếp cụ thể và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp ở một số đối tượng, lĩnh vực hoạt động. Trong đó, một số nhà tâm lý học đã có nghiên cứu chuyên sâu về giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên, sinh viên. Mặt khác, trong thời gian vừa qua, ở Việt Nam cũng đã có đề tài nghiên cứu về giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn. Tuy nhiên, chưa có đề tài nào nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với cả độ tuổi mẫu giáo. Từ kết quả nghiên cứu trên, giúp tác giả luận án có sự so sánh, đối chiếu với các hướng nghiên cứu ngoài nước, qua đó tìm ra “khoảng trống” trong nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm trong bối cảnh Tâm lý học Việt Nam hiện nay, từ đó đi đến khẳng định tính mới mẻ của đề tài luận án.

### ***1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết***

*Một là*, về quan niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm đã được các nhà Tâm lý học trong và ngoài nước đề cập với nhiều quan điểm khác nhau. Trong đó, xu hướng coi kỹ năng giao tiếp sư phạm là một quá trình gồm nhiều nhóm kỹ năng, thể hiện sự vận dụng những kiến thức và kinh nghiệm trong giao tiếp sư phạm của bản thân để trao đổi thông tin, thiết lập mối quan hệ, đồng thời sử dụng các phương tiện giao tiếp nhằm đạt được mục đích giáo dục đã đề ra. Quan niệm này sẽ được tác giả luận án lựa chọn và tiếp tục nghiên cứu đề luận giải trong nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

*Hai là*, các nhà tâm lý học với các cách tiếp cận khác nhau về giao tiếp sư phạm, đã đưa ra những nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm không hoàn toàn



giống nhau. Tác giả luận án đã căn cứ vào bản chất giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo để xác định các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, bao gồm 3 nhóm: kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ; kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Vì vậy, nhiệm vụ của luận án cần tập trung làm rõ biểu hiện các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo; xác định các tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo để làm cơ sở khảo sát thực trạng.

*Ba là*, để nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, nhiệm vụ của luận án không chỉ làm sáng tỏ về mặt lý luận mà còn phải đi sâu nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng của nó. Bởi các nghiên cứu liên quan đến kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trong nước và nước ngoài chưa đề cập đến thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và các yếu tố ảnh hưởng đến nó. Vì vậy luận án cần tập trung sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu để làm rõ mức độ và tính chất thực trạng của vấn đề này.

*Bốn là*, trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng, luận án xác định một số biện pháp tâm lý - sư phạm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Đồng thời, để kiểm định tính khả thi, hiệu quả của các biện pháp đã đề ra, luận án cần tiến hành thực nghiệm kiểm định một trong những biện pháp đã nêu ra nhằm chứng minh việc sử dụng biện pháp sẽ có tác động nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Trên đây là những nhiệm vụ quan trọng, chủ yếu mà luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học trong và ngoài nước về kỹ năng giao tiếp sư phạm.

## **Kết luận chương 1**

Tóm lại, các tác giả trong nước và trên thế giới đã cho thấy kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non là một quá trình bao gồm nhiều các nhóm kỹ năng, thể hiện khả năng vận dụng những kiến thức và kinh nghiệm trong giao tiếp sư phạm của bản thân để nhanh chóng nhận ra những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của người học nhằm thiết lập mối quan hệ thuận lợi, đồng thời sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, cách tổ chức, điều khiển quá trình giao tiếp trong giáo dục nhằm đạt mục đích giáo dục đã đề ra. Các tác giả cũng đã phân chia các nhóm kỹ năng thành phần tạo nên kỹ năng giao tiếp sư phạm.

Tuy nhiên, các tác giả nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm nói chung, đặc biệt kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non nói riêng khi bàn về các phương tiện giao tiếp đều không đề cập đến một loại phương tiện đặc thù của quá trình giao tiếp, đó là đồ dùng, đồ chơi dạy trẻ. Đây là loại phương tiện đặc thù, nhằm đáp ứng kiểu tư duy đang chiếm ưu thế của trẻ - tư duy trực quan hành động.

Kết quả của các công trình nghiên cứu là nguồn tài liệu phong phú và bổ ích mà tác giả có thể khai thác, tham khảo, kế thừa nhằm hoàn thiện luận án của mình. Đồng thời, từ các kết quả nghiên cứu ở trên cũng khẳng định chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên với trẻ mẫu giáo, đây vẫn là một khoảng trống khoa học để tác giả luận án có thể lựa chọn và tiến hành nghiên cứu đảm bảo tính khoa học, độc lập, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

## Chương 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG GIAO TIẾP SƯ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON VỚI TRẺ MẪU GIÁO

#### 2.1. Các khái niệm cơ bản

##### 2.1.1. Kỹ năng giao tiếp

##### 2.1.1.1. Khái niệm kỹ năng

Cruchetxki V.A cho rằng: “Kỹ năng - đó là sự thực hiện một hành động hay một hoạt động nào đó nhờ sử dụng những thủ thuật, những phương thức đúng đắn” [22, t2, tr. 88]. Vì vậy, theo tác giả, chỉ cần nắm vững phương thức hành động là con người đã có kỹ năng, không cần tính đến kết quả của hành động. Rudich P.A thì cho rằng: “Kỹ năng là động tác mà cơ sở của nó là sự vận động thực tế của các kiến thức đã tiếp thu để đạt hiệu quả trong một hình thức hoạt động cụ thể” [dẫn theo 47, tr. 27]. Như vậy, tác giả đã nhấn mạnh tới động tác xuất phát từ những vận động thực tế. Cũng tương tự, Covaliov A.G cho rằng, kỹ năng là phương thức thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hành động [21]. Như vậy, theo các tác giả này, kỹ năng là phương thức thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hành động mà con người đã nắm rõ. Cách hiểu này cho thấy kỹ năng được bộc lộ một cách có hệ thống, linh hoạt trong suốt quá trình cá nhân hoạt động. Nói cách khác, các tác giả theo quan niệm này rất chú ý đến quá trình, nhưng kết quả của hoạt động còn chưa được quan tâm khi bàn về kỹ năng.

Golubep G.G, Platonop K.K cho rằng: “Kỹ năng là năng lực của người thực hiện công việc có kết quả với một chất lượng cần thiết trong những điều kiện khác nhau, kỹ năng bao gồm cả tri thức và kỹ xảo”. Platonov K.K đã khẳng định: “Cơ sở tâm lý của kỹ năng là sự thông hiểu mối liên hệ giữa mục đích hành động, các điều kiện và phương thức hành động” [dẫn theo 71, tr. 18]. Nhà tâm lý học Levitov N.D cũng cho rằng: “Kỹ năng là sự thực hiện có

kết quả một động tác nào đó hay hoạt động phức tạp hơn bằng cách áp dụng hay lựa chọn những cách thức đúng đắn có chiều cô đến những điều kiện nhất định”[dẫn theo 109, tr. 31]. Gonobolin Ph.N thì quan niệm: “Kỹ năng là kết quả của sự luyện tập, học tập” [40, tr. 76], “Năng lực gắn liền với các tri thức và kỹ năng của con người, tùy thuộc vào chúng” [40, tr. 77]. Như vậy, theo hai tác giả, trong năng lực có kỹ năng, và kỹ năng tham gia vào kết quả của hoạt động.

Người có công trong việc nghiên cứu kỹ năng, kỹ xảo, đưa ra các phương pháp hình thành kỹ năng phải kể đến Tsebuseva V.V. Tác giả đã nghiên cứu kỹ năng, kỹ xảo lao động và từ đó theo tác giả, kỹ năng với tư cách là khả năng (trình độ được chuẩn bị) thực hiện một hành động nào đó dựa trên cơ sở những tri thức và kỹ xảo được hành thiện dần trong quá trình hoạt động. Kỹ năng thường liên quan với khả năng vận dụng kinh nghiệm cũ trong việc thực hiện những hành động trong điều kiện mới. Tsebuseva V. V đã nêu lên các điều kiện và các bước hình thành kỹ năng. Bà nhấn mạnh vai trò tích cực của người học trong quá trình hình thành kỹ năng và khẳng định: Các quá trình nhận thức trong học tập càng tích cực bao nhiêu, thì kỹ năng, kỹ xảo càng hình thành nhanh chóng và hoàn thiện hơn bấy nhiêu. Từ đây, tác giả đã đưa ra kết luận: Khi huấn luyện, nếu giảm dần vai trò của nhà giáo dục để người học tự làm lấy thì kỹ năng sẽ hình thành nhanh chóng và ổn định hơn [Dẫn theo 114]. Cũng theo quan niệm này, khi nghiên cứu về kỹ năng và kỹ xảo, trong cuốn “Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học”, Lomov B.Ph đã khẳng định: “Kỹ năng không chỉ bao gồm các hành động vận động, mà cả những hành động trí tuệ”, “Kỹ năng là một tổ chức tâm lý phức tạp, hình thành trên cơ sở một hệ thống các kỹ xảo có liên quan đến một hoạt động nhất định” [Dẫn theo 92, tr. 342, 343]. Từ đó, tác giả cũng cho rằng, hành động có kỹ

năng nghĩa là những hành động “với trí tuệ”, độc lập lập kế hoạch quá trình làm việc, tìm thấy trong mỗi trường hợp cụ thể các phương pháp hành động hợp lý. Khi so sánh kỹ năng với kỹ xảo, tác giả chỉ ra sự khác biệt cơ bản: Kỹ xảo là hành động được tự động hóa mang tính khuôn mẫu; ngược lại, kỹ năng được bộc lộ khi giải quyết các nhiệm vụ mới, nó đòi hỏi yếu tố định hướng tốt vào những điều kiện mới và nó không chỉ đơn giản nhắc lại những gì đã được lĩnh hội trước kia, mà bao gồm cả yếu tố sáng tạo.

Tác giả Xavier R., Meiriew, xem kỹ năng như là một biểu hiện của năng lực và không có một kỹ năng nào tồn tại ở dạng thuần khiết. Mọi kỹ năng đều được biểu hiện qua các nội dung cụ thể. Các tác giả này đã phân loại kỹ năng thành hai nhóm: kỹ năng nhận thức và kỹ năng hoạt động chân tay. Trên quan niệm như vậy, họ đã sắp xếp hệ thống kỹ năng dạy học thành ba nhóm, tương ứng với ba giai đoạn của quá trình dạy học: Nhóm kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy, nhóm kỹ năng giảng dạy và nhóm kỹ thuật đánh giá. Tác giả cũng đặc biệt nhấn mạnh đến kỹ năng giao tiếp sư phạm trong quá trình truyền thụ kiến thức cho học sinh [dẫn theo 131, tr. 11].

Trần Hữu Luyện quan niệm, kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động, tức là kỹ thuật của các thao tác, là sự kết hợp nhiều thao tác theo một trật tự phù hợp với mục đích và điều kiện của hoạt động [dẫn theo 7, tr. 25]. Cách hiểu này cho thấy kỹ năng bộc lộ một cách có hệ thống, linh hoạt, phù hợp cho việc xây dựng kỹ năng hoạt động nghề nghiệp. Trần Trọng Thủy cũng cho rằng, kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động, con người nắm được cách thức hành động, có kỹ thuật hành động, có nghĩa là có kỹ năng [120].

Tác giả Trần Quốc Thành khi nghiên cứu kỹ năng tổ chức trò chơi của chi đội trưởng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh cũng đã bàn đến vấn đề kỹ năng và cho rằng kỹ năng không chỉ đơn thuần là mặt kỹ thuật của hành động mà là biểu hiện của năng lực, gắn với kết quả của hành động [118].

Tác giả Vũ Dũng đã cho rằng “Kỹ năng là năng lực vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng” [24]. Các tác giả như Ngô Công Hoàn, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Quốc Thành, Nguyễn Quang Uẩn cũng đều cho rằng, kỹ năng là năng lực vận dụng tri thức về hành động, hay các thao tác của hành động theo đúng quy trình để có kết quả mong muốn. Như vậy, những quan điểm theo hướng này đánh giá kỹ năng không đơn thuần là mặt kỹ thuật của thao tác, hành động mà còn là mặt biểu hiện của năng lực con người. Nghĩa là, người có kỹ năng hành động không chỉ dừng ở việc biết cách thực hiện hành động, biết các trình tự thao tác cụ thể để thực hiện một hành động nào đó mà quan trọng hơn là còn phải biết thực hiện hành động đó trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau mà vẫn đảm bảo hiệu quả hành động.

Trong những năm gần đây, khi bàn về kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng nghề nghiệp, một số tác giả không chỉ dừng lại ở tính chính xác, linh hoạt thể hiện ở quá trình hay kết quả của hành động mà còn xem xét các yếu tố thái độ, động cơ của cá nhân khi thực hiện hoạt động có chứa kỹ năng đó. Cách tiếp cận này xem xét kỹ năng ở góc độ rộng hơn, bao gồm các yếu tố năng lực, kỹ thuật và giá trị xã hội (thái độ, niềm tin) trong hành động của một hoạt động nhất định.

Cũng từ quan niệm mọi hành vi của con người đều xuất phát từ cách mà con người suy nghĩ, tác giả Richard N.J (2004) coi kỹ năng là những hành động được thể hiện ra bên ngoài và được chi phối bởi cách thức, hành động mà con người suy nghĩ” [142]. Cũng như vậy từ trước đó, tác giả Louise J. (1995) cũng đã khẳng định, kỹ năng là yếu tố mang tính thực tiễn và là kết quả của sự kết nối giữa lý thuyết và giá trị (thái độ, niềm tin) [136].

Một số tác giả Morales S.A & Sheator W. (1987), Daniel H. và Jean – Marc Riss (1998), Liliane Heid (1998) cho rằng kỹ năng là cách mà người ta ứng

xử với nhau trong môi trường làm việc, là mối quan hệ giữa người với người, và có sự tác động qua lại giữa thái độ niềm tin của cá nhân trong kỹ năng. Tác giả Gerard S. (2005) khi tiếp cận từ góc độ giá trị cá nhân đã cho rằng kỹ năng là việc chủ thể huy động kiến thức, thái độ, thiết lập được quy trình thu thập thông tin; có thể đề ra được mục đích và đánh giá, kiểm tra được mức độ đáp ứng của mình trong các bối cảnh khác nhau [dẫn theo 105, tr. 28].

Tác giả cho rằng, các quan niệm này không mâu thuẫn với nhau mà chỉ là thu hẹp hay mở rộng thành phần cấu trúc của kỹ năng mà thôi. Cả ba hướng quan niệm đều cho thấy kỹ năng là sự phối hợp hài hòa giữa tri thức, năng lực và thái độ, bộc lộ trong hoạt động. Đó là sự chín muồi các phẩm chất nhân cách và năng lực của một cá nhân trong nghề nghiệp nhất định. Kỹ năng có tiền đề vật chất là các cấu tạo và chức năng hoạt động của các giác quan, hệ thần kinh, cơ bắp, tim mạch... Đó chính là tổng hợp các thao tác, cử chỉ phối hợp hài hòa, hợp lý nhằm đảm bảo cho sự hoạt động đạt hiệu quả cao với sự tiêu hao năng lượng thần kinh và cơ bắp ít nhất trong mọi điều kiện. Cá nhân có kỹ năng về một hành động, hoạt động nào đó thì trước hết cần phải có kiến thức, kinh nghiệm về hành động, hoạt động đó, đồng thời biết vận dụng nó vào trong thực tiễn khác nhau và đạt kết quả.

Qua quá trình nghiên cứu các quan điểm trên, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm hành động/ hoạt động của cá nhân vào thực hiện có hiệu quả các hành động/hoạt động trong các điều kiện thực tiễn xác định.*

Như vậy:

- Kỹ năng là sự vận dụng các kinh nghiệm, tri thức và các giá trị phù hợp với điều kiện hoạt động.

- Kỹ năng không có sẵn mà được hình thành qua quá trình luyện tập, được thúc đẩy bởi động cơ tích cực của cá nhân.

- Kỹ năng được biểu hiện trong quá trình thực hiện thao tác, hành động và kết quả của hoạt động.

#### 2.1.1.2. *Quá trình hình thành kỹ năng*

Vấn đề hình thành kỹ năng được nhiều nhà tâm lý học trong và ngoài nước quan tâm, mỗi tác giả, mỗi trường phái đều đưa ra các ý kiến, song đều thống nhất cho rằng, kỹ năng được hình thành thông qua hoạt động. Một số nhà tâm lý học như: Cruchetki V.A, Levitov N.D, Petropki A.V, Phạm Minh Hạc, Trần Quốc Thành, cho rằng, quá trình hình thành kỹ năng hành động gồm 3 bước:

Bước 1: Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức và điều kiện hành động

Bước 2: Quan sát mẫu và làm thử theo mẫu

Bước 3: Luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu, điều kiện hành động nhằm đạt được mục đích đặt ra [22], [41], [118].

Như vậy, theo các tác giả này, việc nhận thức mục đích, cách thức và điều kiện hành động là rất quan trọng. Vì mục đích là kết quả mà cá nhân đã dự kiến trước khi bắt tay vào hành động. Trên cơ sở xác định mục đích hành động, cá nhân sẽ lập kế hoạch và tìm các điều kiện, biện pháp phù hợp để đạt được mục đích. Như vậy, đây chỉ là bước định hướng hành động. Nếu chỉ dừng lại ở bước này thì chưa có kỹ năng, vì nó chỉ thể hiện mặt lý thuyết, tri thức về hành động, chứ chưa có mặt kỹ thuật, thao tác thực tiễn của hành động để đạt mục đích đã đề ra.

Giai đoạn làm thử theo mẫu không kém phần quan trọng. Ở giai đoạn này, con người một mặt thực hiện các thao tác theo mẫu để hình thành kỹ năng, một mặt con người đối chiếu với tri thức về hành động và điều chỉnh các thao tác, hành động nhằm đạt kết quả, giảm bớt những sai sót trong quá trình hành động. Tùy theo khả năng của từng người mà độ sai sót nhiều hay ít, giai đoạn làm thử dài hay ngắn.



Sau khi làm thử để nắm vững cách thức hành động, cá nhân phải tiến hành luyện tập để hoàn thiện kỹ năng. Ở giai đoạn này các tri thức về hành động được củng cố nhiều lần, cách thức hành động cũng được ôn luyện có hệ thống giúp cho cá nhân nắm vững hành động hơn. Tuy nhiên, đến đây kỹ năng vẫn chưa ổn định. Nhiều khi, cá nhân có thể đạt được kết quả cần thiết xong vẫn còn sai sót, vấp vấp trong hành động. Kỹ năng thật sự ổn định khi cá nhân hành động có kết quả trong những điều kiện khác nhau.

Việc luyện tập đạt kết quả cao hay thấp phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Điều kiện luyện tập, tính hệ thống của quá trình luyện tập, đặc biệt là sự nỗ lực của bản thân.

Theo các tác giả Platonov K.K, Golubev G.G và Nguyễn Như An, kỹ năng được hình thành qua 5 giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn có kỹ năng sơ đẳng, ở giai đoạn này, con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách hành động dựa trên vốn hiểu biết và kỹ xảo đời thường. Hành động lúc này được thực hiện theo cách “thử” và “sai”.

- Giai đoạn 2: Giai đoạn biết cách làm nhưng không đầy đủ. Ở giai đoạn này, con người có hiểu biết về cách thức thực hiện hành động, sử dụng các kỹ xảo đã có nhưng không phải là kỹ xảo chuyên biệt dành cho hoạt động này.

- Giai đoạn 3: Giai đoạn có kỹ năng chung nhưng mang tính chất riêng lẻ. Trong giai đoạn này, con người có hàng loạt kỹ năng phát triển cao nhưng còn mang tính chất riêng lẻ, các kỹ năng này cần thiết cho các dạng hoạt động khác nhau.

- Giai đoạn 4: Giai đoạn có kỹ năng phát triển cao. Ở giai đoạn này, con người biết sử dụng sáng tạo vốn hiểu biết và kỹ năng đã có. Họ không chỉ ý thức được mục đích hành động, mà còn ý thức được cả động cơ lựa chọn cách thức để đạt mục đích.

- Giai đoạn 5: Giai đoạn có tay nghề. Trong giai đoạn này, con người biết sử dụng một cách sáng tạo đầy triển vọng các kỹ năng khác nhau [1].

Như vậy, khi huấn luyện bất cứ một hành động nào cho cá nhân, trước hết ta cần giúp họ xác định mục đích, sau đó phải thông hiểu cách thức thực hiện, hình thành động cơ và trang bị cho họ cả kỹ thuật tiến hành. Quan niệm trên của Platonov K.K thiên về quá trình hình thành một hệ thống kỹ năng nghề nghiệp, các giai đoạn trên thực chất cũng là các mức độ của kỹ năng.

Theo tác giả Kixegov X.I, khi xem xét người giáo viên dạy kỹ năng, kỹ xảo (rèn kỹ năng kỹ xảo) cho sinh viên thì ông phân chia thành 5 bước (5 giai đoạn):

- Giai đoạn 1: Người sinh viên phải được giới thiệu cho biết về hoạt động sẽ được tiến hành như thế nào; Giai đoạn 2: Diễn đạt các quy tắc lĩnh hội hoặc tái hiện lại những hiểu biết dựa vào đó các kỹ năng, kỹ xảo được tạo ra; Giai đoạn 3: Trình bày mẫu hành động. Người giáo viên trình bày mẫu hành động với tốc độ bình thường, sau đó làm lại với tốc độ chậm, vừa làm vừa phân tích từng thao tác một cho sinh viên chứng kiến. Sau đó, người giáo viên lại làm lại một lần nữa theo tốc độ bình thường để sinh viên quan sát; Giai đoạn 4: Người sinh viên tiếp thu hoạt động một cách thực tiễn. Nghĩa là, người sinh viên bắt đầu vận dụng các quy tắc một cách có ý thức để tập luyện; Giai đoạn 5: Đưa các bài độc lập và có hệ thống vào luyện tập. [dẫn theo 69, tr. 23]. Mặc dù tác giả đã chia 5 giai đoạn để rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho sinh viên nhưng ông khuyên chỉ nên xem đó là sự định hướng mà thôi.

Theo Phạm Tất Dong, có 4 giai đoạn hình thành kỹ năng. Mỗi giai đoạn có những đặc điểm đặc trưng và những yêu cầu nhất định: Giai đoạn thứ nhất: Giai đoạn hình thành kỹ năng sơ bộ. Con người trước khi hành động phải nhận thức được hành động. Ở giai đoạn này, hoạt động diễn ra theo kiểu “thử” và “sai”; Giai đoạn thứ hai: Con người có những tri thức về các phương

thực thực hiện hoạt động và sử dụng những kỹ xảo đã có. Đây là giai đoạn hoạt động với những kỹ năng chưa thành thạo; Giai đoạn thứ ba: Con người có những kỹ năng chung, cần thiết cho mọi hoạt động và sử dụng được những kỹ xảo đã có. Đây là điều kiện không thể thiếu để hình thành kỹ năng chuyên môn. Trên cơ sở những kỹ năng chung, con người sẽ sử dụng một cách sáng tạo những tri thức và kỹ xảo cần thiết trong quá trình hoạt động. Đây là giai đoạn kỹ năng phát triển cao; Giai đoạn thứ tư: Con người sử dụng một cách sáng tạo những kỹ năng khác nhau. Đây là giai đoạn cao nhất của sự phát triển kỹ năng. Ở trình độ này, con người dễ dàng thực hiện công việc [29].

Như vậy, quan niệm của Phạm Tất Dong đã cho thấy vai trò của nhận thức cũng như phương thức trong hành động, trên cơ sở kỹ năng chung sẽ hình thành kỹ năng chuyên môn.

Tóm lại, có nhiều tác giả bàn về quá trình hình thành kỹ năng, tác giả dựa trên quan điểm của Trần Quốc Thành và các tác giả trước đó (Cruchetki V.A, Levitov N.D, Petropki A.V, Phạm Minh Hạc....) để xây dựng thực nghiệm tác động nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

### *2.1.1.3. Khái niệm giao tiếp*

Khái niệm giao tiếp được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Dưới góc độ triết học, giao tiếp được coi là mối quan hệ biện chứng giữa con người với con người, trong đó có sự tác động qua lại với nhau về ý thức, tư tưởng, tình cảm.

Dưới góc độ tâm lý học, giao tiếp là một vấn đề được các nhà khoa học rất quan tâm, tiêu biểu như các nhà tâm lý học Liên xô: Vugotxki L.X, Rubinstein X.L, Covaliov A.G, Leonchiev A.N, Andreeva G.M.... Theo họ, giao tiếp là một chức năng của tâm lý người, được coi như một phương tiện giao tiếp ngôn ngữ nhằm thông báo, giao lưu cảm xúc, trao đổi quan điểm với

mục đích giải quyết vấn đề thực tiễn hay lý thuyết nào đó, tạo liên kết giữa con người với nhau. Chẳng hạn, Leonchiev A.N cho rằng: “Giao tiếp là một hệ thống những quá trình có mục đích và có động cơ đảm bảo sự tương tác giữa người này với người khác trong hoạt động tập thể, thực hiện các quan hệ xã hội và nhân cách, các quan hệ tâm lý và sử dụng những phương tiện đặc thù mà trước hết là ngôn ngữ” [dẫn theo 68, tr. 26]. Như vậy, các quan niệm trên đã khẳng định trong giao tiếp có sự tác động qua lại giữa các chủ thể, với phương tiện là ngôn ngữ.

Tác giả Miler (1951) đã đưa ra quan niệm: “Giao tiếp có nghĩa là thông tin được truyền từ người này đến người khác”. Cùng quan điểm như vậy, nhóm các tác giả Hovland, Janet và Kelley cũng cho rằng: “Giao tiếp là quá trình mà mỗi cá nhân (mỗi người giao tiếp) truyền kích thích (thường là bằng lời nói) để thay đổi hành vi của người khác” [dẫn theo 68, tr. 21]. Các quan điểm này đã cho thấy trong có sử dụng ngôn ngữ nói để trao đổi thông tin, kích thích đến người khác.

Tác giả Lewis (1963) thì quan niệm: “Giao tiếp là quá trình mà người ta làm tăng sự nhận biết về một vấn đề bằng cách phán đoán các tín hiệu được người khác phát ra có liên quan đến vấn đề đó”. Cũng gần với quan niệm này, tác giả Emery, Ault và Agee (1963) đã diễn giải một cách cụ thể hơn khi cho rằng “Giao tiếp là một nghệ thuật trong việc trao đổi thông tin, quan điểm và thái độ giữa con người với con người”. [dẫn theo 68, tr. 23,24]. Như vậy, các tác giả này đã mở rộng sự tương tác, cho thấy sự đa chiều trong giao tiếp, và phương tiện giao tiếp rất đa dạng, không chỉ là lời nói, đồng thời cũng khẳng định sự trao đổi thông tin trong quá trình giao tiếp.

Ở Việt Nam, vấn đề giao tiếp được quan tâm đặc biệt là trong những năm gần đây. Trong cuốn “Từ điển tâm lý học” của tác giả Vũ Dũng thì “Giao tiếp là quá trình thiết lập và phát triển cảm xúc giữa các cá nhân xuất phát từ nhu cầu

phối hợp hành động. Giao tiếp bao gồm hàng loạt các hành động như trao đổi thông tin, xây dựng hoạt động thống nhất, tri giác và tìm hiểu người khác” [24].

Theo tác giả Trần Trọng Thủy: “Giao tiếp của con người là một quá trình chủ định hay không chủ định, có ý thức hay không có ý thức mà trong đó cảm xúc và tưởng tượng được biểu đạt trong các thông điệp bằng ngôn ngữ hoặc bằng phi ngôn ngữ” [120]. Như vậy, theo quan niệm này, tác giả chỉ rõ phương tiện giao tiếp bao gồm ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Cũng đồng quan điểm này, tác giả Nguyễn Khắc Viện đã cho rằng “giao tiếp là sự trao đổi giữa người với người thông qua ngôn ngữ nói, viết, cử chỉ” [dẫn theo 67, tr. 4]. Tác giả Nguyễn Quang Uẩn cho rằng: “Giao tiếp là mối quan hệ giữa con người với con người, thể hiện sự tiếp xúc tâm lý giữa con người và con người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau” [125, tr. 45]. Như vậy, theo Nguyễn Quang Uẩn thì giao tiếp chính là một điều kiện để con người tồn tại và phát triển, hoàn thiện nhân cách.

Tác giả Ngô Công Hoàn và Hoàng Anh trong cuốn “Giao tiếp sư phạm” cho rằng: “Giao tiếp là hình thức đặc trưng của mối quan hệ giữa con người và con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý, được biểu hiện ở các quá trình trao đổi thông tin, nhận biết rung cảm, ảnh hưởng và tác động lẫn nhau” [61].

Như vậy, các quan niệm đã cho thấy, giao tiếp là một yếu tố không thể thiếu đối với sự phát triển tâm lý, nhân cách của mỗi cá nhân. Giao tiếp bao giờ cũng có nội dung nhất định, và do các cá nhân thực hiện trong một mối quan hệ xã hội nào đó. Trong quá trình giao tiếp, các cá nhân sẽ thiết lập được các mối quan hệ nhờ sử dụng các phương tiện giao tiếp, từ đó có thể trao đổi thông tin, cảm xúc và ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình sống và hoạt động. Các phương tiện giao tiếp không chỉ có hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ và ngôn ngữ mà còn có sự tham gia của nhân cách chủ thể trong quá trình giao tiếp, chính yếu tố này

cũng sẽ tạo nên sự thành công hoặc ngược lại của hoạt động giao tiếp cũng như sự ảnh hưởng của chủ thể đối với nhân cách của đối tượng giao tiếp.

Từ các quan niệm khác nhau về giao tiếp, tác giả cho rằng:

*Giao tiếp là sự thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp giữa các chủ thể trong những điều kiện xác định.*

Trong nội hàm khái niệm giao tiếp thể hiện rõ các nội dung:

Giao tiếp là thiết lập mối quan hệ giữa các chủ thể

Giao tiếp là trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động

Giao tiếp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ

#### *2.1.1.4. Khái niệm kỹ năng giao tiếp*

Khi đề cập đến vấn đề kỹ năng giao tiếp, đa số các nhà nghiên cứu hướng vào xem xét đến khả năng vận dụng kiến thức (khái niệm, cách thức, phương pháp..) để giải quyết một nhiệm vụ mới.

Các tác giả William B.G, YunKim Y.Y cho rằng, kỹ năng giao tiếp là khả năng thực hiện các hành vi giao tiếp một cách phù hợp và có hiệu quả [146]. Như vậy, các tác giả đã coi kỹ năng giao tiếp là năng lực của cá nhân trong việc tổ chức, thực hiện các hành vi giao tiếp. Kết quả của việc thực hiện kỹ năng giao tiếp được đánh giá thông qua các mức độ phù hợp và hiệu quả trong mỗi tình huống giao tiếp cụ thể. Các tác giả này cũng đưa ra 4 kỹ năng giao tiếp cụ thể: Biết thể hiện sự quan tâm; biết đồng cảm; biết thích ứng; hiểu và phán đoán chính xác hành vi của người khác

Các tác giả James D.H, Jame G.L, John I.M. cho rằng: Kỹ năng giao tiếp là kỹ thuật, trình độ truyền đạt và tiếp nhận thông tin nhằm thực hiện quá trình truyền đạt thông tin [dẫn theo 70, tr. 28]. Với quan niệm này, các tác giả đã đề cao yếu tố truyền đạt thông tin trong quá trình đánh giá kỹ năng giao tiếp, bỏ qua yếu tố khác như xử lý thông tin, các yếu tố gây nhiễu và khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp trong những điều kiện hoạt động

cụ thể. Đó cũng chính là điểm hạn chế của quan niệm này. Các tác giả Gamble T. K và Gamble M. đã chỉ ra các kỹ năng giao tiếp cơ bản là: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng hiểu được nét mặt, cử chỉ, thái độ và các hành vi phi ngôn ngữ, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng làm chủ cảm xúc. Trong đó, các tác giả cũng làm rõ được các kỹ năng thành phần trong từng nhóm kỹ năng trên.

Tác giả Nhữ Văn Thao khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của chính trị viên trong quân đội, đã cho rằng một người được coi là có kỹ năng giao tiếp khi:

- Có tri thức về giao tiếp: tri thức khoa học toàn diện, tri thức về ngành nghề hoạt động. Hiểu biết, nắm chắc được đối tượng giao tiếp (đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu, nguyện vọng, động cơ, thái độ ...của đối tượng). Nắm vững những quy luật về tâm lý con người diễn ra trong quá trình giao tiếp. Nắm vững được mục đích giao tiếp, đề ra nhiệm vụ giao tiếp, lường hết được những khó khăn, thuận lợi của tình huống giao tiếp khi xảy ra.

- Thành thạo các thao tác giao tiếp, vận dụng linh hoạt các tri thức và phương thức giao tiếp đã có vào các hoàn cảnh, đối tượng cụ thể khác nhau để tiến hành giao tiếp có hiệu quả.

- Người có kỹ năng giao tiếp là người có được những kinh nghiệm, vốn sống nhất định được rút ra từ những tình huống giao tiếp, ứng xử với cá đối tượng khác nhau trong thực tiễn hoạt động sống, đồng thời là người có các phẩm chất nhân cách nhất định để đạt được mục đích giao tiếp có giá trị [112, tr. 45].

Trần Thị Thanh Hà khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp trong vận động quần chúng của chủ tịch hội phụ nữ đã cho rằng: Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào quá trình giao tiếp và sử dụng các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) để tác động đến đối tượng, tổ chức và điều khiển quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích đã đề ra [45. tr. 34].

Tác giả Nguyễn Văn Lũy thì cho rằng: Kỹ năng giao tiếp là mặt biểu hiện bên ngoài của năng lực giao tiếp. Tác giả cũng cho rằng, năng lực giao

tiếp là một thuộc tính tương đối ổn định của cá nhân, đảm bảo cho con người thực hiện hoạt động giao tiếp có hiệu quả [84. tr. 80].

Từ việc quan niệm về kỹ năng, giao tiếp và xem xét các quan điểm trên về kỹ năng giao tiếp, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm hành động/ hoạt động của cá nhân vào thực hiện có hiệu quả các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp giữa các chủ thể trong những điều kiện xác định.*

Như vậy, ở khái niệm này, nội hàm của kỹ năng giao tiếp bao gồm các cấu thành sau:

- Kỹ năng thiết lập mối quan hệ giữa các chủ thể
- Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm và hành động giữa các chủ thể.
- Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp của các chủ thể.

### **2.1.2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm**

#### **2.1.2.1. Giao tiếp sư phạm**

Đối tượng của hoạt động sư phạm là con người, một thực thể xã hội có ý thức chủ động tiếp thu sự giáo dục. Từ đó công cụ lao động bao gồm hệ thống tri thức, các dạng hoạt động được tổ chức, nhân cách người giáo viên, phương tiện đồ dùng dạy học. Sản phẩm của hoạt động sư phạm chính là những con người được trang bị một cách toàn diện để đi vào cuộc sống theo những chuẩn mực đã định. Để tác động tới đối tượng, hoạt động sư phạm được trang bị một hệ thống kỹ năng đảm bảo cho hoạt động đạt hiệu quả, như kỹ năng thiết kế, kỹ năng tổ chức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, và hệ thống các kỹ năng chuyên biệt [62, tr. 84].

Từ đó cho thấy hoạt động sư phạm phải đảm bảo tính chuẩn mực, tính đúng đắn, tính tích cực và sự gương mẫu của chủ thể hoạt động cũng như các yếu tố tham gia vào hoạt động.



- Tính chuẩn mực: Các yếu tố tham gia vào quá trình hoạt động sư phạm phải phù hợp với các giá trị xã hội đã được quy định, người giáo viên – chủ thể của hoạt động phải có tác phong, ngôn ngữ, hành vi phi ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm của nghề, phù hợp với đặc điểm tâm lý đối tượng tác động; nội dung tri thức trao đổi trong hoạt động phải đảm bảo phù hợp với nhận thức của đối tượng.

- Tính đúng đắn, chính xác: Mọi nội dung tham gia vào hoạt động sư phạm đều phải đảm bảo tính khoa học, logic, được thẩm định và tuân theo một quy trình nhất định.

- Tính tích cực, gương mẫu của chủ thể hoạt động – người giáo viên: Được thể hiện trong suốt quá trình giao tiếp thông qua mọi phương tiện tác động. Đối với trẻ mẫu giáo, hình ảnh cô giáo cùng các hành vi cử chỉ, cách nói năng chính là một đối tượng để trẻ bắt chước, trẻ học tập.

Trong nhà trường, người giáo viên tiến hành quá trình giao tiếp với các đối tượng như: học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh nhằm mục đích chung nhất là hình thành phát triển nhân cách cho người học và thông qua đó nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và trau dồi nhân cách cho chính bản thân mình.

Tác giả Hoàng Anh, Ngô Công Hoàn, đã khẳng định giao tiếp sư phạm là giao tiếp nghề nghiệp giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học và giáo dục. Trong đó giáo viên là chủ thể giao tiếp, với tư cách là người tổ chức quá trình giao tiếp, đặt ra mục đích và nội dung giao tiếp, còn người học là đối tượng giao tiếp. Tuy nhiên, tùy điều kiện mà có lúc người học có thể chủ động tiếp xúc với giáo viên. Vì vậy, giao tiếp sư phạm là một hoạt động không thể thiếu trong lao động sư phạm, với việc sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, giao tiếp sư phạm mang đặc điểm cá nhân và đặc điểm sư phạm [4].

Quá trình giao tiếp sư phạm của người giáo viên trải qua các giai đoạn khác nhau. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học xô viết như

Bodalov A.A, Cancalie V.A, Cudomina N.V, Leonchiev A.A, giao tiếp sư phạm được chia thành các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn định hướng trước khi thực hiện giao tiếp
- Giai đoạn mở đầu của quá trình giao tiếp
- Giai đoạn điều chỉnh, điều khiển và phát triển quá trình giao tiếp
- Giai đoạn cuối cùng: phân tích hệ thống giao tiếp đã được thực hiện và xây dựng mô hình giao tiếp cho hoạt động tiếp theo [dẫn theo 4].

Tác giả Nguyễn Văn Lũy – Lê Quang Sơn cho rằng: “Giao tiếp sư phạm là giao tiếp có tính chất nghề nghiệp giữa giáo viên và học sinh trong quá trình giáo dục, có chức năng sư phạm nhất định, tạo ra các tiếp xúc tâm lý, xây dựng bầu không khí tâm lý thuận lợi cùng với các quá trình tâm lý khác (chú ý, tư duy....), tạo ra kết quả tối ưu của quan hệ thầy trò trong hoạt động dạy và hoạt động học cũng như trong nội bộ tập thể học sinh” [84, tr. 45].

Giao tiếp sư phạm có nhiều chức năng khác nhau, căn cứ vào mục đích hoạt động thì giao tiếp có chức năng định hướng, điều khiển điều chỉnh hành vi hoạt động; căn cứ vào tính chất của hoạt động thì giao tiếp có chức năng trao đổi thông tin, liên kết, đồng nhất [64, tr. 23, 24].

Từ các quan niệm trên, tác giả cho rằng: *Giao tiếp sư phạm là các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp giữa giáo viên với người học.*

Khái niệm trên cho thấy giao tiếp sư phạm là giao tiếp có tính chất nghề nghiệp giữa người dạy và người học, trong quá trình này có sự ảnh hưởng tác động lẫn nhau giữa các chủ thể giao tiếp. Giao tiếp là phương tiện quan trọng nhất cho việc giải quyết các nhiệm vụ dạy học, là nhân tố tâm lý – xã hội bảo đảm cho quá trình giáo dục được diễn ra. Trong giao tiếp sư phạm gồm có:

- Thiết lập mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh

- Trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động
- Sử dụng các phương tiện giao tiếp của giáo viên

Như vậy, giao tiếp sư phạm khác với giao tiếp về: chủ thể giao tiếp, đối tượng giao tiếp, nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp, môi trường hoàn cảnh giao tiếp và phương tiện sử dụng khi giao tiếp. Cụ thể:

<b>STT</b>	<b>Các tiêu chí</b>	<b>Giao tiếp</b>	<b>Giao tiếp sư phạm</b>
1	Chủ thể giao tiếp	Các cá nhân trong xã hội	Giáo viên
2	Đối tượng giao tiếp	Các cá nhân trong xã hội	Học sinh
3	Môi trường, hoàn cảnh giao tiếp	Môi trường xã hội	Môi trường sư phạm
4	Mục đích giao tiếp	Trao đổi thông tin xã hội	Hình thành nhân cách người học
5	Nội dung giao tiếp	Các thông tin khác nhau	Thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động
6	Phương tiện sử dụng khi giao tiếp	Ngôn ngữ; hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ; nhân cách chủ thể và đối tượng giao tiếp.	Ngôn ngữ; hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ; nhân cách của giáo viên; đồ dùng, giáo cụ trực quan.

Tóm lại, trong quá trình giao tiếp sư phạm, chủ thể là những cá nhân được trang bị kiến thức nghiệp vụ chuyên môn để thực hiện quá trình tác động đến đối tượng giao tiếp – học sinh – những cá nhân đang trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trong một môi trường đặc thù – môi trường sư phạm. Mục đích duy nhất của quá trình này cũng được xác định rõ ràng, có

kế hoạch và nội dung xác định. Các thông tin trong quá trình giao tiếp được chọn lọc và mang tính giáo dục cao, phù hợp với lứa tuổi.

#### 2.1.2.2. *Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm*

Kỹ năng giao tiếp nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm nói riêng là một vấn đề quan trọng được các nhà tâm lý giáo dục học quan tâm nghiên cứu.

Bàn về vấn đề các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản có rất nhiều quan điểm khác nhau, cho thấy với mỗi lĩnh vực hoạt động khác nhau sẽ đòi hỏi có những kỹ năng cơ bản khác nhau.

Tác giả Ngô Công Hoàn cho rằng: Kỹ năng giao tiếp sư phạm là hệ thống những thao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi (kể cả hành vi phi ngôn ngữ) phối hợp hài hòa, hợp lý của giáo viên, nhằm đảm bảo cho sự tiếp xúc với học sinh đạt kết quả cao trong dạy học và giáo dục, với sự tiêu hao năng lượng tinh thần và cơ bắp ít nhất trong những điều kiện thay đổi. Như vậy, theo tác giả thì kỹ năng giao tiếp sư phạm thực chất là sự phối hợp phức tạp giữa các chuẩn mực hành vi xã hội (con người, nghề nghiệp) nhưng lại rất cá nhân với sự vận động của cơ mặt, ánh mắt, nụ cười, với ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết của giáo viên. Sự phối hợp hài hòa hợp lý của các yếu tố đó ở người giáo viên sẽ mang lại một nội dung tâm lý nhất định, tác động đến người học [61].

Theo tác giả Nguyễn Thạc, Hoàng Anh: Kỹ năng giao tiếp sư phạm là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của học sinh và bản thân, đồng thời sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích giáo dục [117].

Tác giả Dakharov V.P, đã dựa vào trật tự các bước tiến hành của một pha giao tiếp cho rằng, kỹ năng giao tiếp gồm có các kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp; kỹ năng biết cân bằng nhu cầu của chủ thể

và đối tượng giao tiếp; kỹ năng nghe và biết lắng nghe; kỹ năng tự chủ cảm xúc và hành vi; kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp; kỹ năng diễn đạt dễ hiểu, gọn, mạch lạc; kỹ năng thuyết phục trong giao tiếp; tính linh hoạt, mềm dẻo trong giao tiếp; kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp [dẫn theo 3, tr. 36].

Tác giả Hoàng Anh, đã chia kỹ năng giao tiếp sư phạm thành 3 nhóm, đó là: Kỹ năng định hướng giao tiếp; Kỹ năng định vị giao tiếp; Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp. Trong nhóm *Kỹ năng định hướng giao tiếp*, gồm có: Kỹ năng định hướng trước khi tiếp xúc; Kỹ năng định hướng trong quá trình tiếp xúc; Kỹ năng đọc trên nét mặt, cử chỉ, hành động, lời nói; Kỹ năng chuyển từ tri giác cái bên ngoài vào nhận biết cái bản chất bên trong của đối tượng giao tiếp. Trong nhóm *Kỹ năng định vị*, gồm có: Biết xác định vị trí trong giao tiếp; Biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng để có thể thấu cảm; Biết tạo ra điều kiện để đối tượng chủ động giao tiếp với mình; Biết xác định đúng không gian và thời gian giao tiếp. Trong nhóm *Kỹ năng điều khiển giao tiếp*, gồm có: Kỹ năng làm chủ trạng thái cảm xúc của bản thân; Kỹ năng điều khiển đối tượng giao tiếp; Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp [3].

Cũng theo hướng này, nhưng tác giả Ngô Công Hoàn, đã chia nhóm kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp gồm có các thành phần sau: Biết phát hiện (bằng mắt quan sát) những thay đổi trên nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, sự vận động của toàn cơ thể của đối tượng giao tiếp; Biết nghe và lắng nghe; Biết xử lý thông tin; Biết điều khiển, nghĩa là có hành vi ứng xử phù hợp, khoa học, chính xác với những nhu cầu, mong muốn nguyện vọng của đối tượng giao tiếp trong hoạt động sư phạm [dẫn theo 3, tr. 45].

Các tác giả trên đã cho thấy kỹ năng giao tiếp sư phạm là một quá trình bao gồm nhiều nhóm kỹ năng, thể hiện khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm hành động/ hoạt động giao tiếp sư phạm của bản thân để nhanh chóng nhận ra những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong

của người học nhằm thực hiện các hành động thiết lập mối quan hệ thuận lợi, đồng thời sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, cách tổ chức, điều khiển quá trình giao tiếp trong giáo dục nhằm đạt mục đích giáo dục đã đề ra.

Từ các quan điểm trên đây về kỹ năng, kỹ năng giao tiếp sư phạm, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng giao tiếp sư phạm là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm hành động/ hoạt động của giáo viên vào thực hiện có hiệu quả các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp với người học trong những điều kiện xác định.*

Như vậy, ở khái niệm này, nội hàm của kỹ năng giao tiếp sư phạm bao gồm các nội dung sau:

- Kỹ năng giao tiếp sư phạm bao gồm 3 nhóm kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với người học; Kỹ năng truyền đạt các thông tin nhận thức, tình cảm, hành động phù hợp với đặc điểm tâm lý người học; Kỹ năng sử dụng các phương tiện thể hiện giao tiếp phù hợp, hiệu quả.

- Kỹ năng giao tiếp sư phạm được thể hiện không chỉ ở quá trình giao tiếp mà còn ở kết quả của hoạt động giao tiếp.

- Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên không tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình học tập, tu dưỡng rèn luyện kết hợp với sự trải nghiệm trong quá trình giao tiếp với người học.

### **2.1.3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo**

#### *2.1.3.1. Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

##### *\* Giáo viên mầm non*

Giáo viên mầm non là những cá nhân được trang bị kiến thức nghiệp vụ sư phạm mầm non nhằm thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 3 đến 72 tháng tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non [12]. Vị trí của

người giáo viên mầm non có thể được coi là người thầy đầu tiên cùng với cha mẹ trẻ xây dựng nền móng ban đầu nhân cách của con người nói chung, trẻ em nói riêng. Điều đó cũng cho thấy vai trò, trách nhiệm rất đặc biệt của họ đối với xã hội.

Người giáo viên mầm non có nhiệm vụ bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng của trẻ em trong thời gian trẻ em ở nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. Đồng thời, thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Đánh giá và quản lý trẻ em; Chịu trách nhiệm về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn, của nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. Giáo viên mầm non phải luôn trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu, thương yêu trẻ em, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. Bên cạnh đó, phải tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ, chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của một công dân

Do đặc thù của đối tượng tác động là những trẻ trước tuổi học, vì vậy, khác với cô giáo ở các cấp học khác, giáo viên mầm non phải chăm sóc giáo dục trẻ theo phương thức cô giáo như mẹ hiền. Cho nên, giáo viên mầm non phải hội tụ đủ những hành vi ứng xử của người mẹ: dịu dàng, tận tụy, tỉ mỉ, vô tư (không vụ lợi), nhẹ nhàng khi chăm sóc trẻ.

Giáo viên mầm non là những người có tri thức tổng hợp khoa học giáo dục mầm non một cách có hệ thống, biết vận dụng sáng tạo những tri thức trong giao tiếp ứng xử với trẻ thể hiện qua sự mẫu mực hành vi ứng xử đối

với mọi người, đối với trẻ từ lời nói rõ ràng, mạch lạc, thao tác hành vi chứa đựng những thái độ đầy lòng nhân ái, vị tha.

Trong trường mầm non, đối tượng chính mà người giáo viên mầm non giao tiếp thường xuyên, người giáo viên tác động để làm biến đổi, phát triển nhân cách là trẻ em. Đối với độ tuổi mẫu giáo, với những đặc điểm tâm lý của trẻ đang có sự phát triển và nhiều biến động thì khi tác động luôn đòi hỏi người giáo viên phải thể hiện một kỹ năng giao tiếp sư phạm ở mức độ cao.

#### *\* Trẻ mẫu giáo*

Trẻ mẫu giáo bao gồm những trẻ từ 3 đến 6 tuổi, được chia thành 3 độ tuổi: mẫu giáo bé (3 – 4 tuổi), mẫu giáo nhỡ (4 -5 tuổi) và mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi).

Ở tuổi mẫu giáo bé, nhận thức của trẻ có những bước chuyển biến rõ rệt, kiểu tư duy chiếm ưu thế lúc này là tư duy trực quan hành động. Vì vậy, trong quá trình giao tiếp, giáo dục trẻ, các giáo viên mầm non phải sử dụng hình ảnh trực quan, sinh động, để trẻ tiếp xúc và hành động trực tiếp với đối tượng lĩnh hội. Độ tuổi lên 3 là thời kỳ phát cảm ngôn ngữ của trẻ, trở thành phương tiện giao tiếp của trẻ, tuy nhiên hiện tượng ngôn ngữ “Tự trị” còn rất phổ biến, đòi hỏi người giáo viên mầm non phải hiểu trẻ, biết được những đặc điểm hạn chế trong ngữ của trẻ, lắng nghe trẻ nói để quá trình giao tiếp đạt hiệu quả. Tự ý thức cũng bắt đầu xuất hiện, lúc này trẻ đã tách mình ra khỏi người khác và bắt đầu có những mong muốn, nhu cầu riêng biệt. Trẻ bắt đầu tự lựa chọn kiểu phản ứng, hành vi của trẻ phần lớn là học theo các mẫu hành vi mới lạ, từ những người xung quanh. Trước mắt trẻ giờ đây có nhiều mẫu hành vi mà trẻ chưa phân biệt được đúng, sai, tốt xấu, trẻ bắt trước các mẫu hành vi này tùy hứng, ngẫu nhiên. Do vậy, ở trẻ sẽ xuất hiện các hành vi lệch chuẩn, và cha mẹ, cô giáo sẽ can thiệp điều chỉnh thông qua giao tiếp của chính họ. Bên cạnh đó, khi lên 3 tuổi, ở trẻ xuất hiện sự khủng hoảng tâm lý, do 2 mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa nhu cầu tự khẳng định, muốn làm người lớn với khả



năng còn hạn chế; mâu thuẫn giữa nhu cầu của trẻ với sự cảm đoán của người lớn (người lớn biết trẻ không thể làm được nên cảm đoán). Tất cả những đặc điểm tâm lý đó của trẻ mẫu giáo bé làm cho mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, trong đó có cô giáo trở nên căng thẳng, trẻ trở nên ương bướng, khó bảo, ích kỷ, hay hờn dỗi, chống đối. Việc chăm sóc, giáo dục, giao tiếp với trẻ cũng vì thế mà trở nên rất khó khăn.

Sang đến tuổi mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn, kiểu tư duy trực quan hình ảnh và tư duy sơ đồ đã xuất hiện, tuy nhiên kiểu tư duy trực quan hành động vẫn là thế mạnh của độ tuổi này. Tri giác của trẻ mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn cũng đã chính xác, phản ánh đối tượng trọn vẹn hơn. Tưởng tượng phát triển mạnh, phong phú hơn độ tuổi trước, tuy nhiên tưởng tượng vẫn đang trong giai đoạn chuyển từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong. Ngôn ngữ của trẻ sẽ phát triển nhanh, mạnh và chuẩn xác dựa trên sự chuẩn xác và tích cực giao lưu với trẻ của giáo viên mầm non. Do đặc điểm tư duy trực quan hành động vẫn là thế mạnh, chi phối nên ngôn ngữ của trẻ luôn gắn với tình huống cụ thể, với hình ảnh trực quan sinh động. Tự ý thức đã có bước phát triển hơn so với mẫu giáo bé. Lúc này trẻ đã biết tự đánh giá bản thân thông qua hoạt động vui chơi, biết được giới tính và những ưu nhược điểm trong khi chơi. Ở độ tuổi này, mọi hành động của trẻ đều bị chi phối bởi tình cảm, vì vậy, nếu muốn trẻ hành động theo mục đích giáo dục của cô, để trẻ có sự phát triển những dạng tình cảm chuẩn mực, đúng hướng thì cô giáo phải là người tình cảm, nhẹ nhàng, dịu dàng trong giao tiếp, từ đó mới chinh phục được tình cảm của trẻ, dễ dàng “ sai bảo” trẻ thực hiện yêu cầu và phục tùng các tiêu chuẩn đạo đức.

*\* Đặc điểm hoạt động “học” của trẻ mẫu giáo*

Ở tuổi mẫu giáo, trẻ được tham gia vào các hoạt động vui chơi, học tập, lao động, nhưng các hoạt động này khác về tính chất và nội dung so với các độ tuổi khác. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo nên

đã chi phối các hoạt động còn lại, trẻ học mà chơi, chơi mà học. Đối tượng lĩnh hội của hoạt động “học” ở trẻ mẫu giáo chỉ là các tri thức tiền khoa học, các kỹ năng sống cơ bản của con người. Do đặc điểm tâm lý lứa tuổi nên hoạt động học của trẻ mẫu giáo có những tính chất rất đặc thù, đó là mang tính tự nhiên, tính kết hợp và tính thực hành, vừa vui vừa học, vừa học vừa chơi. Trẻ học thường xuyên, mọi lúc mọi nơi, bởi những sự vật hiện tượng mà trẻ được tiếp xúc đều đang rất mới mẻ đối với trẻ. Việc tiếp nhận các tri thức mới ở trẻ mầm non luôn mang tính không chủ định, phụ thuộc chủ yếu vào sự hấp dẫn, hứng thú của đối tượng.

*\* Đặc điểm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

Giao tiếp sư phạm của người giáo viên mầm non là sự tiếp xúc tâm lý giữa giáo viên với trẻ mầm non và với người khác trong môi quan hệ hợp tác để cùng chăm sóc và giáo dục trẻ, nhằm thực hiện các mục đích giáo dục. Trong luận án này chúng tôi chỉ nghiên cứu sự tiếp xúc tâm lý giữa cô giáo và trẻ. Trong mỗi quan hệ này có một số biểu hiện sau:

*Về mục đích giao tiếp:* Mục đích giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non là thông qua hoạt động sư phạm nhằm bước đầu hình thành, phát triển nhân cách cho trẻ và thông qua đó phát triển năng lực nhân cách của bản thân người giáo viên. Trong quá trình giao tiếp đó, người giáo viên là chủ thể và trẻ là đối tượng của quá trình giao tiếp và ngược lại. Tuy nhiên, trong luận án này, chúng tôi chỉ xem xét theo chiều giáo viên – chủ thể giao tiếp và trẻ - đối tượng giao tiếp.

*Về nội dung giao tiếp:* Nội dung giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo rất phong phú, đa dạng, được thể hiện qua các nội dung giáo dục chăm sóc giáo dục trẻ. Trước hết, đó là các tri thức tiền khoa học về thế giới xung quanh, các kỹ năng ứng xử, là cách thức sử dụng ngôn ngữ nói và các hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày của trẻ. Thông qua đó

giúp trẻ có năng lực quan sát, sự tập chung chú ý, các phẩm chất của trí nhớ, đặc biệt các chức năng tâm lý bậc cao như tình cảm, ý chí, ý thức, tư duy, trí tuệ, ngôn ngữ. Đồng thời, thông qua giao tiếp, những nét tính cách trung thực, thật thà, cẩn thận, chu đáo, tôn trọng mọi người, quan tâm giúp đỡ mọi người được hình thành từ quá trình tiếp xúc của cô giáo với trẻ. Đó vừa là nội dung vừa là mục đích giao tiếp của cô giáo với trẻ. Sau mỗi lần giao tiếp, trẻ sẽ tiếp thu thêm những điều mới mẻ, thêm yêu trường, lớp, quý cô, quý bạn và cảm thấy thích thú khi đến trường mầm non.

*Về phương tiện giao tiếp:* Do đặc điểm tâm lý của trẻ mầm non đang trong giai đoạn phát triển mạnh, tình cảm, cảm xúc chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ, do trẻ chưa biết chữ nên phương tiện giao tiếp chủ yếu của giáo viên mầm non là ngôn ngữ nói, đặc biệt là ngữ điệu của lời nói và các hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ.

Khả năng giao tiếp của trẻ được hình thành thông qua giao tiếp với mọi người. Trước hết là người mẹ, những người trong gia đình và cô giáo mầm non. Nói đến khả năng giao tiếp, hợp tác với những người xung quanh, trước hết trẻ phải nhập tâm, bắt chước các phương tiện, “tiếng nói chung”, “ngôn ngữ chung” của con người. Từ nụ cười, ánh mắt nhìn, cử chỉ, tư thế, hành vi (gọi chung là phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). Ở gia đình, trẻ nhập tâm, bắt chước phỏng theo mẹ và những người gần gũi. Đến trường mầm non, trẻ lại mang theo các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ của gia đình, để hòa nhập vào nhóm bạn bè. Các chuẩn mực hành vi giao tiếp ở lớp, ở trường mở rộng hơn, có thể có những yêu cầu khác với gia đình. Do vậy, những mẫu hành vi giao tiếp của cô giáo, của bè bạn, là những khuôn mẫu giúp trẻ bắt chước, học tập để dễ dàng hòa nhập vào các nhóm xã hội. Đối với trẻ mẫu giáo, khả năng bắt chước của trẻ rất tốt, và lúc này, do nhu cầu mong muốn được như người lớn, trở thành người lớn nên trẻ rất thích bắt chước các hành

động, hành vi cử chỉ của cô. Vì vậy, giáo viên mầm non phải là tấm gương sáng trước mắt trẻ.

Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ nói của trẻ chủ yếu được hình thành từ gia đình, tiếng mẹ đẻ lúc này chủ yếu dùng để giao tiếp thỏa mãn các nhu cầu vật chất cho trẻ. Đến trường mầm non, qua giao tiếp, cô dạy trẻ, làm mẫu cho trẻ nhiều mẫu câu gắn với tình huống, hoàn cảnh mang tính xã hội nhiều hơn trong gia đình. Nhiều từ mới, câu mới theo các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội (những biểu tượng về toán, văn học, nghệ thuật tạo hình, âm nhạc...) kèm theo những hình thức củng cố bằng cử chỉ, điệu bộ, tư thế ...Do vậy, các mẫu câu, hoàn cảnh, tình huống giao tiếp, cô giáo mầm non vừa là người thiết kế, vừa là người thi công và hướng dẫn trẻ thực hiện.

Trong giao tiếp, các phản ứng xúc cảm, biểu cảm có ý nghĩa rất quan trọng đối với trẻ, đây là những tín hiệu về thái độ của cô giáo với trẻ, với hoàn cảnh và nhiệm vụ giao tiếp. Do vậy, cô giáo mầm non luôn phải chú ý làm gương và hướng dẫn trẻ để tạo ra sự thống nhất giữa các phương tiện giao tiếp với phản ứng, hành vi biểu cảm

Ngoài ra, một phương tiện giao tiếp cũng rất quan trọng đối với giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ đó là đồ dùng, đồ chơi – công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc giúp trẻ lĩnh hội các tri thức tiền khoa học. Bên cạnh đó, hình thức và trang phục của cô, cách sử dụng trang phục đẹp, phù hợp cũng là một phương tiện không kém phần quan trọng giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả

*Về bối cảnh giao tiếp:* Giao tiếp của người giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được diễn ra trong suốt quá trình trẻ đến trường, trong các hoạt động của trẻ trong lớp trong trường, ở mọi lúc mọi nơi. Từ buổi sáng đón trẻ, đến tổ chức các hoạt động vui chơi trong lớp, ngoài trời, trong giờ ăn, kể cả trong lúc trẻ ngủ (cô vẫn dùng lời ru hoặc những tín hiệu giao tiếp để trẻ nhận thức được rằng có cô

đang ở bên cạnh, nghĩa là nó vẫn an toàn). Có thể khẳng định rằng, sự giao tiếp diễn ra liên tục không ngừng trong suốt thời gian trẻ ở trường. Trong luận án này, chúng tôi chỉ tập trung vào bối cảnh khi trẻ đang tham gia “tiết học”, tham gia hoạt động góc, khi trẻ ăn trưa và khi trẻ được đón và trả.

Như vậy, đặc điểm khái quát nhất của quá trình giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là *sự mẫu mực về nhân cách của cô giáo, đó là tấm gương quan trọng để trẻ nhập tâm, bắt chước và học tập* để có thể giao tiếp với những người xung quanh, và từ đó trẻ dễ dàng gia nhập vào các nhóm xã hội. Trong giao tiếp sư phạm, người giáo viên mầm non *tác động đến trẻ bằng tình cảm và nhân cách của mình*. Hoạt động giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non như là *phương tiện kích thích sự phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ*.

Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non có sự khác biệt với giao tiếp sư phạm của giáo viên ở các bậc học khác, đối tượng mà họ tác động là những trẻ dưới 6 tuổi - giai đoạn đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển nhân cách. Phương thức học chủ yếu của trẻ qua quan sát và bắt chước, qua chơi và thực hành trải nghiệm, qua chia sẻ và trò chuyện. Trong các hoạt động của trẻ luôn có sự tham gia của đồ dùng, đồ chơi để minh họa, đồng thời tạo sự hứng thú cho trẻ. Mặt khác, trong quá trình tiếp xúc trẻ em rất cần tình cảm và sự yêu thương sự gần gũi thân thiện từ người lớn nhằm giúp trẻ dễ hòa nhập vào mối quan hệ, phát triển tình cảm và tích cực tham gia. Do đó giao tiếp sư phạm của người giáo viên mầm non có một số nguyên tắc riêng, không hoàn toàn giống với giao tiếp giữa cô giáo và học sinh ở các bậc học phổ thông.

*\* Các nguyên tắc giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

Nguyên tắc giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là những quan điểm nhân sinh định hướng, chỉ đạo những hành vi giao tiếp của giáo viên với trẻ mẫu giáo ở các thời điểm, tình huống khác nhau trong trường mầm non, cụ thể:

*Nguyên tắc yêu thương trẻ như con, em mình*

Trẻ mẫu giáo hoạt động, vui chơi, ăn ngủ ở lớp mẫu giáo từ 8 đến 10h mỗi ngày, chiếm gần hết thời gian trong ngày của trẻ. Do vậy, những thông tin, hiểu biết của trẻ về thế giới xung quanh chủ yếu do nhà trường xây dựng cho trẻ. Nói một cách khái quát, tình cảm và trí tuệ con người của trẻ phần lớn được xây dựng nên do người giáo viên mầm non “thiết kế” và “thi công”.

Giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo bé bằng chính tình thương yêu ruột thịt, giáo viên mầm non là người thay thế mẹ của trẻ khi trẻ ở trường, xưng hô giữa cô và trẻ là cô và con, cô và các con. Những hành vi giao tiếp của giáo viên với trẻ như bế ẵm, vỗ về, trò chuyện với trẻ, cho trẻ ăn, ngủ, vui chơi, vệ sinh có sức truyền cảm rất lớn đối với trẻ.

Yêu thương trẻ như con em mình đòi hỏi giáo viên mầm non phải chăm sóc trẻ tận tụy, khéo léo, dịu dàng. Đòi hỏi ở giáo viên một sự nhạy cảm, tinh tế trong chăm sóc, dỗ dành, tạo bầu không khí ấm cúng như trong gia đình chứ không phải của lớp học đối với học sinh phổ thông.

*Nguyên tắc giao tiếp với trẻ bằng sự thành tâm, thiện ý*

Dù giao tiếp với trẻ với nguyên tắc như mẹ hiền, nhưng giáo viên mầm non lại không phải là người mẹ sinh ra trẻ. Bên cạnh đó, vai trò nhiệm vụ của cô là một người giáo viên, do đó những lúc cần thiết cô cũng nghiêm khắc, răn đe khi trẻ phạm lỗi, đây là hành vi giao tiếp khoa học chứ không phải tùy tiện.

Khi giao tiếp với trẻ mầm non nói chung, trẻ mẫu giáo bé nói riêng, cô giáo phải lấy sự thành tâm, thiện ý làm gốc cho hành vi ứng xử của mình, từ đó cô giáo sẽ sáng tạo ra nhiều biện pháp, phương tiện tiếp cận với các trẻ sao cho vừa chăm sóc vừa giáo dục trẻ nên người.

Trong giao tiếp với trẻ, thành tâm thiện ý có nghĩa là người giáo viên mầm non dành mọi suy nghĩ, hành động ưu ái cho trẻ, về trẻ, đảm bảo cho trẻ phát triển tối đa những tiềm năng vốn có ở mức độ tốt, theo khoa học, theo mục tiêu đào tạo của ngành giáo dục mầm non. Thành tâm thiện ý còn có

nghĩa là khen nhiều, chê ít, trẻ chỉ ưa nói nhẹ nhàng, tình cảm, nếu sáng giọng, câu gắt mắng mỏ trẻ trong giao tiếp sẽ làm cho cảm giác an toàn của trẻ bị đe dọa. Khi trẻ không có cảm giác an toàn, mọi hoạt động của trẻ sẽ mất tự nhiên, tự do, cảm giác cô giáo như mẹ hiền sẽ không xuất hiện ở trẻ, từ đó việc chăm sóc giáo dục trẻ của cô sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Tóm lại, khi giao tiếp với trẻ, cô giáo luôn vì trẻ, lấy trẻ làm đối tượng duy nhất mà mọi hành vi, điệu bộ của cô tập trung vào trẻ, toàn tâm, toàn ý tốt đẹp dành cho cháu để đạt mục đích kích thích sự phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ cho trẻ.

*Nguyên tắc thỏa mãn hợp lý các nhu cầu cơ bản của trẻ*

Những nhu cầu cơ bản của trẻ là: Nhu cầu dinh dưỡng, an toàn, cảm xúc, giao tiếp, nhận thức, vận động. Việc thỏa mãn hợp lý nhu cầu cơ bản của trẻ có hai nội dung. Đó là thỏa mãn hợp lý cho cả nhóm, lớp trẻ theo tiêu chuẩn quy định (trong mọi hoạt động chăm sóc, giáo dục) và thỏa mãn hợp lý những nhu cầu của trẻ.

Thỏa mãn hợp lý các nhu cầu của trẻ trong trường mầm non được thực hiện bởi các giáo viên mầm non có tri thức tổng hợp về chăm sóc, giáo dục trẻ. Cô giáo sẽ thỏa mãn các nhu cầu của trẻ một cách khách quan, dưới sự kiểm tra đánh giá của nhà trường. Vì vậy, nguyên tắc này tạo điều kiện và là một điều kiện tiên quyết đảm bảo sự phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ theo mục tiêu đào tạo của ngành.

*Nguyên tắc giao tiếp với trẻ bằng những hành vi cử chỉ dịu hiền, nhẹ nhàng, cởi mở, vui tươi*

Nguyên tắc này sẽ tạo cho trẻ một cảm giác an toàn, bình yên, dễ chịu. Cử chỉ nhẹ nhàng, hiền dịu của cô với cháu không gây bất kỳ xáo động lớn về thần kinh, sinh lý đang còn non nớt của trẻ. Nhờ có cảm giác an toàn, trẻ mới bộc lộ được tính hồn nhiên, ngây thơ, vô tư hồn nhiên của lứa tuổi.

### *Nguyên tắc dạy – dỗ*

Dạy trẻ mầm non, không thể tách rời với dỗ dành trẻ, đây là một quan điểm nhân sinh của ngành giáo dục mầm non. Đặc biệt là trẻ 3 - 4 tuổi, thời kỳ khủng hoảng tâm lý của lứa tuổi. Thông qua dỗ dành mà dạy trẻ. Nhờ có dạy – dỗ mà cô kịp thời phát hiện ra những bệnh tật, rối nhiễu hành vi ở trẻ, những khiếm khuyết về nhận thức để kịp thời chăm sóc, giáo dục [62].

Tóm lại, khi thực hiện các nguyên tắc trên trong quá trình giao tiếp với trẻ mẫu giáo, người giáo viên mầm non sẽ *giao tiếp với trẻ với vai trò vừa là người mẹ hiền vừa là cô giáo của trẻ - cô giáo như mẹ hiền*.

Từ sự phân tích trên, tác giả cho rằng:

*Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp giữa giáo viên với trẻ mẫu giáo.*

Như vậy, nội hàm của khái niệm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non phải thể hiện các nội dung sau:

*Thiết lập mối quan hệ với trẻ:* Có thể khẳng định, thiết lập mối quan hệ với trẻ là khâu đầu tiên, then chốt, cần phải có trong quá trình giao tiếp sư phạm giữa cô với trẻ. Nếu cô không thiết lập được mối quan hệ tốt với trẻ, không tạo cho trẻ cảm giác an toàn, vui vẻ, tự tin khi ở bên cô thì cô sẽ khó mà dạy dỗ trẻ. Bởi khi đó, trẻ sẽ không hợp tác với cô, thể hiện ở các cảm xúc tiêu cực, chống đối hoặc không tập trung chú ý đến quá trình và nội dung giao tiếp nữa

*Trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ:* Trong bất kỳ cuộc tiếp xúc nào về tâm lý giữa con người với con người cũng để lại trong cả chủ thể và đối tượng giao tiếp một sản phẩm nhất định về nhận thức, tình cảm hay tác động đến hành động của nhau. Tác giả Nguyễn Văn Lũy – Lê Quang Sơn khi bàn về nội dung của giao tiếp sư phạm đã khẳng định: “ Sự khác biệt cơ bản giữa hoạt động có đối tượng và hoạt động giao tiếp ở chỗ,



hoạt động có đối tượng bao giờ cũng làm thay đổi hình dạng, diện mạo, đặc tính lý, hóa, cơ học trên đối tượng; nhưng hoạt động giao tiếp, đối tượng tác động là con người, mà thường là con người có ý thức, đã không biến dạng tính chất lý hóa nào mà chỉ đọng lại ở 2 bên chủ thể và đối tượng giao tiếp một sản phẩm tinh thần được cả hai bên cảm nhận” [84, tr. 52]. Hai tác giả cũng khẳng định, nội dung tâm lý trong giao tiếp sư phạm bao gồm: Nhận thức, cảm xúc, hành vi. Trao đổi thông tin cũng là chức năng cơ bản nhất của giao tiếp sư phạm [84, tr 55]. Hoạt động giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo cũng vậy, có sự trao đổi các thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động.

*Sử dụng các phương tiện giao tiếp với trẻ:* Phương tiện giao tiếp trong giao tiếp sư phạm là những công cụ không thể thiếu nhằm truyền tải các nội dung thông điệp của quá trình giao tiếp. Theo tác giả Lê Văn Lũy – Lê Quang Sơn thì các phương tiện giao tiếp sư phạm được chia thành 3 nhóm chính: Ngôn ngữ (ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết); ngoại ngôn ngữ (ngôn ngữ thân thể, ngôn ngữ vật thể, ngôn ngữ môi trường); cận ngôn ngữ, thể hiện ở chất lượng giọng nói (âm vực, thanh điệu, tốc độ, nhịp độ, cường độ, nhịp độ, im lặng) [84]. Tất cả các phương tiện này trong giao tiếp sư phạm đều mang đặc thù riêng, khác với giao tiếp xã hội, đó là mang tính chuẩn mực, tác động bằng tình cảm, bằng nhân cách của giáo viên và được xã hội tôn trọng. Đó là các phương tiện trong giao tiếp sư phạm nói chung, đối với giao tiếp sư phạm mầm non, do đặc điểm tâm lý của trẻ, nội dung chương trình giáo dục nên trong quá trình giao tiếp không sử dụng ngôn ngữ viết, tuy nhiên lại có thêm nhiều phương tiện khác, như đồ dùng, đồ chơi, các giáo cụ trực quan thẩm mỹ, sinh động... Việc sử dụng thành thạo, đầy đủ và linh hoạt các phương tiện giao tiếp trên ở mỗi giáo viên mầm non sẽ cho thấy mức độ kỹ năng giao tiếp của cô với trẻ.

### 2.1.3.2. *Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

Dựa trên các khái niệm về kỹ năng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, người giáo viên mầm non và các đặc điểm, nguyên tắc giao tiếp của giáo viên mầm non đã cho thấy kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được thể hiện ở rất nhiều khía cạnh, không chỉ ở kết quả giáo dục mà còn trong suốt quá trình giao tiếp của cô với trẻ, là khả năng thiết lập mối quan hệ tích cực giữa cô và trẻ, nhanh chóng nhận ra những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của trẻ mẫu giáo, đồng thời sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, phương tiện giáo dục, cách tổ chức, điều khiển quá trình giao tiếp trong giáo dục trẻ mẫu giáo nhằm đạt mục đích giáo dục đã đề ra.

Từ cách hiểu trên, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm hành động/ hoạt động của giáo viên mầm non vào thực hiện có hiệu quả các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp với trẻ mẫu giáo trong những điều kiện xác định, hướng tới sự hình thành phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ.*

Như vậy, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo bao gồm:

- Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ (thể hiện sự thân thiện, vui tươi, nhẹ nhàng, tạo cảm giác an toàn cho trẻ);
- Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ;
- Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phù hợp với trẻ, với hoàn cảnh, tình huống và nội dung giáo dục (ngôn ngữ nói, hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ, đồ dùng, đồ chơi, hình thức và nhân cách mẫu mực của người giáo viên mầm non).

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên không tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình học tập, tu dưỡng rèn luyện kết hợp với sự trải nghiệm trong quá trình giao tiếp với người học. Sự hình thành, vận động, phát triển kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non là một quá trình phức tạp, bị chi phối, quy định của nhiều yếu tố. Muốn nâng cao kỹ năng giao tiếp cho người giáo viên mầm non phải nhận thức được các mặt đó và tính đến các đặc điểm, nguyên tắc giao tiếp của giáo viên mầm non.

## **2.2. Các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và tiêu chí đánh giá**

### ***2.2.1. Các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo***

Trên cơ sở nghiên cứu về kỹ năng, kỹ năng giao tiếp sư phạm, đặc điểm, nguyên tắc giao tiếp của giáo viên mầm non và đặc biệt là nội hàm khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, tác giả cho rằng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo bao gồm các nhóm kỹ năng sau:

- Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo
- Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo
- Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

#### *I/ Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

Thiết lập mối quan hệ là một trong những kỹ năng giao tiếp quan trọng, đặc biệt trong giao tiếp sư phạm mầm non. Bởi vì giao tiếp trước hết là sự liên hệ giữa các chủ thể của quá trình giao tiếp, từ đó mọi người mới có thể trao

đôi các thông tin và tác động qua lại với nhau. Khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, tác giả Narayana S. đã nhấn mạnh tới kỹ năng tạo lập mối quan hệ, tác giả Richard N.J [142] cũng rất coi trọng kỹ năng xây dựng bầu không khí tâm lý, tạo môi trường an toàn trong giao tiếp và kỹ năng tác động tới đối tượng, kỹ năng hợp tác và chia sẻ. Tuy mỗi lĩnh vực hoạt động khác nhau sẽ có những đối tượng giao tiếp khác nhau, dẫn tới đòi hỏi các kỹ năng giao tiếp khác nhau. Nhưng nhìn chung, một trong các kỹ năng giao tiếp được các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều hơn cả, đó là kỹ năng thiết lập mối quan hệ. Bởi vì kỹ năng thiết lập mối quan hệ là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho quá trình giao tiếp diễn ra, đạt mục đích và hiệu quả mong muốn.

Đối tượng giao tiếp của giáo viên mầm non trong luận án mà tác giả nghiên cứu là trẻ mẫu giáo. Trẻ mẫu giáo là những trẻ từ 3 đến 6 tuổi, tâm lý của trẻ đang trong giai đoạn hình thành và phát triển, các mối quan hệ của trẻ còn chưa mở rộng, chủ yếu là trong phạm vi gia đình, giao tiếp với các thành viên ruột thịt, môi trường mầm non là môi trường thứ 2 (sau môi trường gia đình) mà trẻ được tiếp xúc. Khi đến trường mầm non, trẻ vẫn trong tâm thế cần có người giúp đỡ để có thể thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của cá nhân như ăn ngủ, vui chơi. Lúc này cô giáo sẽ như người mẹ của trẻ, giúp trẻ có một môi trường như ở nhà, để trẻ có được cảm giác an toàn về tâm lý và thể chất, từ đó trẻ sẽ tự tin gia nhập các mối quan hệ trong môi trường mới, và lĩnh hội những tri thức mới mà nhà trường cung cấp.

Một đặc điểm tâm lý nổi bật của trẻ lúc này là xúc cảm, tình cảm chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ, vì vậy khi cô giáo tạo được tình cảm tốt đẹp với trẻ, tạo được sự tin tưởng ở trẻ, thì cô mới có thể tiến hành được các hoạt động giáo dục như mục đích đã đề ra.

Vì vậy, có thể khẳng định, kỹ năng thiết lập mối quan hệ của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là kỹ năng rất quan trọng, đầu tiên, bất kỳ người giáo viên mầm non cũng cần phải có. Dựa trên sự phân tích tổng thể các vấn đề lý

luận về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng thiết lập mối quan hệ của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm hành động để thể hiện sự tôn trọng, thành tâm thiện ý, hiểu tâm lý trẻ, yêu thương trẻ nhằm tạo cho trẻ cảm giác an toàn, tin cậy, vui vẻ, thoải mái khi tiếp xúc với cô.*

Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ tích cực với trẻ bao gồm các kỹ năng bộ phận sau: Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ; kỹ năng thể hiện sự thành tâm thiện ý, tôn trọng trẻ; kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ;

- *Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ có các biểu hiện sau:*

+ Biết nắm bắt suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của trẻ trong mỗi tình huống giao tiếp qua quan sát nét mặt, hành vi, ngôn ngữ còn chưa hoàn thiện của trẻ.

+ Biết nắm bắt đặc điểm thể chất, tâm lý riêng, hoàn cảnh riêng của trẻ qua tiếp nhận những thông tin về trẻ trước khi giao tiếp trực tiếp để có một mô hình tâm lý ban đầu về trẻ, đồng thời dự đoán các phản ứng của trẻ có thể xảy ra, từ đó chuẩn bị các cách giao tiếp phù hợp. VD: Trẻ nhút nhát hay hiếu động hoặc đang có bất thường về tâm lý, thực thể hoặc đã khóc lóc từ nhà, hay trẻ lười ăn v.v.v.

+ Biết nắm bắt những nhu cầu, sở thích riêng của trẻ

- *Kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ có các biểu hiện sau:*

+ Biết lắng nghe tích cực, để trẻ thoải mái nói lên những suy nghĩ của mình, luôn chú ý tới những phản ứng của trẻ qua ngôn ngữ và hành vi để trẻ được thỏa mãn hợp lý.

+ Biết tạo bầu không khí tâm lý thân thiện, vui vẻ

+ Biết đồng cảm với những cá tính riêng, những ưu điểm hạn chế của trẻ và khen ngợi động viên trẻ kịp thời.

+ Biết tạo ra điều kiện để trẻ tự tin, chủ động giao tiếp với mình

- *Kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ có các biểu hiện sau:*

- + Biết kết hợp giữa dạy và dỗ trong quá trình giáo dục trẻ
- + Biết tạo cho trẻ cảm giác an toàn, ấm cúng như đang ở nhà
- + Biết chăm sóc, vệ sinh cá nhân cho trẻ chu đáo, sạch sẽ.

Những phân tích trên cho thấy, nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ của giáo viên mầm non rất quan trọng đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, nó là cơ sở cho việc hình thành tình cảm giữa cô và trẻ - một yếu tố tiên quyết đối với kết quả tác động giáo dục của cô. Nhóm kỹ năng này khá phức tạp, đa dạng, đòi hỏi không chỉ vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp mà còn cả thái độ đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.

*II/ Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

Trao đổi thông tin là nội dung cơ bản nhất trong giao tiếp, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của quá trình giao tiếp. Trao đổi thông tin có hiệu quả là một kỹ năng mang tính nghệ thuật và đòi hỏi chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp rất cao. Trao đổi thông tin có mục đích tương đối rộng, có thể nhằm cung cấp thông tin hoặc nhằm thúc đẩy người khác hoạt động, có thể là trao đổi kiến thức, dạy người khác làm theo, có thể là nhằm đào tạo kiến thức, kỹ năng. Tác giả Thiner G. và cộng sự đã nêu: “Giao tiếp được coi là sự truyền đạt thông tin, qua đó các trạng thái của hệ thống phát thông tin phát huy ảnh hưởng tới trạng thái của hệ nhận thông tin”. Tác giả Gruere J.P cho rằng: “Sự giao tiếp là một quá trình chuẩn trong đó một thông điệp được chuyển tải từ một bộ phát tới một bộ thu, thông qua một chuỗi các yếu tố được gọi là nguồn, kênh, địa chỉ”. Tác giả Parughin B. cũng cho rằng: “Giao tiếp là một quá trình quan hệ tác động giữa các cá thể, là quá trình thông tin quan hệ giữa con người với con người” [dẫn theo 64, tr. 5, 6]. Như vậy, các tác giả cũng đã khẳng định rõ trong quá trình giao tiếp luôn có sự trao đổi các

thông tin. Để thực hiện quá trình đó một cách hiệu quả, đòi hỏi chủ thể giao tiếp phải biết vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm của bản thân.

Theo chương trình giáo dục mầm non, điều lệ trường mầm non, mục đích nhiệm vụ của người giáo viên mầm non là giúp trẻ lĩnh hội các tri thức tiền khoa học nhằm phát triển ở tất cả các lĩnh vực nhận thức, tình cảm, kỹ năng xã hội, thể chất, thẩm mỹ và ngôn ngữ [10], [11], [12]. Như vậy, mục đích của trao đổi nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ để giúp trẻ: Phát triển nhận thức; phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội; phát triển thẩm mỹ; phát triển thể chất; phát triển ngôn ngữ.

Tuy nhiên, giáo dục mầm non mang tính tích hợp, vì vậy các mục đích trên không tách rời nhau mà được đan xen lồng ghép với nhau trong các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Việc truyền đạt các thông tin tới trẻ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phải đảm bảo được tính đầy đủ, khách quan, đúng nội dung chương trình giáo dục mầm non
- Phải phát huy được tính tích cực tự giác của trẻ
- Phải phù hợp với đặc điểm tâm lý của lứa tuổi (tránh trừu tượng, khó hiểu), đồng thời phù hợp với đặc điểm tâm lý từng trẻ
- Phải đảm bảo tính trực quan, được minh họa bằng hình ảnh, đồ dùng đồ chơi sinh động, hấp dẫn [16, tr. 210].

Như vậy, để đạt được mục đích và đảm bảo các yêu cầu khi truyền đạt các thông tin tới trẻ, người giáo viên phải có kỹ năng cho hoạt động đó. Từ đó, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm có hiệu quả vào việc trao đổi với trẻ những thông tin kiến thức, tình cảm, hành động trong những điều kiện xác định.*

Kỹ năng trao đổi nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ bao gồm các kỹ năng bộ phận sau:

- *Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, bao gồm các biểu hiện sau:*

- + Biết khơi gợi để trẻ bộc lộ những khả năng nhận thức riêng
- + Biết đặt câu hỏi ngược lại cho trẻ để tạo cảm giác gần gũi, thân thiện với trẻ và diễn giải lại được những gì trẻ nói để trẻ xác nhận
- + Biết tạo tình huống để khơi gợi trí tò mò, sự yêu thích khám phá của trẻ
- + Biết nắm bắt những thắc mắc còn ngây ngô của trẻ
- + Biết nắm bắt ngôn ngữ “tự trị” (ngôn ngữ nói còn hạn chế, phát âm chưa chuẩn...) của từng trẻ.

+ Biết lựa chọn nội dung câu nói phù hợp với nhận thức của trẻ (khi giải thích, hướng dẫn trẻ ...)

+ Biết phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ

- *Kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm, cảm xúc bao gồm các biểu hiện:*

- + Biết kiềm chế và che dấu trạng thái cảm xúc khi cần thiết.
- + Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống giao tiếp
- + Biết giúp trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh và nội dung yêu cầu

+ Biết giúp trẻ giải tỏa những cảm xúc tiêu cực không có lợi

+ Biết làm lây lan những cảm xúc tích cực tới trẻ

+ Biết giữ thái độ bình tĩnh, khéo léo trước những tình huống căng thẳng hay bất lợi.

+ Biết xử lý khi trẻ thể hiện tình cảm với bạn, với cô nhưng chưa phù hợp

+ Biết giải quyết các mâu thuẫn, xung đột giữa các trẻ với nhau

+ Biết nắm bắt cảm xúc của trẻ trong mỗi tình huống giao tiếp.

- *Kỹ năng trao đổi thông tin hành động, bao gồm các biểu hiện:*

+ Biết thể hiện nội dung hành động phù hợp với trẻ

+ Biết đưa ra yêu cầu hành động ngắn gọn, dễ hiểu

+ Biết xử lý khi trẻ có những hành động, lời nói chưa đúng



+ Biết trao đổi nội dung hành động phù hợp với tính cách của trẻ.

Như vậy, nhóm kỹ năng này đòi hỏi người giáo viên phải vận dụng các kiến thức chuyên môn về chương trình, nội dung giáo dục mầm non, biết sử dụng thông tin giáo dục một cách hiệu quả.

### *III/ Nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp*

Khi đề cập đến giao tiếp trong lĩnh vực tâm lý học, cho dù có nhiều quan điểm khác nhau nhưng hầu hết các tác giả đều khẳng định phương tiện giao tiếp đặc trưng của con người nói chung, của giáo viên mầm non nói riêng là lời nói (ngôn ngữ). Tác giả Hoàng Anh, Nguyễn Thạch, đã khẳng định “Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chỉ có ở con người” và “các phương tiện phi ngôn ngữ lại là các phương tiện được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp” [1]. Tác giả Ngô Công Hoàn cho rằng, các phương tiện giao tiếp su phạm bao gồm: Phương tiện vật chất (các giá trị vật chất, các sản phẩm lao động, trang phục của chủ thể, khách thể); phương tiện ngôn ngữ (ý và nghĩa của ngôn ngữ, cách phát âm, ngữ pháp, văn phạm...); phương tiện phi ngôn ngữ (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nụ cười, tư thế.v.v..) [64, tr. 26]. Tác giả cũng khẳng định, đây là phương tiện giao tiếp chủ yếu của trẻ từ 1 – 4 tuổi. Nếu nội dung của lời nói tác động vào ý thức thì ngữ điệu của lời nói tác động mạnh mẽ đến tình cảm của con người. Do đó, việc lựa chọn các từ ngữ chuẩn mực, giàu ngữ điệu, nội dung đảm bảo tính giáo dục đóng vai trò rất quan trọng trong giao tiếp. Tác giả Gamble T.K đã liệt kê những yếu tố được xem như những phương tiện giao tiếp không lời thường được sử dụng nhiều nhất trong giao tiếp là: Ngôn ngữ cơ thể, trang phục, giọng nói, không gian và khoảng cách giao tiếp, màu sắc, thời gian, sự tiếp xúc về cơ thể [dẫn theo 71, tr. 61]. Tác giả Emal A. đã khẳng định, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói là tốc độ nói, độ cao, chất giọng, âm lượng và phát âm. Dù muốn hay không thì người nghe thường có xu hướng gắn những yếu tố trên với một số đặc điểm nhân cách nào đó của người nói [139].

Đối với giáo viên mầm non, trong giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo, vì trẻ mẫu giáo chưa biết chữ, cho nên phương tiện giao tiếp của giáo viên với trẻ chủ yếu là bằng ngôn ngữ nói. Ngoài ngôn ngữ diễn đạt, những phương tiện ngoài ngôn ngữ như hành vi cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nụ cười và đồ dùng giáo cụ trực quan là những phương tiện rất quan trọng, bổ sung cho thái độ của người giáo viên mầm non trong giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Do đặc điểm tư duy trực quan hành động đang là thế mạnh của trẻ cho nên việc sử dụng đồ dùng đồ chơi trong quá trình giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo sẽ giúp trẻ dễ dàng lĩnh hội các tri thức tiên khoa học.

Để giao tiếp sư phạm đạt hiệu quả, giáo viên mầm non cần phải có khả năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, đầy đủ các phương tiện giao tiếp nhằm giải quyết tốt các nhiệm vụ giao tiếp. Từ đó, tác giả cho rằng:

*Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm vào thực hiện các hành động/ hoạt động sử dụng ngôn ngữ nói, hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ và đồ dùng, đồ chơi trong những điều kiện xác định.*

Như vậy, nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp bao gồm các kỹ năng bộ phận sau: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói; Kỹ năng sử dụng hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ; Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

- *Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói bao gồm các biểu hiện sau:*

+ Biết sử dụng ngôn ngữ nói chuẩn mực, giàu ngữ điệu, phù hợp với nội dung và hoàn cảnh giao tiếp.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ nói giàu ngữ điệu, phù hợp với nội dung câu chuyện, tình huống hoàn cảnh.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ nói linh hoạt, thân thiện, dịu dàng để điều khiển hành động của trẻ.

+ Biết sử dụng các câu, từ cảm thán một cách linh hoạt, phù hợp hoàn cảnh để kịp thời khuyến khích, động viên trẻ.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ nói để điều khiển (thúc đẩy hoặc kìm hãm) tốc độ giao tiếp cho phù hợp với nội dung và phong cách giao tiếp. Ví dụ: Khi tất cả các trẻ trong lớp đều hào hứng xung phong giơ tay phát biểu hoặc ngược lại, khi trẻ vì quá nôn nóng trả lời câu hỏi nên nói luyên thuyên, không rõ câu, từ ....v.v..

+ Biết sử dụng ngôn ngữ nói để làm giảm căng thẳng, xoa dịu dỗ dành trẻ

- *Kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ bao gồm các biểu hiện:*

+ Biết sử dụng đôi bàn tay, cánh tay để thể hiện sự thân thiện, thiện chí, cởi mở với trẻ. Ví dụ: Trong cách mời trẻ lên phát biểu, trong cách điều khiển hành động của trẻ

+ Biết di chuyển cơ thể hợp lý, tạo sự hứng thú, vui vẻ ở trẻ (đặc biệt là khi tham gia các hoạt động. Chẳng hạn: Sự chuyển động, nhún nhảy của cơ thể theo điệu nhạc, lời ca...)

+ Biết thể hiện ánh mắt thân thiện, vui tươi, tin tưởng.

+ Biết đón ánh mắt của trẻ.

+ Biết thay đổi biểu cảm nét mặt phù hợp với lời nói của trẻ.

+ Biết kết hợp hài hòa, hợp lý giữa ngôn ngữ nói và hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ để khuyến khích trẻ tham gia hoạt động, trả lời các câu hỏi của cô, (VD: Nghiêng đầu, cúi xuống khi giao tiếp với trẻ), để biểu lộ sự đồng cảm và hiểu trẻ.

- *Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi bao gồm các biểu hiện:*

+ Biết sử dụng các đồ dùng, đồ chơi an toàn, đảm bảo vệ sinh

+ Biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi để tạo tình huống kích thích tính tích cực hoạt động của trẻ.

+ Biết thiết kế bài giảng sinh động, giàu hình ảnh, có âm thanh phù hợp minh họa.

+ Biết thực hiện các thao tác khéo léo, thuần thục khi sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

+ Biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi phù hợp với hoàn cảnh, khoảng cách, vị trí giao tiếp giữa cô và trẻ.

+ Biết làm đẹp bản thân (đầu tóc, trang phục....) khi giao tiếp với trẻ

### ***2.2.2. Các tiêu chí đánh giá kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.***

Phân tích khái niệm kỹ năng và các bước hình thành kỹ năng, ta thấy phản ánh hai đặc trưng cơ bản:

- Kỹ năng biểu hiện trình độ nắm vững phương thức khái quát của một hành động. Đặc trưng này phản ánh tính vững chắc của kiến thức của cá nhân với tư cách là công cụ, phương tiện của hoạt động tương ứng.

- Kỹ năng phản ánh khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm để giải quyết nhiệm vụ trong những tình huống khác nhau để đạt kết quả cao nhất. Đặc trưng này phản ánh tính năng động, linh hoạt, sáng tạo tiềm ẩn của con người và sẵn sàng hiện hữu trong suốt quá trình hoạt động.

Các đặc trưng trên của kỹ năng được thể hiện ở các mức độ khác nhau. Một số tác giả như Rudic. P.A. và Thodorson. G chia kỹ năng thành 2 mức: mức độ các thao tác riêng lẻ, chưa được hoàn thiện và mức độ cao hơn là kỹ xảo [dẫn theo 4, tr. 27]. Theo cách chia này cho thấy mức độ của kỹ năng được đánh giá qua hai tiêu chí là tính đầy đủ và tính thành thực của các thao tác, thể hiện số lượng và chất lượng của kỹ năng. Việc dựa vào 2 tiêu chí như vậy còn khá khái quát và chưa đầy đủ, việc đánh giá sẽ gặp khó khăn.

Một số tác giả khác lại đánh giá mức độ biểu hiện của kỹ năng theo các giai đoạn phát triển của nó. Tác giả Platonov K.K, Golubev G.G, Ganperin P.Ia đánh giá qua 5 giai đoạn phát triển. Theo các tác giả này, các mức độ của kỹ năng được đánh giá dựa trên một số thông tin như: mức độ thực hiện hành động, độ khái quát, sự toàn vẹn của các thao tác, trình độ thành thạo. Tác giả Phạm Tất Dong cũng đánh giá mức độ kỹ năng qua 4 giai đoạn. Trong bài viết “Xây dựng tiêu chí đánh giá thực trạng đối tượng nghiên cứu ở các công trình luận án tiến sĩ tâm lý học”. Tác giả Trần Hữu Luyện đã cho rằng, khi nghiên cứu về biểu hiện và mức độ của kỹ năng nào đó, thì tiêu chí xem xét bao gồm: Tính đầy đủ, tính thuần thực, tính linh hoạt và tính hiệu quả [88]. Theo các cách phân chia trên, kỹ năng được bộc lộ từ thấp đến cao qua các

giai đoạn: từ nắm được tri thức về kỹ năng cho đến có kỹ năng chưa đầy đủ, chưa thành thực, rồi có đầy đủ, cao nhất là có kỹ năng đầy đủ và thực hiện chúng thành thực, linh hoạt trong mọi điều kiện của hoạt động. Kỹ năng không chỉ thể hiện ở tính đầy đủ và thành thạo mà còn ở sự ổn định, bền vững và linh hoạt, giúp đánh giá kỹ năng khá toàn diện về định lượng và định tính. Việc phân chia mức độ của kỹ năng thành nhiều giai đoạn giúp cho việc hình thành và nghiên cứu kỹ năng được thuận lợi và đảm bảo tính khoa học.

Tiếp nối các quan điểm trên, các tác giả sau này như Chu Liên Anh, Đào Thị Diệu Linh, Cao Xuân Liễu, Nguyễn Thị Quy cũng đã đưa ra các tiêu chí đánh giá kỹ năng ở các lĩnh vực khác nhau. Tác giả Chu Liên Anh dựa vào 3 tiêu chí: *Tính đầy đủ* (nhận thức đầy đủ mục đích, yêu cầu của kỹ năng và có đủ các thao tác cần thiết); *Tính thành thực* (sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lý các thao tác về số lượng và trình tự); *Tính linh hoạt* (sự ổn định, bền vững và sáng tạo của kỹ năng trong các điều kiện khác nhau của hoạt động) [7, tr. 28]. Tác giả Đào Thị Diệu Linh cho rằng có 5 tiêu chí, đó là: *Tính đúng đắn* (biểu hiện ở việc thực hiện hành động/hoạt động một cách chính xác, đầy đủ, phù hợp với những điều kiện thực tiễn); *Tính khái quát* (hành động được triển khai ở dạng rút gọn qua luyện tập); *Tính thuần thực* (thể hiện ở sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lý các thao tác về số lượng và trình tự); *Tính linh hoạt* (các thao tác vẫn nhanh nhạy, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tiễn thay đổi); *Tính hiệu quả* (thực tiễn được giải quyết) [91, tr. 20]. Tác giả Cao Xuân Liễu, lại xác định các mức độ của kỹ năng dựa trên 3 tiêu chí: *Tính thuần thực* (sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lý các thao tác về số lượng và trình tự trong hoạt động); *Tính linh hoạt* (ổn định, bền vững, sáng tạo của kỹ năng); *Tính đúng đắn* (ít hoặc không có sai phạm) [90, tr. 24]. Tác giả Nguyễn Thị Quy cũng cho rằng kỹ năng có 5 đặc trưng cơ bản, nhưng nội hàm của từng tiêu chí thì có điểm riêng, đó là: *Tính đầy đủ* (chủ thể phải có đầy đủ tri thức,

hiểu biết về kỹ năng); *Tính khái quát* (không chỉ thực hiện duy nhất hành động đó có kết quả mà bất kể trong trường hợp nào tương tự cũng thực hiện hành động có hiệu quả, một số thao tác được bỏ qua nhưng hành động vẫn đạt hiệu quả); *Tính thuần thực* (thành thạo, không có thao tác thừa, không gặp vướng mắc khi triển khai hành động); *Tính linh hoạt* (không chỉ trong 1 trường hợp cố hữu mà trong những trường hợp tương tự hoặc hoàn cảnh khác nhau vẫn thực hiện hiệu quả hành động); *Tính hiệu quả* (biểu hiện tổng thể giá trị cuối cùng của hành động có kỹ năng) [108, tr. 33].

Như vậy, qua các quan điểm trên cho thấy giữa các tác giả không có sự khác biệt nhiều về tiêu chí đánh giá kỹ năng. Căn cứ vào việc xem xét, phân tích quan điểm của các tác giả trên, khi nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, tác giả cho rằng, cần đánh giá các mức độ của kỹ năng này dựa trên 3 tiêu chí: Tính đầy đủ, tính linh hoạt, tính thành thực. Bởi vì theo chúng tôi, trong tính linh hoạt đã bao hàm tính sáng tạo, tính thành thực và tính đầy đủ đã bao hàm cả tính hiệu quả. Cụ thể như sau:

- *Tính đầy đủ*: Biểu hiện ở việc thực hiện hành động/hoạt động một cách chính xác, có đầy đủ các thao tác cần thiết, phù hợp với những điều kiện thực tiễn. Tiêu chí này đánh giá định lượng của kỹ năng.

- *Tính thuần thực*: Biểu hiện ở sự vận dụng phù hợp các thao tác của kỹ năng với mục đích và điều kiện của hành động, sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lý các thao tác về số lượng và trình tự hành động, không có thao tác thừa, không gặp vướng mắc trong thực hiện. Tiêu chí này giúp đánh giá về định tính của kỹ năng.

- *Tính linh hoạt*: Thể hiện sự ổn định, bền vững và sáng tạo của kỹ năng trong các điều kiện khác nhau. Tiêu chí này đánh giá định tính của kỹ năng.

Từ việc phân tích như vậy, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non được đánh giá theo 5 mức độ: Rất thấp, Thấp, Trung bình, Cao, Rất cao dựa trên 3 tiêu chí: Tính linh hoạt, Tính đầy đủ, Tính thuần thực.

*\* Tính đầy đủ của kỹ năng được đánh giá theo 5 mức độ sau:*

+ Mức rất thấp: Ở mức này, tính đầy đủ rất hạn chế, giáo viên mầm non chưa nhận thức được đầy đủ mục đích, yêu cầu sử dụng kỹ năng và gần như chưa có các biểu hiện thao tác cần thiết của kỹ năng.

+ Mức thấp: Ở mức này, tính đầy đủ còn hạn chế. Giáo viên mầm non chưa thực hiện hoạt động giao tiếp một cách chính xác, chưa có đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với những điều kiện thực tiễn.

+ Mức trung bình: Là mức đã có tính đầy đủ cần thiết. Giáo viên mầm non đã thực hiện hoạt động giao tiếp một cách tương đối chính xác, có tương đối đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với những điều kiện thực tiễn.

+ Mức cao: Là mức đã có tính đầy đủ tương đối tốt. Giáo viên mầm non chưa thực hiện hoạt động giao tiếp một cách chính xác, có đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với những điều kiện thực tiễn.

+ Mức rất cao: Tính đầy đủ được thể hiện tốt. Giáo viên mầm non thực hiện hoạt động giao tiếp rất chính xác, có đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với cả những điều kiện thực tiễn không thuận lợi.

*\* Tính thuần thực của kỹ năng được đánh giá theo 5 mức độ sau:*

+ Mức rất thấp: Tính thuần thực rất hạn chế. Giáo viên mầm non chưa có sự thành thạo, phù hợp cần thiết trong các biểu hiện của kỹ năng.

+ Mức thấp: Tính thuần thực còn hạn chế. Giáo viên mầm non chỉ có được sự thành thạo ở rất ít các thao tác, sự kết hợp các thao tác ít có sự hợp lý, còn mắc nhiều lỗi.

+ Mức trung bình: Đã có tính thành thực cần thiết của kỹ năng. Về cơ bản, các giáo viên mầm non đã có sự thành thạo trong các thao tác riêng lẻ, sự kết hợp các thao tác đã có sự hợp lý và phù hợp trong điều kiện hoạt động ổn định.

+ Mức cao: Tính thành thực của kỹ năng tương đối tốt. Giáo viên mầm non thể hiện sự thành thạo các thao tác riêng lẻ, sự kết hợp các thao tác trong tổ hợp tương đối hợp lý và phù hợp với các mục đích và điều kiện hoạt động, ít mắc lỗi.

+ Mức rất cao: Tính thành thạo được thể hiện tốt. Giáo viên mầm non đã thành thạo trong các thao tác, sự kết hợp các thao tác trong tổ hợp hợp lý và phù hợp với mọi điều kiện hoạt động, không mắc lỗi.

*\* Tính linh hoạt của kỹ năng được đánh giá theo 5 mức sau:*

+ Mức rất thấp: Tính linh hoạt của kỹ năng rất hạn chế, giáo viên hầu như không có sự ổn định của kỹ năng trong hoạt động.

+ Mức thấp: Tính linh hoạt còn hạn chế. Giáo viên mầm non mới chỉ thể hiện sự ổn định của kỹ năng trong điều kiện quen thuộc, nhưng chưa có sự ổn định, bền vững và sáng tạo trong các điều kiện khác nhau của hoạt động giao tiếp.

+ Mức trung bình: Giáo viên mầm non đã có tính linh hoạt cần thiết, được thể hiện ổn định trong điều kiện thông thường. Tính sáng tạo còn rất hạn chế.

+ Mức cao: Tính linh hoạt của kỹ năng tương đối cao. Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non đã khá ổn định, bền vững và có sự sáng tạo.

+ Mức rất cao: Tính linh hoạt của kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non được thể hiện rất cao. Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non đã có sự ổn định bền vững và có sự sáng tạo cao trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

Căn cứ vào tiêu chí đánh giá kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non, chúng tôi tổng hợp các mức độ của 3 nhóm kỹ năng theo nguyên tắc sau:

- Nếu trong kỹ năng có cả 3 tiêu chí cùng ở một mức độ nào đó thì kỹ năng được đánh giá ở mức độ đó.

- Nếu kỹ năng có 2 tiêu chí ở cùng một mức độ nào đó và tiêu chí còn lại ở mức liền kề thì kỹ năng được đánh giá ở mức có 2 tiêu chí cùng mức.

- Nếu kỹ năng có 2 tiêu chí ở cùng một mức độ nào đó và tiêu chí còn lại ở mức thấp hơn hoặc cao hơn mức liền kề, thì kỹ năng được đánh giá ở mức liền kề.

- Nếu 3 tiêu chí của kỹ năng ở 3 mức khác nhau thì kỹ năng được đánh giá theo mức của tiêu chí ở mức giữa của hai tiêu chí còn lại.

Cách tổng hợp được thể hiện cụ thể ở bảng 2.1 dưới đây



Bảng 2.1. Đánh giá tổng hợp mức độ biểu hiện của các nhóm kỹ năng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

Mức kỹ năng GTSP của GVMN với trẻ mẫu giáo	Các tiêu chí đánh giá mức kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo (tính đầy đủ, tính thành thực, tính linh hoạt)		
<b>Mức Rất Thấp</b>	Rất thấp	Rất thấp	Rất thấp
	Rất thấp	Rất thấp	Thấp
<b>Mức Thấp</b>	Thấp	Thấp	Thấp
	Thấp	Thấp	Rất thấp
	Thấp	Rất thấp	Trung Bình
	Rất thấp	Rất thấp	Cao hoặc Rất cao
	Thấp	Rất thấp	Trung Bình hoặc Cao
<b>Mức Trung Bình</b>	Trung Bình	Trung Bình	Trung Bình
	Trung Bình	Trung Bình	Thấp
	Trung Bình	Trung Bình	Cao
	Thấp	Thấp	Tốt
	Trung Bình	Rất thấp hoặc Thấp hoặc Cao hoặc Tốt	Tốt hoặc Cao hoặc Thấp hoặc Rất thấp
<b>Mức Cao</b>	Cao	Cao	Cao
	Cao	Cao	Trung Bình
	Cao	Cao	Rất cao
	Cao	Rất thấp hoặc Thấp hoặc Trung bình	Rất cao
<b>Mức Rất cao</b>	Rất cao	Rất cao	Rất cao
	Rất cao	Rất cao	Cao

Dựa trên tiêu chí đánh giá và nguyên tắc tổng hợp trên đây, kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non được đánh giá theo 5 mức độ. Bên cạnh đó, chúng tôi còn sử dụng điểm trung bình của thang đo trong bảng hỏi để đánh giá.

### **2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo**

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non là loại kỹ năng đặc biệt, nền tảng hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non khi chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo không chỉ là những thao tác kỹ thuật đơn thuần, mà chứa đựng yếu tố tâm lý, vì vậy nó chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Tác giả Nguyễn Văn Lũy cho rằng, hiệu quả của quá trình giao tiếp sư phạm chịu sự chi phối bởi các yếu tố như mục tiêu giáo dục, đối tượng giao tiếp sư phạm, đặc điểm tâm – sinh lý của học sinh [84, tr. 88]. Tác giả Nhữ Văn Thao cho rằng, các yếu tố sau ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của chính trị viên trong quân đội: Kinh nghiệm; kiến thức, chuyên môn nghề nghiệp; các đặc điểm phẩm chất nhân cách, phong cách giao tiếp của chính trị viên; đặc điểm tâm lý lứa tuổi của đối tượng giao tiếp; đặc điểm cùng miền; các chuẩn mực và truyền thống của tập thể quân sự [114]. Tác giả Ngô Công Hoàn cho rằng, lòng yêu nghề mến trẻ là một trong những nguyên tắc ứng xử cơ bản giữa cô và trẻ trong quá trình giao tiếp. Tác giả khẳng định, khi giao tiếp với trẻ phải yêu thương trẻ như con em mình, nhằm đem lại cảm giác an toàn cho trẻ [64]. Nếu các yếu tố trên không được đảm bảo, quá trình giao tiếp giữa cô và trẻ sẽ gặp khó khăn. Tác giả Nguyễn Minh Ngọc cho rằng, kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: Nhận thức, tính cách, ý thức rèn luyện, kinh nghiệm nghề nghiệp, nền tảng kiến thức chuyên môn của giáo viên mầm non; đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo lớn; môi trường điều kiện làm việc; phong cách quản lý của nhà trường [100]. Qua nghiên cứu các quan điểm trên, tác giả cho rằng, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan và khách quan.

### **2.3.1. Nhóm các yếu tố chủ quan**

Sự hình thành phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên mầm non chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố cơ bản sau đây:

\* *Nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm và đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo.*

Nhận thức là một trong 3 mặt hoạt động tâm lý cơ bản của cá nhân: Nhận thức, thái độ, hành động. Trong quá trình hoạt động, con người phải phản ánh được đối tượng và môi trường xung quanh, tức là nhận thức. Nhận thức là hoạt động giúp con người nhận ra và sáng tỏ về bản chất, quan hệ và quy luật vận động của đối tượng, để từ đó có thái độ và hành động đúng đắn [125]. Hoạt động nhận thức là tổ hợp nhiều hoạt động cụ thể, với mức độ phản ánh khác nhau về đối tượng. Mức thấp là sự tác động của chủ thể lên đối tượng bằng các giác quan. Mức cao là nhận thức lý tính, tức là sự phản ánh gián tiếp của chủ thể lên đối tượng, thông qua các hình ảnh, các biểu tượng cảm tính để đưa ra khái niệm, phản ánh bản chất, các mối liên hệ phổ biến và quy luật vận động của đối tượng. Tác giả Lusier R.N xem xét nhận thức của mỗi cá nhân trong một tổ chức nào đó có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các kỹ năng giao tiếp, bởi nhận thức có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu và hành vi của họ trong giao tiếp [dẫn theo 71, tr. 70]. Cũng từ đó, tác giả nhấn mạnh đến việc phải nâng cao nhận thức cho bản thân để có được sự nhận thức tích cực về công việc và môi trường thực hiện.

Nhận thức của giáo viên về kỹ năng giao tiếp sư phạm, về vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp sư phạm là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên. Kỹ năng giao tiếp sư phạm chính là chiếc cầu nối quan trọng giữa người giáo viên với trẻ, giúp trẻ tiếp nhận thông tin, trao đổi cảm xúc, học tập bắt chước theo cô để từ đó hình thành các hành vi ở trẻ [64]. Nếu người giáo viên có nhận thức đúng đắn về kỹ năng giao tiếp sư phạm và tầm quan trọng của yếu tố này đối với kết quả quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo thì họ sẽ không chỉ tập trung

vào việc nắm vững chương trình, nội dung chăm sóc trẻ mà còn không ngừng rèn luyện để nâng cao kỹ năng khi giao tiếp với trẻ, để quá trình chăm sóc giáo dục đạt mục đích như đã định. Nhận thức chính là cơ sở để người giáo viên có thái độ và hành vi đúng đắn, thực hiện sự thống nhất giữa ba mặt: nhận thức, thái độ, hành vi.

Bên cạnh đó, việc nhận thức đúng đắn về đối tượng trong quá trình giao tiếp cũng rất quan trọng. Khi từ lứa tuổi nhà trẻ chuyển lên tuổi mẫu giáo, tâm lý của trẻ đã có nhiều bước phát triển mới. Hoạt động chủ đạo đã thay đổi, ngôn ngữ nói đã phát triển hơn, tình cảm, hành động, kỹ năng tự phục vụ cũng đã có những bước tiến bộ mới [111]. Từ đó, trong quá trình giao tiếp, nhận thức và hành động của trẻ đã trở nên chủ động hơn, phong phú và phát triển hơn nhiều so với lứa tuổi nhà trẻ, đòi hỏi giáo viên mầm non phải có cách ứng xử khác. Nếu khi giao tiếp với trẻ mẫu giáo, người giáo viên mầm non có nhận thức đúng về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi mẫu giáo sẽ thì quá trình giao tiếp sẽ trở nên dễ dàng và nhanh chóng có hiệu quả.

Trong luận án này, khi nghiên cứu về ảnh hưởng của nhận thức tới kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, tác giả chú ý tới các khía cạnh sau:

- Nhận thức của giáo viên mầm non về khái niệm và các biểu hiện của kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo
- Nhận thức của giáo viên mầm non về vai trò của kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo
- Nhận thức của giáo viên mầm non về mục đích, chức năng của kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo.
- Nhận thức của giáo viên mầm non về đặc điểm tâm lý cơ bản của trẻ mẫu giáo.

*\* Kinh nghiệm nghề nghiệp*

Kỹ năng giao tiếp sư phạm được hình thành thông qua các giai đoạn khác nhau trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Vì vậy những bài học rút ra

trong quá trình công tác sẽ giúp các giáo viên ứng xử linh hoạt, khéo léo hơn với trẻ. Điều đó góp phần tạo nên môi trường thân thiện giữa cô và trẻ, và công tác chăm sóc giáo dục trẻ sẽ đạt được kết quả tốt. Nói cách khác, kinh nghiệm thực tiễn trong việc giáo dục mầm non có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Kinh nghiệm thực tiễn trong việc nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo cũng là một yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến biểu hiện kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn mà người giáo viên mầm non tự đúc kết được trong quá trình làm việc sẽ tạo nền tảng để học vận dụng vào quá trình giao tiếp sư phạm, tạo hiệu quả cho quá trình giáo dục và hoàn thiện nhân cách trẻ mẫu giáo. Kinh nghiệm thường có được sau một quá trình, nghĩa là có sự liên quan đến tuổi tác của người giáo viên. Tuy nhiên như vậy không hoàn toàn có nghĩa là người giáo viên nhiều tuổi thì luôn luôn ứng xử tốt hơn, có kỹ năng giao tiếp tốt hơn giáo viên trẻ. Điều đó chỉ xảy ra với những giáo viên vừa có kinh nghiệm, vừa có tâm với nghề, yêu nghề mến trẻ và được đào tạo thường xuyên. Tri thức, kinh nghiệm trong công việc và cuộc sống tạo cho giáo viên mầm non một nền tảng để họ vận dụng vào quá trình giao tiếp sư phạm, tạo hiệu quả cho việc giáo dục và hoàn thiện nhân cách cho trẻ mẫu giáo. Người giáo viên mầm non có kinh nghiệm sẽ biết lắng nghe, quan sát, yêu thương trẻ và thể hiện tình cảm yêu thương đúng mực, biết cách kiềm chế cảm xúc của mình trong quá trình giao tiếp. Người giáo viên có kinh nghiệm và có tâm với nghề sẽ thực hiện quá trình sư phạm một cách khéo léo, biết lắng nghe và thể hiện tình cảm yêu thương đúng mực, biết truyền đạt và hướng dẫn trẻ phù hợp với nội dung chương trình giáo dục và đặc điểm tâm lý trẻ. Khi nghiên cứu về sự ảnh hưởng của kinh nghiệm nghề nghiệp của người giáo viên mầm non, chúng tôi chú ý tới kinh nghiệm của người giáo viên mầm non về các mặt sau:

- Kinh nghiệm trong nghiệp vụ sư phạm (tuổi nghề)

- Kinh nghiệm trong giao tiếp với trẻ mẫu giáo

- Kinh nghiệm đúc rút quá đào tạo, tập huấn, rèn luyện về kỹ năng giao tiếp ở các lớp đào tạo (trong trường chuyên nghiệp, các khóa bồi dưỡng, các khóa tập huấn..)

Tóm lại, kinh nghiệm nghề nghiệp được xem là một yếu tố quan trọng tác động đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

*\* Lòng yêu nghề, mến trẻ*

Lòng yêu nghề, mến trẻ là một trong những phẩm chất đạo đức cao quý của người Việt Nam nói chung, đối với những người làm nghề giáo, đặc biệt là giáo viên mầm non thì lòng yêu nghề, yêu trẻ là điều kiện tiên quyết để có thể làm một người giáo viên. Nhà giáo dục vĩ đại Comenxki đã nhấn mạnh: “Anh không thể như một người cha thì cũng không thể như một người thầy”. Muốn dạy người, trước tiên phải yêu người. Càng yêu trẻ bao nhiêu càng làm được những điều vĩ đại bấy nhiêu.

Đối với trẻ mầm non, sự giao tiếp, chăm sóc, giáo dục trẻ có một tính chất đặc biệt, bởi khi rời vòng tay cha mẹ đến trường, cô giáo mầm non chính là người mẹ thứ 2 của trẻ, chăm sóc trẻ bằng tình thương yêu ruột thịt [64, tr. 133]. Lòng yêu trẻ của người giáo viên mầm non được thể hiện trong thái độ quan tâm chu đáo đầy thiện ý và ân cần với trẻ kể cả những trẻ bình thường và trẻ có những biểu hiện bất bình thường trong tâm lý và sức khỏe. Những cô giáo mầm non yêu nghề, mến trẻ luôn có tinh thần sẵn sàng làm việc hết mình, họ có thể hy sinh những lợi ích cá nhân vì lợi ích của trẻ, của nghề nghiệp. Chính cái tâm – lòng nhân ái, cái đức “như mẹ hiền” là nhân cách của nhà giáo tạo nên sức sống đích thực của nhà trường và diện mạo nhân cách trẻ sau này. Tuy nhiên không thể đồng nhất lòng yêu nghề mến trẻ với sự ủy mị, mềm yếu, nhu nhược, thiếu yêu cầu cao và nghiêm khắc với trẻ. Tình yêu thương trẻ, coi trẻ như con, cô giáo như mẹ hiền và tâm huyết với nghề là những cung bậc tình cảm thiêng liêng và cao quý nhất của con người nói chung và của những thầy cô giáo nói riêng.

*\* Ý thức tu dưỡng, rèn luyện của giáo viên mầm non.*

Tự ý thức, tự rèn luyện là một yếu tố rất quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại của một hoạt động nào đó. Nó không chỉ giúp cá nhân duy trì một kinh nghiệm hay kỹ năng nào đó mà còn giúp cho những yếu tố đã có ở cá nhân được phát triển và ngày càng nâng cao. Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non là một phẩm chất nhân cách, không tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình đào tạo, kết hợp với ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện của người giáo viên mầm non. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là một kỹ năng mềm, hiện nay các chương trình bồi dưỡng hàng năm cho giáo viên thường chưa có nội dung này. Vì vậy, việc tự bồi dưỡng, rèn luyện đúc kết kinh nghiệm qua quá trình chăm sóc giáo dục trẻ là một hoạt động thiết yếu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo nói riêng.

### ***2.3.2. Nhóm các yếu tố khách quan***

*\* Đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo*

Trẻ mẫu giáo (mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn) là những trẻ có độ tuổi từ 3 – 6 tuổi. Ở độ tuổi này, về cơ bản ngôn ngữ đã phát triển, trở thành phương tiện giao tiếp chủ đạo của trẻ. Do hệ vận động đã hoàn thiện, trẻ đã có thể đi lại tự do, không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người lớn, nên phạm vi giao tiếp, khám phá môi trường xung quanh đã mở rộng và phong phú hơn nhiều so với tuổi nhà trẻ ( từ 3 tuổi trở xuống). Cũng vì vậy, nhận thức của trẻ đã phát triển hơn trước rất nhiều. Ở trẻ mẫu giáo nhỡ đã xuất hiện kiểu tư duy trực quan hình ảnh, và sang mẫu giáo lớn đã bắt đầu xuất hiện kiểu tư duy trực quan sơ đồ, tuy nhiên kiểu tư duy đang là thế mạnh của trẻ vẫn là kiểu tư duy trực quan hành động. Hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo là hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề. Thông qua trò chơi này, trẻ đã tự ý thức rõ hơn về bản thân, bước đầu biết tự đánh giá nhận xét bản thân và các bạn trong nhóm chơi. Tuy nhiên, lúc

này tình cảm vẫn chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ, mọi chức năng tâm lý vẫn mang tính không chủ định, phụ thuộc chặt chẽ vào hứng thú, vào cảm xúc của trẻ [95, 111]. Là giáo viên mầm non, để quá trình giao tiếp sư phạm với trẻ đạt hiệu quả, cần phải nhận thức được tất cả các đặc điểm tâm lý đó của trẻ.

*\* Môi trường và điều kiện làm việc*

Môi trường và điều kiện làm việc là một khái niệm rộng bao gồm tất cả những gì có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và sự phát triển, nâng cao năng lực công tác của mỗi cá nhân, cán bộ, công chức (bao gồm môi trường bên trong và môi trường bên ngoài). Môi trường và điều kiện làm việc đối với giáo viên mầm non bao gồm: môi trường văn hóa, truyền thống của nhà trường, chế độ chính sách, sự quan tâm của đội ngũ cán bộ quản lý, mối quan hệ giữa lãnh đạo đối với giáo viên và giữa các giáo viên với nhau, cơ sở vật chất của trường. Tất cả tạo nên bầu không khí tâm lý nơi làm việc của giáo viên mầm non. Bên cạnh đó, tác giả cho rằng, một yếu tố không nhỏ nằm trong điều kiện làm việc của giáo viên có ảnh hưởng tới mức độ giao tiếp của giáo viên với trẻ mẫu giáo đó là số lượng trẻ trong một lớp. Nếu số lượng trẻ trong lớp quá đông thì quá trình giao tiếp giữa cô và trẻ, giữa trẻ với cô sẽ không thể thuận lợi.

Môi trường văn hóa, truyền thống của nhà trường chính là nơi diễn ra các mối quan hệ qua lại và giao tiếp của các giáo viên mầm non. Môi trường làm việc tốt là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển năng lực chuyên môn nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên với trẻ mẫu giáo nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng, chúng tôi rất chú ý tới yếu tố này. Thực tế cho thấy không ít tổ chức, đơn vị có môi trường làm việc không tốt dẫn đến những hậu quả có thể nhìn thấy được như: chất lượng, hiệu quả làm việc kém; mất



đoàn kết và năng lực chuyên môn không được phát triển. Một môi trường, điều kiện làm việc tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người giáo viên mầm non không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kèm theo những chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý như hỗ trợ học phí, tạo điều kiện về thời gian cho giáo viên có thể vừa học vừa làm yên tâm công tác. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng nhà trường cũng sẽ có thêm đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị để đảm đương nhiệm vụ.

Mối quan hệ giữa lãnh đạo và giáo viên là một nội dung hết sức quan trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục của nhà trường nói chung, tới kỹ năng giao tiếp của người giáo viên mầm non nói riêng. Bên cạnh đó, yếu tố về tâm lý của người lãnh đạo cũng hết sức quan trọng; đòi hỏi người lãnh đạo phải biết lắng nghe, biết kìm chế trong mọi hoàn cảnh; luôn giữ được mối quan hệ mật thiết đối với giáo viên, nếu mối quan hệ này không tốt sẽ không chỉ tạo nên những khoảng cách không đáng có giữa giáo viên và người quản lý mà còn gây nên những bức xúc, khó chịu ở người giáo viên, làm cho lòng yêu nghề, mến trẻ của họ bị ảnh hưởng, bị giảm sút.

Tóm lại, môi trường và điều kiện làm việc có liên quan chặt chẽ đến tinh thần, thái độ và kết quả làm việc của người giáo viên mầm non. Nếu môi trường làm việc không thuận lợi, không thoải mái, sẽ gây ức chế cho người giáo viên mầm non, dẫn đến chất lượng giáo dục sẽ bị hạn chế. Elton Mayo đã cho rằng, giao tiếp của mỗi nhân viên phụ thuộc vào sự quan tâm của cơ quan dành cho họ, họ sẽ cố gắng nỗ lực trong công việc cũng như duy trì và cải thiện các quan hệ trong tổ chức chừng nào mà họ vẫn còn cảm nhận được những cơ hội và giá trị mà tổ chức đem đến cho mình.

*\* Phong cách quản lý của cán bộ quản lý trường mầm non*

Phong cách quản lý của cán bộ quản lý là một yếu tố quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến kỹ năng giao tiếp của các cá nhân trong tổ chức đó. Phong cách quản lý của người quản lý trong trường mầm non bao gồm toàn bộ hệ thống các phương pháp, thủ thuật tiếp nhận, phản ứng với hành động tương đối bền vững của quản lý trường mầm non. Theo Điều lệ trường mầm non, giáo viên mầm non là những cá nhân được trang bị kiến thức phổ thông và được đào tạo về kiến thức chuyên ngành mầm non, bao gồm các tri thức và kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Họ là bộ phận, là nhóm người có tri thức, đảm bảo độ tin cậy trong chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ theo quy định đối với một giáo viên mầm non. Đây là lực lượng trực tiếp thực hiện mục tiêu, kế hoạch của nhà trường nhằm giáo dục phát triển toàn diện nhân cách trẻ. Giáo viên mầm non chính là người mẹ thứ hai của trẻ, vừa là cô dạy trẻ, vừa là mẹ đỡ trẻ để mang lại cho trẻ cảm giác an toàn, tự tin như ở trong gia đình.

Trong quá trình giao tiếp với trẻ, người giáo viên mầm non sẽ chịu sự chi phối bởi phong cách quản lý của cán bộ quản lý nhà trường. Phong cách quản lý độc đoán hoặc tự do dân chủ của người quản lý, của hệ thống quản lý sẽ tác động đến tâm lý của người giáo viên, mang lại cho họ trạng thái vui vẻ yêu nghề yêu trẻ hoặc ngược lại. Thực tế đã cho thấy, nếu phong cách quản lý của cán bộ quản lý một trường trường mầm non phù hợp, đáp ứng được nhu cầu mong muốn của người giáo viên thì họ sẽ tâm huyết với nghề hơn, toàn tâm toàn ý với công việc chăm sóc giáo dục trẻ, giao tiếp ứng xử với trẻ bằng toàn bộ năng lực và khả năng của mình. Ngược lại, khi phong cách quản lý của cán bộ quản lý nhà trường có nhiều bất cập, sẽ dẫn đến tình trạng làm việc không tập trung, không yêu nghề mến trẻ, không gắn bó và khi đó, quá trình giao tiếp của giáo viên với trẻ cũng gặp nhiều khó khăn.

## **Kết luận chương 2**

Trên cơ sở nghiên cứu về kỹ năng, kỹ năng giao tiếp sư phạm và kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, chúng tôi đưa ra các kết luận sau:

1. Hiện nay có nhiều quan niệm về kỹ năng: Kỹ năng là biểu hiện của kỹ thuật hành động; kỹ năng là mặt biểu hiện năng lực của cá nhân; kỹ năng là mặt biểu hiện của hành vi ứng xử. Qua các quan niệm trên, trong luận án này, chúng tôi cho rằng: “Kỹ năng là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của cá nhân vào thực hiện có hiệu quả các hành động, hoạt động trong các điều kiện thực tiễn xác định”.

2. Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của cá nhân vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp giữa chủ thể trong những điều kiện xác định.

3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm là sự vận dụng kiến thức kinh nghiệm của giáo viên vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp với người học trong những điều kiện xác định, hướng tới hình thành phát triển nhân cách người học.

4. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự vận dụng kiến thức kinh nghiệm của giáo viên mầm non vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức tình cảm hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp với trẻ mẫu giáo trong những điều kiện xác định, hướng tới hình thành phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ. Từ đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo bao gồm 3 nhóm kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

5. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, gồm: Nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, về đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo; Lòng yêu nghề, mến trẻ; Kinh nghiệm nghề nghiệp; ý thức tu dưỡng, rèn luyện của giáo viên mầm non; Đặc điểm tâm lý trẻ mầm non; Môi trường, điều kiện làm việc, phong cách quản lý của cán bộ quản lý trường mầm non.

### Chương 3

## TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả giải quyết một cách khách quan, khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn mà luận án đặt ra, cũng như tính đúng đắn của kết quả nghiên cứu. Quá trình tổ chức nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được chúng tôi tiến hành như sau:

### 3.1. Tổ chức nghiên cứu

#### 3.1.1. Địa bàn nghiên cứu

Tác giả khảo sát tại 5 trường Mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội, 5 trường Mầm non trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Việc chọn các đơn vị nghiên cứu đảm bảo đa dạng, đại diện cho cả thành phố và miền núi. Đây là những địa bàn tiêu biểu về nhiệm vụ đặc thù của giáo dục mầm non. Điều này tạo nên cơ sở cho những khái quát chung về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non hiện nay.

#### 3.1.2. Khách thể nghiên cứu

300 giáo viên mầm non; 10 trẻ mẫu giáo; 30 cán bộ quản lý trường mầm non.

#### 3.1.3. Thời gian nghiên cứu

Từ năm 2014 đến năm 2017

#### 3.1.4. Các giai đoạn nghiên cứu

**\* Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý thuyết và khảo sát sơ bộ, hoàn thành đề cương chi tiết (9/2014 - 10/2015)**

- *Nghiên cứu lý thuyết*

+ Mục đích nghiên cứu: Nhằm làm rõ các vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp sư phạm, rút ra những kết luận khoa học, làm cơ sở cho tiếp cận nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện pháp tâm lý - sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

+ Nội dung nghiên cứu: Khái quát các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về kỹ năng giao tiếp sư phạm; Xác định cách tiếp cận, hệ thống

khái niệm công cụ và các khái niệm liên quan; Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng; xác định các nội dung, chỉ báo để khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

*- Xây dựng bộ công cụ, khảo sát sơ bộ và chuẩn hoá công cụ*

*Bước 1:* Tiến hành tiếp xúc, quan sát, phỏng vấn giáo viên mầm non, cán bộ quản lý, xây dựng giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu.

*Bước 2:* Xây dựng bộ công cụ điều tra, khảo sát các biểu hiện cơ bản của kỹ năng giao tiếp sư phạm.

*Bước 3:* Xây dựng bộ công cụ điều tra, khảo sát thực trạng mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm.

*Bước 4:* Điều tra thử, xin ý kiến chuyên gia, điều chỉnh công cụ và phương pháp nghiên cứu cho phù hợp.

Mục đích điều tra thử: Xác định độ tin cậy của bộ công cụ, chỉnh sửa các nội dung, hoàn thiện bảng hỏi.

Khách thể điều tra: Chúng tôi tiến hành điều tra thử trên 50 giáo viên mầm non, 20 cán bộ quản lý.

*Phương pháp:*

Đo độ dài và độ khó của bảng hỏi: Để đo độ dài và độ khó của bảng hỏi, chúng tôi cho các nhóm khách thể trả lời bảng hỏi đã thiết kế sẵn. Trong quá trình khách thể trả lời câu hỏi, chúng tôi tiến hành ghi lại những câu không rõ nghĩa đối với họ. Kết quả cho thấy có 9 câu (item) cần được chỉnh sửa lại nội dung. Đồng thời, chúng tôi ghi lại thời gian trả lời bảng hỏi của các nhóm khách. Kết quả cho thấy các nhóm khách thể trả lời trong khoảng từ 20 đến 30 phút. Theo khoa học tâm lý về khả năng tập trung chú ý của người trưởng thành, quãng thời gian như thế không làm giảm đi sự tập trung chú ý tích cực của khách thể. Vì vậy, độ dài của bảng hỏi là phù hợp.

Đo độ tin cậy của bảng hỏi: Sau khi thu được số liệu, chúng tôi đã sử dụng chương trình thống kê toán học bằng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số

liệu. Ở giai đoạn này, chúng tôi chỉ quan tâm đến độ tin cậy của các tiêu thang đo được xây dựng trong bảng hỏi, vì vậy chúng tôi sử dụng thuật toán tính hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và tìm hiểu các item làm tăng, giảm đi độ tin cậy của các tiêu thang đo trong bảng hỏi. Kết quả thu được (phụ lục 9) cho thấy, nhìn chung, các tiêu thang đo trong cả các bảng hỏi đều cho độ tin cậy (Cronbach Alpha) từ 0.67 đến 0.87, và không có item nào làm giảm đi độ tin cậy của các tiêu thang đo.

*Bước 5:* Điều tra lại sau khi chỉnh sửa bộ công cụ.

Sau bước 3, chúng tôi tiến hành xin ý kiến chuyên gia, sau đó chỉnh sửa các item, cấu trúc lại bảng hỏi cho hợp lý và tiến hành đo lại trên nhóm khách thể khác, bao gồm: 30 giáo viên mầm non, 20 cán bộ quản lý thuộc trường mầm non Thanh Xuân.

Kết quả cho thấy: Ở lần điều tra thử này, thời gian trả lời bảng hỏi vẫn trong khoảng từ 20 đến 30 phút, tuy nhiên số các khách thể trả lời xong bảng hỏi trong khoảng từ 20 đến 30 phút nhiều hơn nhóm khách thể lần điều tra thử thứ nhất. Điều này chứng tỏ việc chỉnh sửa nội dung đã phát huy hiệu quả. Đồng thời, kết quả xử lý số liệu cho thấy, độ tin cậy của các tiêu thang đo được giữ nguyên, hoặc tăng lên và không có item nào làm giảm đi độ tin cậy của thang đo xuống dưới ngưỡng tin cậy (phụ lục 9).

**\* *Giai đoạn 2: Khảo sát thực trạng, tiến hành thực nghiệm tác động và viết các nội dung của luận án (11/2015 - 5/2017)***

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và kết quả khảo sát thử, sau khi làm sạch dữ liệu chúng tôi tiến hành nghiên cứu đại trà với 300 khách thể nghiên cứu và tiến hành thực nghiệm kiểm định giải pháp.

*Bước 1:* Khảo sát thực trạng gồm các nội dung:

- Khảo sát thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo thông qua ba nhóm kỹ năng: kỹ năng thiết lập mối quan hệ giao tiếp với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

- Khảo sát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

*Bước 2:* Từ kết quả nghiên cứu mức độ thực trạng, đề xuất một số biện pháp tâm lý - sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

*Bước 3:* Thực nghiệm kiểm định 01 biện pháp pháp tâm lý – sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Kết hợp các bước với viết nội dung bản thảo luận án.

**\* Giai đoạn 3: Kiểm tra số liệu điều tra và tiếp tục bổ sung nội dung luận án (5/2017 - 8/2017)**

- Đối chiếu, kiểm tra số liệu điều tra, xin ý kiến đánh giá của chuyên gia về kết quả nghiên cứu.

- Bổ sung, điều chỉnh nội dung luận án theo các số liệu đã kiểm tra, theo ý kiến chuyên gia.

**\* Giai đoạn 4: Hoàn thành luận án (từ tháng 8- 11/2017)**

- Xin ý kiến cán bộ hướng dẫn khoa học, ý kiến chuyên gia và tiến hành sửa chữa. Đánh giá luận án ở Hội đồng khoa học của Khoa chuyên ngành

- Sửa chữa luận án theo kết luận của Hội đồng khoa học của Khoa chuyên ngành. Bảo vệ luận án ở Hội đồng khoa học cấp cơ sở.

- Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng khoa học cấp cơ sở. Hoàn thiện luận án, chuẩn bị bảo vệ luận án ở Hội đồng cấp Học viện.

## **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

### **3.2.1. Nghiên cứu lý luận**

*\* Mục đích nghiên cứu lý luận*

Xác định các vấn đề lý luận cơ bản về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu, từ đó xác lập quan điểm chỉ đạo việc nghiên cứu các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.



*\* Nội dung nghiên cứu lý luận*

- Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề kỹ năng giao tiếp sư phạm và kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non .

- Nghiên cứu, hệ thống hóa và đưa ra các khái niệm công cụ, gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, gồm: kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ; kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp.

- Phân tích các yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, gồm: Nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm và đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo; lòng yêu nghề mến trẻ; kinh nghiệm nghề nghiệp; ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện của giáo viên mầm non; môi trường, điều kiện làm việc; phong cách quản lý của cán bộ quản lý trường mầm non.

*\* Phương pháp nghiên cứu lý luận*

Các phương pháp thu thập thông tin: nghiên cứu văn bản tài liệu theo các bước: phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa lý thuyết và các công trình khoa học của các tác giả trong và ngoài nước về các vấn đề kỹ năng, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non và các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

**3.2.2. Nghiên cứu thực tiễn**

*\* Mục đích nghiên cứu*

- Phát hiện thực trạng biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, gồm: kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

- Làm rõ sự ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan, khách quan đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

- Tiến hành thực nghiệm tác động nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

*\* Các giai đoạn và nội dung, phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

Nghiên cứu thực tiễn gồm 5 giai đoạn: giai đoạn thiết kế công cụ điều tra; giai đoạn điều tra thử; giai đoạn điều tra chính thức; giai đoạn xử lý kết quả; giai đoạn thực nghiệm tác động; Mỗi giai đoạn có mục đích, phương pháp, khách thể và nội dung nghiên cứu khác nhau.

*- Giai đoạn thiết kế công cụ điều tra*

*+ Các công cụ điều tra:*

Phiếu hỏi dành cho giáo viên mầm non

Phiếu hỏi dành cho cán bộ quản lý

Phiếu bài tập tình huống dành cho giáo viên mầm non

Phiếu xin ý kiến chuyên gia

Phiếu quan sát 2 hoạt động của cô và trẻ (HD có chủ đích, HD đón trả trẻ)

Phiếu trò chuyện đàm thoại với trẻ

Phiếu phỏng vấn sâu với các trường hợp điển hình (giáo viên mầm non)

*+ Mục đích sử dụng công cụ:*

Phát hiện thực trạng nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo, gồm: các kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non, vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp với trẻ mẫu giáo.

Phát hiện thực trạng biểu hiện, mức độ các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo: nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp

Phát hiện thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Xây dựng thực nghiệm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non.

+ *Các phương pháp sử dụng:*

Điều tra, ý kiến chuyên gia, quan sát, trò chuyện – đàm thoại, phỏng vấn sâu, thực nghiệm, xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

+ *Cách tiến hành:*

Sử dụng một số câu hỏi mở để khảo sát biểu hiện của nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động, nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

Kết hợp kết quả nghiên cứu tài liệu, thăm dò qua các câu hỏi mở và xin ý kiến chuyên gia, chúng tôi xây dựng các mệnh đề (item) cho từng nhóm kỹ năng trong bảng hỏi và xác định các bài tập tình huống thực tiễn để khảo sát.

Các nhóm kỹ năng: thiết lập mối quan hệ với trẻ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp trong giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo biểu hiện qua suy nghĩ, thái độ và hành vi của giáo viên mầm non khi giao tiếp với trẻ. Vì vậy, những mệnh đề được đưa ra trong bảng hỏi thể hiện những hành vi hay suy nghĩ, thái độ mà giáo viên mầm non cần có khi giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non được thể hiện qua đánh giá của họ đối với các mệnh đề, giúp tìm hiểu và phân biệt mức đầy đủ, thành thạo và linh hoạt trong kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Các bài tập tình huống sư phạm đưa ra những tình huống có vấn đề thường xảy trong thực tiễn hoạt động giao tiếp giữa cô với trẻ. Việc giải quyết các tình huống này thể hiện được nhận thức và hành vi thực tế mà giáo viên mầm non đã thực hiện khi giao tiếp với trẻ mẫu giáo, làm sáng tỏ tính đầy đủ, tính thành thực, tính linh hoạt trong biểu hiện kỹ năng.

+ *Các loại phiếu sử dụng:*

Căn cứ vào mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi xây dựng 4 loại phiếu trên các đối tượng khác nhau:

Phiếu hỏi: Phiếu hỏi số 1: Dành cho cán bộ quản lý

Phiếu hỏi số 2: Dành cho giáo viên mầm non

Phiếu hỏi số 3: Dành cho trẻ mẫu giáo

Phiếu hỏi số 4: Dành cho chuyên gia

Phiếu quan sát 2 hoạt động của cô và trẻ (HĐ có chủ định, HĐ đón trả trẻ)

Phiếu trò chuyện đàm thoại với trẻ

Phiếu phỏng vấn sâu một số trường hợp (giáo viên mầm non) nhằm hỗ trợ làm rõ kết quả trên phiếu hỏi số 2.

- *Giai đoạn điều tra thử*

+ *Mục đích:* Xác định độ tin cậy và độ giá trị của các bảng hỏi để tiến hành chỉnh sửa những câu hỏi không đạt yêu cầu

+ *Phương pháp:* Điều tra bằng bảng hỏi đã được xây dựng.

+ *Khách thể:* 30 giáo viên mầm non đang chăm sóc giáo dục trẻ tại các lớp mẫu giáo.

+ *Nội dung:* Tiến hành khảo sát thử bằng bảng hỏi và xử lý độ tin cậy, độ giá trị của công cụ điều tra.

- *Giai đoạn điều tra chính thức*

Trong giai đoạn này, tác giả sử dụng các phương pháp như sau: Điều tra bằng bảng hỏi cá nhân, quan sát, phỏng vấn sâu.

*Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và xử lý bài tập tình huống*

+ *Mục đích nghiên cứu:* Nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và các yếu tố ảnh hưởng tới.

Khảo sát thực trạng biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, gồm các nhóm kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

+ *Khách thể nghiên cứu:* Gồm 300 giáo viên và 30 cán bộ quản lý, ở các trường mầm non công lập tiến hành nghiên cứu

+ Cách thức tiến hành: Tiến hành điều tra khảo sát trên các mẫu phiếu đã thiết kế. Để thu được các câu trả lời chính xác, khách quan, trước tiên chúng tôi tạo tâm lý thoải mái cho khách thể để họ tự nguyện trả lời.

Đối với bảng hỏi, chúng tôi đưa ra câu hỏi mở xen kẽ với câu hỏi đóng để khách thể không bị căng thẳng và nhàm chán khi trả lời. Câu hỏi mở thường được khách thể trả lời trước câu hỏi đóng để tránh sự ảnh hưởng của câu hỏi đóng đối với việc trả lời câu hỏi mở. Nội dung các câu hỏi trong bảng hỏi cũng được phân khu vực, sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó. Những thông tin các nhân chúng tôi để sau cùng để tránh sự e ngại cho khách thể.

Đối với bài tập tình huống, khách thể được tự do trả lời theo những gì học đã nghĩ và làm khi giao tiếp với trẻ mẫu giáo.

#### *Phương pháp trò chuyện, đàm thoại*

+ Mục đích nghiên cứu: Thu thập thông tin gián phản hồi về thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, nhằm thẩm định lại các kết quả đã thu được từ phiếu hỏi số 1, số 2 .

+ Khách thể nghiên cứu: 30 trẻ mẫu giáo

+ Cách thức tiến hành: Chúng tôi làm quen trẻ, tổ chức 1 số trò chơi ngắn và cùng chơi với trẻ, sau đó trò chuyện đàm thoại với từng nhóm 3- 5 trẻ với các câu hỏi đã được thiết kế sẵn nhằm xác thực thực trạng kỹ năng giao tiếp của cô với trẻ. Nội dung trò chuyện, đàm thoại với trẻ gồm 18 câu hỏi ngắn, được thiết kế có nội dung phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ mẫu giáo.

#### *Phương pháp quan sát*

+ Mục đích nghiên cứu: Quan sát trực tiếp các hành vi, cử chỉ, lời nói của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo qua 2 hoạt động (giáo dục và chăm sóc). Chúng tôi sử dụng kết quả này để bổ sung thông tin định tính về tính đầy đủ, tính thành thạo, tính linh hoạt của kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

+ Khách thể: 10 giáo viên mầm non

+ Cách thức tiến hành: Để quá trình quan sát các kỹ năng giao tiếp của cô với trẻ thông qua hoạt động giáo dục (qua “tiết học”) và hoạt động chăm sóc (đón, trả trẻ) diễn ra mà không ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục và hoạt động chăm sóc trẻ, chúng tôi tiến hành làm quen với trẻ từ các buổi trước đó, đồng thời không để giáo viên mầm non biết được mục đích công việc mà chúng tôi đang tiến hành.

*Phương pháp phỏng vấn sâu:*

+ Mục đích: Thu thập thông tin mang tính chất định tính nhằm làm rõ hơn các kết quả thu được từ phương pháp quan sát, điều tra và trò chuyện đàm thoại.

+ Khách thể: Gồm 10 giáo viên mầm non

+ Nội dung: Phỏng vấn về kinh nghiệm nghề nghiệp, thực trạng nhận thức về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, thực trạng biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, các yếu tố ảnh hưởng, những đề xuất, kiến nghị của giáo viên mầm non nhằm nâng cao kỹ năng này

+ Cách thức tiến hành: 10 giáo viên được lựa chọn ngẫu nhiên trong số 300 giáo viên đã được điều tra, phỏng vấn riêng từng người với các nội dung đã chuẩn bị trước. Phỏng vấn được tiến hành trong không khí thoải mái, cởi mở và tin cậy. Việc phỏng vấn đi từ các câu hỏi mở, những vấn đề chung và dễ. Thời gian và địa điểm phỏng vấn được sắp xếp linh hoạt, thuận lợi cho khách thể.

*Phương pháp chuyên gia*

+ Mục đích: Nhằm tăng tính khách quan, khoa học và hiểu sâu sắc những những vấn đề liên quan đến đề tài luận án.

+ Khách thể: 3 chuyên gia (1 chuyên gia về kỹ năng, 1 chuyên gia về kỹ năng giao tiếp sư phạm, 1 chuyên gia giáo dục mầm non)

+ Cách thức tiến hành: Trao đổi, xin ý kiến các chuyên gia tâm lý giáo dục lứa tuổi mầm non về những vấn đề lý luận: Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và các nhóm kỹ năng này, các yếu tố ảnh hưởng, thực trạng biểu hiện và mức độ hiện nay, các biện pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

### **3.2.3. Phân tích kết quả điều tra**

#### *3.2.3.1. Phân tích số liệu điều tra từ bảng hỏi*

Số liệu thu được sau khảo sát thực tiễn được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0. Các thông số và phép thống kê được dùng trong nghiên cứu là phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

#### *\* Phân tích thống kê mô tả*

Các chỉ số được dùng trong phân tích thống kê mô tả gồm:

- *Điểm trung bình cộng (Mean)* được dùng để tính điểm đạt được của từng mệnh đề, từng nội dung của mỗi kỹ năng và toàn bộ nhóm kỹ năng.

- *Độ lệch chuẩn (Standardized Deviation)* được dùng để mô tả mức độ phân tán hay tập trung của các câu trả lời được lựa chọn.

- *Tần suất, chi số phần trăm* phương án trả lời câu hỏi đóng, câu hỏi mở.

#### *\* Phân tích thống kê suy luận*

Các phép thống kê suy luận được sử dụng gồm:

- *Phân tích so sánh*, chủ yếu sử dụng phép so sánh giá trị trung bình (compare means). Các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa về mặt thống kê khi xác suất  $p < 0,05$ . Để so sánh hai nhóm, chúng tôi sử dụng phép kiểm định T về độc lập giữa hai mẫu (T - Test). Để so sánh giá trị trung bình của 3 nhóm trở lên, chúng tôi sử dụng phép phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA). Bên cạnh đó chúng tôi còn sử dụng phương pháp so sánh chéo (Crosstabs). Các giá trị có ý nghĩa về mặt thống kê khi xác suất  $p < 0,05$ .

- *Phân tích tương quan nhị biến*: trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng phép phân tích tương quan để xác định mức độ liên hệ giữa các kỹ năng. Mục đích là tìm hiểu mức độ (hay độ mạnh) liên kết giữa hai biến. Mức độ này

được đo bởi hệ số tương quan Pearson hoặc Spearman ( $r$ ) có giá trị từ  $(-1)$  đến  $(+1)$ . Giá trị này cho biết độ mạnh và hướng của mối liên hệ: nếu giá trị  $(+)$ ,

$(r > 0)$  có nghĩa là giữa chúng có mối liên hệ thuận; nếu giá trị  $(-)$ ,  $(r < 0)$  là thể hiện mối quan hệ nghịch. Còn  $r = 0$  thì hai biến số đó không có mối liên hệ.

Mức độ ý nghĩa của mối quan hệ dựa vào quan hệ xác suất ( $p$ ). Nếu  $p$  nhỏ hơn  $0,05$  thì giá trị của  $r$  có ý nghĩa cho phân tích mối quan hệ giữa hai biến.

- *Phân tích hồi qui tuyến tính*: nghiên cứu sử dụng phép hồi qui để dự đoán mức độ thay đổi của các nhóm kỹ năng (là biến phụ thuộc) khi có tác động của các yếu tố (chủ quan, khách quan). Phép phân tích này cho phép dự đoán thay đổi của biến phụ thuộc khi có sự ảnh hưởng của một hay nhiều biến độc lập trên cơ sở nghiên cứu các thông số R, F - test cùng với giá trị  $p$  (nếu  $p < 0,05$  thì được coi là có ý nghĩa thống kê).

*\* Cách tính toán điểm số*

Phiếu trưng cầu ý kiến dành cho giáo viên mầm non gồm 7 câu hỏi và 9 bài tập tình huống.

+ Câu 1 và câu 2 đánh giá nhận thức của giáo viên về vấn đề kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo, nếu trả lời đúng được 5 điểm, trả lời sai không được điểm.

+ Câu 3 nhằm thu thập tình hình thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo tại địa bàn đó (trường mầm non) để hỗ trợ cho kết quả thu được ở câu 4.

+ Câu 4 trong phiếu trưng cầu ý kiến sẽ đánh giá mức độ biểu hiện 3 nhóm kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non là kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ; kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Chúng tôi cho điểm theo 5 mức độ trả lời:



Rất cao: 5 điểm;

Cao: 4 điểm;

Trung bình: 3 điểm;

Thấp: 2 điểm;

Rất thấp: 1 điểm.

Như vậy, trong thang đo của chúng tôi đối với câu 4 của phiếu: điểm thấp nhất là 1 điểm và điểm cao nhất là 5 điểm.

+ Câu 4 gồm 3 phần:

Phần 4.1 tìm hiểu thực trạng mức độ và biểu hiện của nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, bao gồm 3 kỹ năng bộ phận: Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ có 6 item (từ 1-6); kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ có 6 item (từ 7-12); kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ gồm 7 item (từ 13-19).

Phần 4.2 tìm hiểu thực trạng mức độ và biểu hiện của nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ, bao gồm 3 kỹ năng bộ phận: Kỹ năng trao đổi thông tin nhận thức, gồm 7 item (từ 1 - 7); kỹ năng trao đổi thông tin tình cảm gồm 9 item (từ 8 – 16); kỹ năng trao đổi thông tin hành động gồm 6 item (từ 17 – 22).

Phần 4.3 tìm hiểu thực trạng mức độ và biểu hiện của nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, bao gồm 3 kỹ năng bộ phận: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, gồm 6 item (từ 1 – 6); kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ gồm 6 item (từ 7 – 12); kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi gồm 6 item (từ 13 – 18).

+ Câu 5 trong phiếu trưng cầu ý kiến gồm 15 item, phản ánh sự ảnh hưởng của các yếu tố đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên với trẻ mẫu giáo, đó là: nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp với trẻ mẫu giáo (từ item 1 – 3), về tâm lý trẻ mẫu giáo (từ item 4 – 9); môi trường, điều kiện làm việc (từ item 10 – 13); Lòng yêu nghề, mến trẻ (item 14 – 15). Chúng tôi cho rằng, khi tính toán kết quả của câu 5 trong mối tương quan với kết quả của câu 4, câu 7 và kết quả trên phiếu trò chuyện đàm thoại với trẻ sẽ phản ánh đầy đủ, khách quan về thực trạng kỹ năng giao tiếp của cô với trẻ.

Phương án : Hoàn toàn đúng: 5 điểm

Đúng: 4 điểm

Đúng một phần: 3 điểm

Không đúng: 2 điểm

Hoàn toàn không đúng: 1 điểm

Trong đó các item có nội dung bị đảo ngược thì kết quả sẽ được mã hóa lại theo thang điểm trên, đó là các item 1,3,9.

+ Câu 6 nhằm thu thập các đề xuất nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, kết quả điều tra sẽ hỗ trợ cho việc xác định biện pháp cơ bản nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non hiện nay.

+ Câu 7 nhằm thu thập thông tin về kinh nghiệm nghề nghiệp của từng giáo viên.

+ Bài tập tình huống: 9 tình huống, mỗi tình huống có 3 hướng xử lý đóng và 1 hướng xử lý mở. Cách tính điểm:

Hướng xử lý đóng chưa đúng: 1 điểm

Hướng xử lý đóng gần đúng: 2 điểm

Hướng xử lý đóng đúng: 3 điểm

Hướng xử lý mở đúng: 3 điểm

Hướng xử lý mở gần đúng: 2 điểm

Hướng xử lý mở chưa đúng: 1 điểm

Như vậy, điểm xử lý tình huống thấp nhất là 1 điểm, cao nhất là 3 điểm.

#### 2.2.3.2. Xử lý số liệu điều tra định tính

##### \* Xử lý kết quả quan sát

Kết quả quan sát được phân loại theo: Biểu hiện, mức độ của các kỹ năng giao tiếp sư phạm được giáo viên sử dụng khi giao tiếp với trẻ. Chúng tôi đánh giá tính đầy đủ, thành thạo, linh hoạt của các biểu hiện theo 5 mức độ.

*\* Xử lý kết quả phỏng vấn sâu*

Các kết quả của phỏng vấn sâu đối với các giáo viên mầm non được phân loại theo từng phóm kỹ năng: thiết lập mối quan hệ với trẻ; trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; sử dụng phương tiện giao tiếp; của giáo viên mầm non về các nội dung: nhận thức mục đích, yêu cầu, cách thức vận dụng kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo.

Đối với trường hợp phỏng vấn sâu cán bộ quản lý và chuyên gia thì các thông tin được sắp xếp theo đánh giá thực trạng, nội dung đào tạo, các yếu tố có liên quan đến đào tạo và giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

### **3.2.4. Tiêu chí và thang đánh giá**

#### *3.2.4.1. Tiêu chí đánh giá*

Để đánh giá chính xác biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, tác giả kết hợp các tiêu chí định lượng là điểm trung bình và định tính là tính đầy đủ, tính thành thực và tính linh hoạt của kỹ năng.

*\* Căn cứ vào điểm trung bình:* Đây là tiêu chí đánh giá định lượng biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Tác giả căn cứ vào kết quả thu được từ các công cụ điều tra chính là phiếu trưng cầu ý kiến dành cho giáo viên và bảng hỏi dành cho trẻ mẫu giáo.

*\* Căn cứ vào các tiêu chí của kỹ năng:* để đánh giá định tính thực trạng biểu hiện và mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên với trẻ, mỗi nhóm kỹ năng được đánh giá trên 3 tiêu chí là: tính đầy đủ, tính thành thạo và tính linh hoạt. Những tiêu chí này được sử dụng để đánh giá kết quả thu được từ các phương pháp điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến, quan sát cô, phỏng vấn sâu.

### 3.2.4.2. Thang đánh giá

#### \* Đối với thang đo mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm

Thang đo 5 mức độ chuyển định lượng tương ứng từ 1 đến 5. Với cách tính điểm như trên, điểm tối đa của thang đo là 5 (max) và điểm tối thiểu 1 (min). Do vậy,  $\bar{X}$  của các mức sẽ nằm trong khoảng  $1 \leq \bar{X} \leq 5$ , kết quả sẽ được tính như sau:

Mức 1 (Rất thấp):  $1,0 \leq \text{ĐTB} \leq 1,8$

Mức 2 (Thấp):  $1,8 < \text{ĐTB} \leq 2,6$

Mức 3 (Trung bình):  $2,6 < \text{ĐTB} \leq 3,4$

Mức 4 (Cao):  $3,4 < \text{ĐTB} \leq 4,2$

Mức 5 (Rất cao):  $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,0$

\* Đối với thang đo yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, tương tự như vậy, chúng tôi phân các khoảng:

Không ảnh hưởng:  $1,0 \leq \text{ĐTB} \leq 1,8$

Ảnh hưởng ít:  $1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,6$

Ảnh hưởng một phần:  $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,4$

Ảnh hưởng:  $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,2$

Rất ảnh hưởng:  $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,0$

Đối với các câu hỏi mở trong bảng hỏi, chúng tôi căn cứ vào tình hình trả lời và các lý thuyết đã nghiên cứu đề đưa ra các nhóm phương án trả lời phù hợp.

Đối với 9 tình huống, chúng tôi đưa ra 4 mức độ kỹ năng ở mỗi tình huống để xử lý các phương án trả lời của khách thể. Mức độ đánh giá kỹ năng được tính như thang đo các nhóm kỹ năng trong bảng hỏi. Đối với các tình huống sư phạm, chúng tôi đánh giá chung chứ không chia thành từng nhóm như câu 4. Vì trên thực tế, khi giao tiếp với trẻ, các giáo viên phải sử dụng tất cả các kỹ năng để giao tiếp.

Kết quả thu được từ phiếu trưng cầu ý kiến có giải quyết tình huống thực tiễn dành cho giáo viên mầm non thể hiện chính xác những gì giáo viên đã làm, đã suy nghĩ khi giao tiếp với trẻ mẫu giáo và có giá trị như nhau trong đánh giá kỹ năng giao tiếp. Vì vậy, việc đánh giá mỗi nhóm kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được căn cứ vào điểm trung bình chung của kết quả từ bảng hỏi và phiếu giải quyết tình huống. Bên cạnh đó, chúng tôi còn tham khảo kết quả từ bảng hỏi dành cho trẻ mẫu giáo để kiểm chứng tính chính xác của đánh giá.

- Đánh giá theo các tiêu chí: chúng tôi tích hợp 3 tiêu chí là tính đầy đủ, tính thành thực, tính linh hoạt theo nguyên tắc được trình bày ở mục 2.2.2.

*\* Đánh giá khái quát kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo:*

Mỗi nhóm kỹ năng được nghiên cứu đều thực hiện những mục tiêu quan trọng. Vai trò của các nhóm kỹ năng giao tiếp là như nhau. Sự thiếu hụt của một nhóm kỹ năng được nghiên cứu sẽ dẫn tới sự thiếu hụt của kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo nói chung. Vì vậy, để đưa ra mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo một cách khái quát, chúng tôi tích hợp 3 nhóm kỹ năng được nghiên cứu là: nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, nhóm kỹ năng trao đổi nhận thức, tình cảm, hành động, nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp; theo tinh thần của nguyên tắc được phân tích ở Chương 2, mục 2.2.2. Các mức độ của kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo nói chung được đánh giá theo nguyên tắc tích hợp và theo các mức tương tự như ở Bảng 2.1.

### **3.2.3. Thực nghiệm tác động**

#### **3.2.3.1. Mục đích**

Thông qua tập huấn kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, thể hiện các nhóm kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, kỹ năng trao

đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ; nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

### *3.2.3.2. Cơ sở đề xuất biện pháp tác động*

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, gồm các nhóm kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, chúng tôi nhận thấy:

- Nhìn chung, các biểu hiện kỹ năng tư giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo mới đạt mức trung bình.

- Mức độ biểu hiện trên chịu tác động của yếu tố khách quan và chủ quan. Vì vậy, chúng tôi quan tâm tới biện pháp nâng cao các nhóm kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp cho giáo viên mầm non.

- Nhu cầu được tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng các nhóm kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ nghề nghiệp là rất lớn, bởi lẽ, vẫn còn nhiều giáo viên mầm non có kỹ năng này chưa cao và hàng ngày họ vẫn tiến hành giao tiếp với trẻ để chăm sóc giáo dục. Từ thực tế trên, chúng tôi tiến hành xây dựng và tổ chức thực nghiệm chương trình tập huấn nâng cao các kỹ năng: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp cho giáo viên mầm non

### *3.2.3.3. Nội dung biện pháp tác động*

Xuất phát từ cơ chế hình thành kỹ năng giao tiếp và tình hình công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non hiện nay, tác giả cho rằng, đối với giáo viên mầm non, những người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

giáo dục trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non, cần được thường xuyên tham gia chương trình tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp sư phạm dành cho giáo viên mầm non

Nội dung thứ nhất, nâng cao nhận thức cho giáo viên mầm non về: Kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với quá trình chăm sóc giáo dục trẻ; đặc điểm trẻ mẫu giáo lớn; Bồi dưỡng năng lực chuyên môn, lòng yêu nghề mến trẻ của giáo viên mầm non.

Theo tác giả, trong nội dung này cần xây dựng chương trình tập huấn bao gồm các kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non như khái niệm, các kỹ năng cụ thể, vai trò nhiệm vụ cũng như tầm quan trọng, cơ chế hình thành và phát triển của kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ hiện nay. Đồng thời lồng ghép cập nhật các quan điểm tiên tiến trên thế giới về nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ để củng cố kiến thức mới cho các cô giáo mầm non, bên cạnh đó là các nội dung nhân văn (các tấm gương về cô nuôi dạy trẻ, các hy sinh của giáo viên mầm non vì thế hệ tương lai của đất nước...) khơi gợi lòng yêu nghề mến trẻ. Để quá trình tác động đến trẻ đạt hiệu quả, thì người giáo viên phải thực sự hiểu đối tượng mà mình tác động. Hiện nay, cùng với sự phát triển của xã hội, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mầm non nói chung, trẻ mẫu giáo nói riêng cũng có nhiều biến đổi. Chế độ chăm sóc về dinh dưỡng cùng nhận thức của cha mẹ và các thành viên trong gia đình đã chuẩn bị cho trẻ một tâm lý khác với những trẻ mầm non và mẫu giáo của những năm về trước. Chế độ dinh dưỡng hiện nay với đầy đủ các chất đã giúp trẻ có sự phát triển nhanh, mạnh hơn nhiều, hiện tượng béo phì đã dần dần chiếm hiện tượng còi xương chậm lớn trước đây. Các phương tiện, đồ dùng đồ chơi của trẻ hiện nay cũng hiện đại hơn, môi trường mà trẻ tiếp xúc cũng rộng hơn... Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên sự phát triển và những đặc điểm tâm lý mới của lứa tuổi. Nếu giáo viên mầm non không được thường xuyên nắm bắt các đặc điểm đó của trẻ thì việc giao tiếp với trẻ sẽ gặp những khó khăn hạn chế.

Nội dung thứ hai: Các giáo viên mầm non sẽ được quan sát các mẫu chuẩn của các chuyên gia, các giáo viên mầm non giỏi trong xử lý tình huống sư phạm giữa giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, sau đó được thực hiện thử theo mẫu đó để trải nghiệm và thể hiện kỹ năng của mình. Tiếp theo, các chuyên gia sẽ đưa ra các tình huống trong đó có sự xử lý chưa khoa học, các giáo viên mầm non sẽ quan sát và phân tích, chỉ ra những nội dung xử lý còn hạn chế và thảo luận theo nhóm để đưa ra cách xử lý phù hợp.

Trên cơ sở được lĩnh hội đầy đủ các kiến thức đó, các giáo viên mầm non sẽ vận dụng để thực hiện nội dung thứ 3

Nội dung thứ 3: Các giáo viên mầm non được luyện tập theo nhóm để tiến hành xử lý các tình huống sư phạm giữa giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo theo đúng yêu cầu, điều kiện giao tiếp và cơ sở khoa học đã được lĩnh hội, nhằm đạt được mục đích yêu cầu giáo dục trẻ. Các tình huống sẽ bao gồm các nội dung giao tiếp giữa cô và trẻ mẫu giáo ở các hoàn cảnh chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ khác nhau trong ngày, các tình huống chứa đựng các mâu thuẫn, xung đột giữa các trẻ với nhau, giữa trẻ với hoàn cảnh xung quanh, giữa nhận thức còn hạn chế của trẻ với những quy luật khách quan của sự vật hiện tượng, giữa trẻ với cô giáo khác, giữa trẻ với các nội dung giáo dục trong ngày (đón trẻ, trả trẻ, tổ chức cho trẻ vui chơi, cho trẻ ngủ.. v..v.). Nhằm giúp giáo viên phát triển kỹ năng xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình tiếp xúc với trẻ.

*\* Hình thức và phương pháp tổ chức tập huấn bồi dưỡng:*

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy hàng năm các giáo viên mầm non đều được tham gia các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức vào dịp nghỉ hè hàng năm. Vì vậy, chương trình tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp cho giáo viên mầm non cũng sẽ được xây dựng và lồng ghép



vào chương trình bồi dưỡng hè hàng năm. Trước khi tiến hành tập huấn, chúng tôi sẽ đánh giá phân loại các mức độ kỹ năng giao tiếp hiện có của giáo viên, trên cơ sở đó sẽ thiết kế dung lượng kiến thức phù hợp, khi kết thúc khóa tập huấn sẽ tiến hành đo lại để đánh giá kết quả đạt được. Việc thực hiện sẽ được sự đồng ý của các cơ quan quản lý trực thuộc trường và phòng, sở giáo dục mầm non sở tại.

#### 3.2.3.4. Cách thức tiến hành

\* *Khách thể thực nghiệm tác động*

30 giáo viên mầm non

\* *Địa điểm và thời gian tiến hành*

Địa điểm: Trường Mầm non Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, Tỉnh Thái nguyên

Thời lượng và thời gian: 45 tiết, từ 10/5/2017 – 10/8/ 2017.

#### 3.2. 3.5. Tổ chức thực hiện

Quá trình được thực hiện theo 4 bước sau đây:

\* *Bước 1: Chuẩn bị tập huấn*

- Xác định đối tượng tập huấn: liên hệ, gặp gỡ và tìm hiểu đối tượng, điều tra bằng bảng hỏi để xác định thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trước khi tiến hành.

- Thống nhất nội dung, thời gian, địa điểm tập huấn.

\* *Bước 2: Thiết kế chương trình tập huấn*

- Thiết kế nội dung tập huấn: (Phụ lục)

- Nội dung tập huấn được thiết kế cho thời lượng là 45 tiết bao gồm cả kiến thức lý thuyết và thực hành xử lý tình huống.

\* *Bước 4: Kết thúc tập huấn, đánh giá kết quả*

Đánh giá kết quả sau khi kết thúc tập huấn. So sánh, phân tích các số liệu trước và sau thực nghiệm.

### **Kết luận chương 3**

Việc tổ chức nghiên cứu được tổ chức theo chu trình khoa học và chặt chẽ với sự phối hợp của nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau: nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn sâu, phương pháp chuyên gia, thực nghiệm. Các phương pháp này bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau giúp cho kết quả nghiên cứu được đầy đủ và chính xác trên nhiều góc độ, từ góc độ biểu hiện cá nhân đến biểu hiện mang tính tổng thể, khái quát, từ nhận thức, suy nghĩ đến hành động, từ khảo sát thực trạng đến kiểm nghiệm thực tiễn.

Các số liệu được xử lý theo phương pháp định lượng và định tính, đảm bảo độ tin cậy và khoa học cho các kết luận của luận án.

Những cơ sở trên cho phép nghiên cứu thu nhận được những kết quả mang tính khách quan và tính khoa học cao.

## Chương 4

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON VỚI TRẺ MẪU GIÁO

#### 4.1. Thực trạng kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

##### 4.1.1. Đánh giá chung về thực trạng kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

Trên cơ sở mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả tập trung nghiên cứu một số nội dung chính sau đây:

Đánh giá chung về thực trạng các kỹ năng giao tiếp sự phạm cơ bản của giáo viên mầm non: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, kết quả thể hiện ở bảng 4.1:

*Bảng 4.1: Đánh giá chung về thực trạng kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non*

Các kỹ năng giao tiếp sự phạm	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc	Mức
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	2,71	0,59	3	TB
Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	2,82	0,54	2	TB
Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	2,96	0,50	1	TB
<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2,83</b>	<b>0,54</b>		<b>TB</b>

Kết quả bảng 4.1 cho thấy, điểm trung bình chung của ba nhóm kỹ năng giao tiếp cho thấy kỹ năng giao tiếp sự phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo ở mức trung bình ( $\bar{X} = 2,83$ ). Để làm rõ kết quả trên, tác giả đã hỏi các giáo viên về tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp sự phạm của người giáo viên mầm non với việc chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo, chỉ có 37%

(110/300) giáo viên khẳng định là rất quan trọng, có tới 60% (180/300) giáo viên cho rằng tương đối quan trọng, hơn 1% (4/300) không rõ, và 2% (6/300) cho rằng không quan trọng. Cũng qua điều tra bằng phiếu hỏi, có tới 50% (150/300) giáo viên mầm non chưa hiểu đúng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là gì.

Qua quan sát và phỏng vấn, tác giả nhận thấy, hầu hết các giáo viên mầm non đều tận tâm với nghề, trong suốt thời gian từ sáng đón trẻ đến cuối buổi chiều trả trẻ, họ đều làm việc liên tục, luôn tay luôn chân vì các con. Tuy nhiên, trong quá trình học tập tại các trường sư phạm cũng như hằng năm bồi dưỡng chuyên môn, các giáo viên thường không chú trọng đến vấn đề giao tiếp với trẻ, chưa thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề này. Cô giáo N.T.N.T có chuyên môn trình độ Đại học, thâm niên 10 năm trong nghề, đã chia sẻ với chúng tôi: *“Chúng tôi cũng thường xuyên cập nhật các kiến thức chuyên môn nhằm nâng cao phương pháp giáo dục trẻ, đặc biệt là với lứa tuổi mẫu giáo, vì hiện nay có nhiều phương pháp mới, hiện đại. Tuy nhiên, đúng là chúng tôi không chú ý nhiều đến việc trau dồi thêm kiến thức về giao tiếp với trẻ, chỉ thực hiện dựa trên kinh nghiệm của bản thân là chủ yếu, trong quá trình học ở trường Đại học thì môn học này không có, chỉ có môn kỹ năng giao tiếp sư phạm chung cho tất cả các lứa tuổi..”*. Cũng qua phỏng vấn, cô giáo P.T.M cũng chia sẻ: *“Chúng tôi cũng chú ý đến việc giao tiếp với trẻ để làm sao cho trẻ thích đến trường nhưng nói thật là số lượng trẻ trên 1 lớp khá đông, vì vậy nhiều khi cũng không có nhiều thời gian để lắng nghe các con...”*. Tiếp tục phỏng vấn các giáo viên khác, chúng tôi nhận thấy, đa số các giáo viên mầm non đều rất yêu thương trẻ, tuy nhiên kỹ năng thể hiện điều này và những vấn đề khác qua giao tiếp với trẻ chưa được quan tâm đúng mức, các giáo viên chưa có

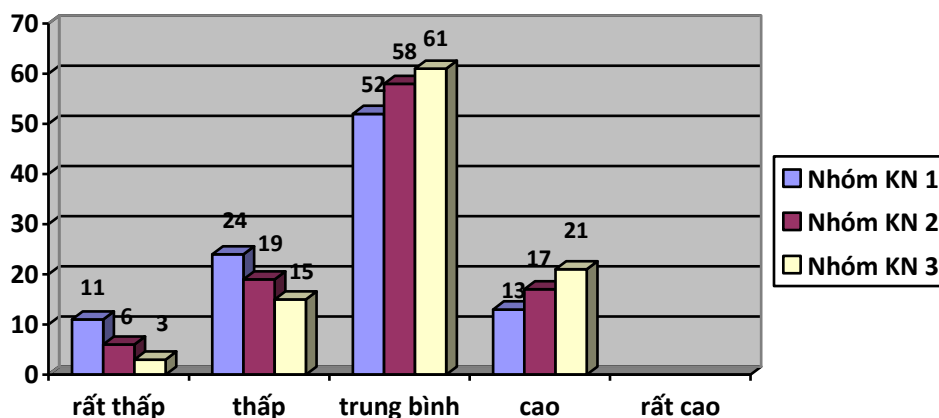
nhiều kiến thức về giao tiếp với trẻ, việc thực hiện kỹ năng này chủ yếu là cảm tính. Bên cạnh đó, một số yếu tố khách quan khác không thuận lợi cũng ảnh hưởng tới quá trình này, như áp lực công việc, số trẻ trong 1 lớp khá đông... Khi được hỏi: “Con thấy cô giáo có hay trò chuyện với con không?” chúng tôi nhận thấy có 11/30 trẻ khẳng định cô hay trò chuyện với trẻ. Tiếp tục với câu hỏi: “Có khi nào con hỏi mà cô giáo không trả lời con không? Vì sao?”, có 10/30 trẻ trả là có, đa số là vì lý do “cô giáo đang bận”. Tuy nhiên khi được hỏi “con có yêu cô giáo con không? Vì sao nhỉ?” thì có 29/30 trẻ trả lời là “có”, vẫn có 1 trẻ chỉ nhìn và có ý không muốn trả lời. Như vậy, mặc dù chưa đạt 100% câu trả lời tích cực nhưng tiếp xúc với các trẻ thông qua trò chơi và trò chuyện, đàm thoại, chúng tôi nhận thấy đa số trẻ rất tự tin và vui vẻ, hào hứng chia sẻ. Bên cạnh đó vẫn có 1 số ít trẻ không thực sự tự tin, còn biểu hiện lo lắng khi nhắc đến cô.

Trong bảng 4.1 cũng cho thấy thứ bậc điểm trung bình của các nhóm kỹ năng, trong đó nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ có điểm trung bình thấp nhất ( $\bar{X} = 2,71$ ); nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp có điểm trung bình cao nhất ( $\bar{X} = 2,96$ ). Trong suốt thời gian chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo ở trường mầm non, các giáo viên phải giao tiếp với trẻ mọi lúc mọi nơi, nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện, công việc này đòi hỏi người giáo viên mầm non phải có nhiều kỹ năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có kỹ năng giao tiếp sư phạm. Có thể khẳng định rằng, việc thiết lập mối quan hệ với trẻ là một nhóm kỹ năng đặt nền tảng, làm cầu nối để thực hiện 2 nhóm kỹ năng còn lại, đặc biệt là nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức tình cảm hành động, tuy nhiên trên thực tế quan sát chúng tôi nhận thấy, nhóm kỹ năng này chưa được các giáo viên mầm non quan tâm nhiều. Cô giáo P.T.M

đã chia sẻ: “Chúng tôi thường quan tâm nhiều đến việc truyền đạt tri thức cho các con làm sao cho đúng chương trình, kế hoạch. Để các con dễ hiểu, dễ nắm bắt các kiến thức trong chương trình thì chúng tôi cũng đã cố gắng cho các con có đủ đồ dùng đồ chơi, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại. Việc nắm bắt địa chỉ nhà, hoàn cảnh từng em chúng tôi cũng quan tâm, vì đó là công việc khi quản lý nhóm, lớp. Tuy nhiên có những kỹ năng ví dụ như nắm bắt được từng trẻ trong lớp rằng con yêu quý ai nhất trong gia đình hoặc nhu cầu sở thích riêng của từng trẻ thì chúng tôi chưa thực sự quan tâm nhiều...”. Cô T.T.N.A chia sẻ: “Chúng tôi cũng lắng nghe trẻ nói, trẻ thắc mắc nhưng thường chỉ trong các giờ hoạt động có chủ định (hoạt động học), chứ trong các giờ khác thì không, bởi vì lớp thường có vài chục trẻ, chỉ có 3 cô giáo thôi, các con cũng hay thắc mắc lắm nhưng không có thời gian trả lời, và các cô cũng không trả lời hết được....”. Chính những yếu tố chủ quan và khách quan như vậy đã tạo nên sự không đồng đều về mức độ thực hiện của 3 nhóm kỹ năng tạo nên kỹ năng giao tiếp sư phạm của các giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo.

Tiếp tục phân tích các mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của 300 giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo ở ba nhóm kỹ năng cho thấy: Ở nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ ở mức rất thấp 34 giáo viên = 11,3%; mức thấp 71 giáo viên = 24%; mức trung bình 156 giáo viên = 52%; mức cao 39 giáo viên = 13%. Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động: mức rất thấp 18 giáo viên = 6,0%; mức thấp 57 = 19%; mức trung bình 174 = 58% và mức cao 51 = 17%. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp: ở mức rất thấp 11 = 3,0%; mức thấp 45 = 15%; mức trung bình 182 = 61%; mức cao 62 = 21%. Kết quả trên cho thấy ở các mức độ của cả ba kỹ năng thì giáo viên mầm non chủ yếu có được kỹ năng giao tiếp sư phạm ở mức độ trung

bình, rất ít giáo viên ở mức cao và không có giáo viên mầm non nào đạt mức rất cao. Kết quả trên thể hiện qua biểu đồ sau:



*Biểu đồ 4.1: Các mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

#### **4.1.2. Thực trạng mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo**

Căn cứ vào các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo đã phân tích ở chương 2, chúng tôi khảo sát, đánh giá biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo qua 3 tiêu chí đánh giá: tính đầy đủ, tính thành thạo và tính linh hoạt.

##### **4.1.2.1. Thực trạng kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ**

Để đánh giá thực trạng kỹ năng thiết lập quan hệ với trẻ, chúng tôi nghiên cứu thông qua ba nhóm kỹ năng thành phần gồm: kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ, kỹ năng thể hiện sự thành tâm thiện ý, kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ, với 19 biểu hiện cụ thể. Đồng thời, chúng tôi cũng thăm dò mức độ tự đánh giá của giáo viên mầm non xem họ có được sự yêu mến của các cháu hay không, nhằm bổ sung cho phân tích các hành vi kỹ năng thiết lập mối quan hệ này. Kết quả thể hiện qua bảng 4.2 (phụ lục 10)

*Bảng 4.2 a: Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ mẫu giáo*

<b>Các biểu hiện</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ	2,58	0,67	Thấp
Kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ	2,93	0,44	Trung bình
Kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ	2,63	0,65	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b><i>2,71</i></b>	<b><i>0,59</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Kết quả ở bảng 4.2a (phụ lục 10) cho thấy, hầu hết các giáo viên mầm non thực hiện kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ mẫu giáo ở mức không cao. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng này là 2,71, độ lệch chuẩn là 0,59. Như vậy, mức độ thực hiện nhóm kỹ năng này cũng chỉ đạt mức trung bình của thang đo. Tuy nhiên xét về tỷ lệ thì trong tổng số khách thể nghiên cứu (N = 300), có 137 giáo viên mầm non đạt mức khá chiếm 45,3%, còn 163 giáo viên mầm non = 54,3% ở mức thiếu hụt kỹ năng thiết lập mối quan hệ giao tiếp với trẻ mẫu giáo.

Phân tích sâu các kỹ năng bộ phận kết quả cho thấy như sau:

Mức độ thực hiện kỹ năng biết cách nắm bắt tâm lý trẻ ở giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất với  $\bar{X} = 2,58$ ; kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ có điểm trung bình cao thứ hai  $\bar{X} = 2,62$ ; thực hiện cao nhất là kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ  $\bar{X} = 2,93$ . Sở dĩ giáo viên mầm non thực hiện nhóm kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ mẫu giáo thấp chúng tôi phân tích sâu kỹ năng thành phần cho thấy: Ở nhóm kỹ năng thành phần nắm bắt tâm lý trẻ của giáo viên mầm non có 6 kỹ năng thì có tới 4 kỹ năng giáo viên mầm non thực hiện ở mức thấp đó là kỹ năng nắm bắt đúng ý trẻ trong mỗi tình huống cụ thể ở giáo



viên mầm non rất thấp  $\bar{X} = 2,48$ ; Kỹ năng nắm bắt hoàn cảnh riêng, địa chỉ nhà và người mà trẻ yêu quý nhất trong nhà, trong lớp, người thường chăm sóc đưa đón trẻ  $\bar{X} = 2,49$ ; kỹ năng nắm bắt các đặc điểm riêng về tâm lý, thể chất của trẻ  $\bar{X} = 2,55$ ; kỹ năng nắm bắt nhu cầu, sở thích của trẻ  $\bar{X} = 2,58$ , bốn kỹ năng này có điểm trung bình thấp hơn điểm trung bình của thang đo ( $\bar{X} = 2,60$ ).

*Bảng 4.2 b: Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ*

<b>Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết cách nắm bắt đúng ý trẻ trong mỗi tình huống cụ thể	2,48	0,73	Thấp
Biết cách nắm bắt các đặc điểm riêng về tâm lý, thể chất của trẻ.	2,55	0,70	Thấp
Biết cách nắm bắt hoàn cảnh riêng, địa chỉ nhà và người mà trẻ yêu quý nhất trong nhà, trong lớp, người thường chăm sóc đưa đón trẻ.	2,49	0,73	Thấp
Biết cách nắm bắt nhu cầu, sở thích của trẻ (đồ vật, con vật, đồ chơi mà trẻ thích, trẻ không thích, trẻ sợ; món ăn trẻ sợ, trẻ thích)	2,58	0,69	Thấp
Biết đồng cảm với những vui buồn, tức giận của trẻ.	2,73	0,55	Trung bình
Biết nhanh chóng làm quen với trẻ buổi đầu đến lớp.	2,62	0,64	Trung bình
<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2,58</b>	<b>0,67</b>	<b>Thấp</b>

Kết quả trên phản ánh đúng thực trạng công việc dạy trẻ mầm non rất bận, từ việc đón trẻ, dạy trẻ học, tổ chức cho trẻ chơi, trẻ ăn, trẻ ngủ, trẻ đi vệ sinh...v.v..nên nên ít có điều kiện quan tâm, nắm bắt tâm lý riêng của các cháu. Cô giáo H.T.L cho biết “*Do tính chất của công việc, kết hợp với đặc điểm tâm lý các con đang ở tuổi giòn cười tươi khóc, vừa cười xong đấy quay lại đã thấy khóc rồi, nên chúng tôi cũng khó có điều*

*kiện gần gũi riêng từng trẻ... ”. Cô H.T.H cho biết: “Có trẻ, hầu như bố mẹ không đưa đón con bao giờ mà thường thuê người đưa đón trẻ, những trường hợp như vậy chúng tôi cũng chú ý trực tiếp đến trẻ nhiều hơn nhưng chỉ là ban đầu thôi, xong lâu dần cũng quen, cũng chính vì ít tiếp xúc với phụ huynh nên chúng tôi cũng không có điều kiện nắm bắt hoàn cảnh riêng của trẻ đó được ”.*

Nắm bắt tâm lý của đối tượng trong giao tiếp là một yếu tố quan trọng để thiết lập mối quan hệ giao tiếp. Tuy nhiên, qua kết quả điều tra cho thấy, kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ mẫu giáo của giáo viên mầm non trong giao tiếp là chưa cao, điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quá trình giao tiếp giữa cô và trẻ.

Đi vào nhóm kỹ năng thành phần thứ hai là kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ cũng vậy, giáo viên mầm non thực hiện kỹ năng này mới đạt mức trung bình của thang đo. Trong nhóm có 7 kỹ năng thì có tới 5 kỹ năng có điểm trung bình thấp hơn điểm trung bình của thang đo: Kỹ năng biết tạo điều kiện để trẻ tự tin, chủ động giao tiếp với mình  $\bar{X} = 2,56$ ; kỹ năng không tỏ ra khó chịu khi phải vệ sinh sạch sẽ cho trẻ  $\bar{X} = 2,44$ ; kỹ năng biết tạo cho trẻ cảm giác an toàn khi không may mắc lỗi  $\bar{X} = 2,39$ ; kỹ năng biết tạo sự gần gũi giữa cô với trẻ như đang ở nhà  $\bar{X} = 2,35$ ; kỹ năng luôn giữ thái độ bình tĩnh, khéo léo trước những phản ứng tiêu cực của trẻ  $\bar{X} = 2,49$ . Chỉ có kỹ năng biết xử lý khi trẻ chống đối, không thực hiện yêu cầu của cô được giáo viên mầm non thực hiện tốt nhất  $\bar{X} = 3,47$ . Để tìm hiểu rõ thêm vấn đề này chúng tôi trao đổi với cô N.T.H “*Khi trẻ chống đối, không thực hiện yêu cầu của giáo viên, với số lượng các cháu rất đông hay bắt chước theo nhau, nên chúng tôi không thể dỗ dành từng em được mà chủ yếu dùng tập thể trẻ để các cháu phải chấp hành*”. Kỹ

năng khen ngợi động viên trẻ cũng đạt mức độ cao thứ 2 trong nhóm,  $\bar{X} = 2,75$ . Qua trò chuyện đàm thoại với trẻ, chúng tôi cũng thu được kết quả khá tốt, khi được hỏi “Khi con trả lời đúng, cô giáo con nói với con như thế nào nhỉ?”, “ Khi con chơi ngoan, cô giáo con có nói gì không?” 85% (27/30) số trẻ có câu trả lời tích cực.

Tuy nhiên, thực tế sự quá tải tại các trường mầm non, nhất là trường mầm non công lập cho thấy: với số lượng trẻ khá đông, giáo viên mầm non không đủ cho các lớp, nhiều lớp phải học với số lượng rất đông nên cũng tạo căng thẳng cho giáo viên. Bên cạnh đó thời gian dành cho tập huấn giáo viên mầm non hàng năm rất ít, chủ yếu chỉ là cung cấp những nội dung đổi mới trong chương trình, với lượng kiến thức ít ỏi được trang bị trong quá trình học tập tại trường, thời gian không có cho tự học tập nghiên cứu nên kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ mẫu giáo ở giáo viên mầm non thực hiện chưa cao là điều dễ hiểu.

Việc biết tạo sự gần gũi giữa cô với trẻ như đang ở nhà, kỹ năng này có điểm trung bình thấp  $\bar{X} = 2,35$  thấp hơn điểm trung bình của toàn thang đo và cũng là kỹ năng có điểm trung bình thấp nhất so với các kỹ năng khác trong nhóm. Khi đưa ra câu hỏi tự đánh giá: “*Cô là người luôn gần gũi với trẻ phải không?*”, có trên 50% trả lời khẳng định, song chúng tôi cũng nhận thấy còn gần một nửa giáo viên mầm non trả lời “*không hẳn thế*”. Đây cũng là một dấu hiệu thể hiện sự hạn chế, không tạo được sự gần gũi với trẻ như đang ở nhà của giáo viên mầm non. Tuy nhiên, đạt được kỹ năng này đòi hỏi phải có sự tích lũy nhiều mặt về mặt kiến thức, kinh nghiệm và thái độ cũng như có chút năng khiếu nhất định, bởi nó không phải chỉ là những hành vi thuần thực mà còn chứa đựng cả nghệ thuật dỗ dành trẻ. Vì vậy, kỹ năng này chưa đạt được điểm trung bình của thang đo.

Bảng 4.2 c: Kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ

Kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Luôn chú ý, quan tâm, lắng nghe những gì trẻ nói, trẻ thắc mắc (muốn kể cho cô nghe về những gì trẻ phát hiện ra, thấy lạ, thấy hay..)	2,89	0,48	Trung bình
Luôn chú ý đến những phản ứng của trẻ qua ngôn ngữ, hành vi để đáp ứng phù hợp	2,76	0,52	Trung bình
Biết kiềm chế nhu cầu thái quá của trẻ một cách phù hợp (nói nhiều, ăn nhiều, chơi khi đã hết giờ...)	2,84	0,51	Trung bình
Biết tôn trọng trẻ khi trẻ không nói, không chơi	2,75	0,52	Trung bình
Biết ứng xử phù hợp với cá tính, ưu điểm, hạn chế của trẻ	3,18	0,32	Trung bình
Biết tạo bầu không khí tâm lý thân thiện, vui vẻ	3,12	0,30	Trung bình
<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2,93</b>	<b>0,44</b>	<b>Trung bình</b>

Trong nhóm kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ có kỹ năng biết tạo cảm giác an toàn cho trẻ khi không may mắc lỗi cũng có điểm trung bình rất thấp,  $\bar{X} = 2,39$ . Cô giáo L.T.H đã chia sẻ: “Chúng tôi thường rất chú ý đến sự an toàn về thể chất cho trẻ, từ các dụng cụ chơi, môi trường chơi đến đồ ăn thức uống v.v.. Tuy nhiên, sự an toàn về mặt tâm lý thì không chú ý nhiều, chính vì vậy, nhiều lúc các con mắc lỗi chúng tôi chỉ chú ý đến vấn đề sửa sai cho các con mà chưa chú ý nhiều đến tâm trạng, đến cảm xúc của các con khi đó....”. Thực trạng này cũng xuất phát từ việc các giáo viên mầm non chưa nhận thức đầy đủ về đặc điểm tâm lý của trẻ lứa tuổi mẫu giáo.

Bảng 4.2 d: Kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ

Kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Luôn khen ngợi, động viên trẻ	2,75	0,52	Trung bình
Biết tạo điều kiện để trẻ tự tin, chủ động giao tiếp với mình	2,56	0,67	Thấp
Không tỏ ra khó chịu khi phải vệ sinh sạch sẽ cho trẻ	2,44	0,75	Thấp
Biết tạo cho trẻ cảm giác an toàn khi không may mắc lỗi	2,39	0,79	Thấp
Biết tạo sự gần gũi giữa cô với trẻ như đang ở nhà	2,35	0,82	Thấp
Biết xử lý khi trẻ chống đối, không thực hiện yêu cầu của cô	3,47	0,29	Cao
Luôn giữ thái độ bình tĩnh, khéo léo trước những phản ứng tiêu cực của trẻ	2,49	0,71	Thấp
<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2,63</b>	<b>0,65</b>	<b>Trung bình</b>

Tóm lại, kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ mẫu giáo của giáo viên mầm non là kỹ năng rất quan trọng, giúp giáo viên mầm non tạo được ấn tượng ban đầu với trẻ mẫu giáo, là cơ sở thuận lợi khi tiếp xúc giao tiếp khi thực hiện các hành vi khác nhau trong giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Trong đó nhóm kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ và thể hiện sự yêu thương trẻ ở giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất dẫn đến nhóm kỹ năng này thấp nhất trong các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Do vậy, rất cần thiết phải bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng này cho giáo viên mầm non.

#### 4.1.2.2. Thực trạng kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động

Trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động là một trong những kỹ năng quan trọng trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Để đánh giá kỹ năng này, chúng tôi chia thành 3 nhóm kỹ năng bộ phận với 22 kỹ năng thành

phần. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đưa ra bài tập xử lý tình huống nhằm bổ sung thông tin cho phân tích kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động. Kết quả khảo sát thực trạng được mô tả ở bảng 4.3 (phụ lục 10).

*\* Đánh giá chung*

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được thể hiện cụ thể trong bảng

*Bảng 4.3 a: Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động*

<b>Các biểu hiện</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức	2,64	0,63	Trung bình
Kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm	2,79	0,53	Trung bình
Kỹ năng trao đổi thông tin về hành động	3,04	0,47	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b><i>2,82</i></b>	<b><i>0,54</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Kết quả nghiên cứu tại bảng 4.3a cho thấy, phần lớn giáo viên mầm non còn chưa đạt được mức cao về kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động. Điểm trung bình của kỹ năng này là 2,82, ở mức trung bình của toàn thang đo (> 2,6 đến 3,4). Trong số 300 khách thể được điều tra, chỉ có 106 giáo viên mầm non chiếm tỷ lệ 35,3% đạt được mức cao - mức được xem là có kỹ năng, 194 giáo viên chiếm tỷ lệ 64,7% có số điểm của kỹ năng này ở mức trung bình - mức được xem là còn chưa có đầy đủ kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động.

Xét về tổng thể thì giáo viên mầm non có kỹ năng này cao hơn nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ trong giao tiếp sư phạm. So sánh mức độ thực hiện của các nhóm kỹ năng thành phần, cho thấy trong 3 nhóm kỹ năng thành phần thì nhóm kỹ năng trao đổi thông tin nhận thức ở giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất với  $\bar{X} = 2,64$ ; kỹ năng trao đổi thông tin tình cảm  $\bar{X} = 2,79$ ; kỹ

năng giáo viên mầm non thực hiện cao nhất là kỹ năng trao đổi thông tin hành động  $\bar{X} = 3,04$ , chứng tỏ giáo viên mầm non rất quan tâm đến kỹ năng này.

*\* Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức*

Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin nhận thức là nhóm được các giáo viên mầm non thực hiện ở mức trung bình của thang đo  $\bar{X} = 2,64$ , kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng dưới đây:

*Bảng 4.3b: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức*

<b>Các biểu hiện</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết cách khơi gợi để trẻ bộc lộ những khả năng nhận thức riêng	2,48	0,73	Thấp
Biết cách đặt câu hỏi ngược lại cho trẻ để tạo cảm giác gần gũi, thân thiện với trẻ và diễn giải lại được những gì trẻ nói để trẻ xác nhận	2,52	0,67	Thấp
Biết cách nắm bắt những thắc mắc còn ngây ngô của trẻ	2,91	0,73	Trung bình
Biết cách nắm bắt ngôn ngữ “tự trị” (ngôn ngữ nói còn hạn chế, phát âm chưa chuẩn...) của từng trẻ.	2,63	0,65	Trung bình
Biết cách phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ	2,59	0,53	Thấp
Biết cách khơi gợi trí tò mò, sự yêu thích khám phá của trẻ	2,57	0,63	Thấp
Biết cách lựa chọn nội dung câu nói phù hợp với nhận thức của trẻ (khi giải thích, hướng dẫn trẻ ...)	2,76	0,45	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b><i>2,64</i></b>	<b><i>0,63</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Phân tích sâu các kỹ năng thành phần của nhóm này thể hiện ở bảng 4.3b cho thấy: kỹ năng biết cách khơi gợi để trẻ bộc lộ những khả năng nhận thức riêng  $\bar{X} = 2,48$  thấp nhất trong nhóm kỹ năng, mức được xem là

chưa có kỹ năng. Tỷ lệ số giáo viên đạt được mức có kỹ năng này còn thấp (38,7%), mức trung bình chiếm tới 60,4%, thậm chí còn có cả mức rất thấp (0,9%). Khi đưa ra bài tập xử lý tình huống trong năm bắt những thắc mắc còn ngây ngô của trẻ, hầu như các giáo viên vẫn chưa nhận thức đúng đắn vấn đề, nên giải thích còn chưa chính xác. Chẳng hạn như một số giáo viên cho rằng *“những thắc mắc ngây ngô của trẻ là do trẻ chưa đủ tuổi để hiểu nên chẳng cần giải thích kỹ làm gì, cứ trả lời cho qua hoặc không giải thích, thậm chí có giáo viên nói lớn các con khác hiểu”*. Việc đặt câu hỏi ngược lại để nhằm tạo cảm giác thân thiện, tự tin cho trẻ, diễn giải lại những điều trẻ nói cũng ít được các giáo viên quan tâm. Qua quan sát các hoạt động có chủ định, chúng tôi nhận thấy hầu hết các trẻ đều trả lời câu hỏi mà cô đưa ra, thực hiện những yêu cầu của cô sao cho đúng, việc trẻ giơ tay phát biểu những thắc mắc và việc cô hỏi ngược lại trẻ (Vi sao con nhỉ? - Ôi sao lại thế nhỉ? - Sao con lại nghĩ vậy? - Con thấy thế nào? – Con vừa nói rằng....phải không?...v.v.) là không nhiều. Điều đó phản ánh kỹ năng trao đổi thông tin nhận thức với trẻ còn hạn chế, nên điểm trung bình của kỹ năng này còn thấp. Số liệu điều tra chúng tôi thu thập được cũng cho thấy, chỉ có 72/300 giáo viên chiếm tỷ lệ 24% có kỹ năng ở mức độ cao, trong khi đó có đến 228 khách thể được điều tra chiếm tỷ lệ 76% nằm ở mức trung bình. Điều này đòi hỏi giáo viên mầm non cần phải lưu tâm đến thông tin nhận thức. Vấn đề này thực tiễn cho thấy, trẻ mẫu giáo còn nhỏ, các giáo viên thường không cần trao đổi thông tin xem trẻ có hài lòng hoặc phản ứng với những yêu cầu của giáo viên, nhất là những lúc không hài lòng trước những hành vi không phù hợp của trẻ mẫu giáo.

Về kỹ năng biết cách lựa chọn nội dung câu nói phù hợp với nhận thức của trẻ đạt mức trung bình của thang đo  $\bar{X} = 2,76$ . Trong số khách thể được khảo sát có đến 158 giáo viên, chiếm tỷ lệ 52,7% được coi là có kỹ năng lựa chọn nội dung câu nói phù hợp với nhận thức của trẻ và 142 giáo viên, như vậy còn tới 47,3% đang có mức kỹ năng dưới trung bình. Khi trực tiếp quan sát giáo viên mầm non thực hiện giao tiếp với trẻ chúng tôi nhận thấy, nhìn một cách toàn diện thì mức độ diễn đạt, xử lý âm điệu, tốc độ, cường độ, nhịp



độ lời nói tương đối trôi chảy, rõ ràng, phù hợp với trẻ. Tuy nhiên, một số giáo viên mầm non phát âm còn chưa đạt độ chuẩn xác ở một số âm từ nội dung câu hỏi còn cứng nhắc, khiến cưỡng khi đón trẻ vào lớp.

*\* Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm*

Kết quả nghiên cứu mức độ thực hiện nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được thể hiện trong bảng dưới đây:

*Bảng 4.3c: Kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm*

<b>Các biểu hiện</b>	<b>Điểm Trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết cách kiềm chế và che dấu trạng thái cảm xúc riêng của bản thân	2,98	0,52	Trung bình
Biết cách giúp trẻ giải tỏa các cảm xúc tiêu cực	2,84	0,43	Trung bình
Biết cách thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống	2,57	0,52	Thấp
Biết cách làm lây lan các cảm xúc tích cực tới trẻ	2,64	0,37	Trung bình
Biết xử lý khi trẻ thể hiện tình cảm với bạn, với cô nhưng chưa phù hợp	2,71	0,39	Trung bình
Biết giữ thái độ bình tĩnh, khéo léo trước những tình huống căng thẳng hay bất lợi.	2,76	0,61	Trung bình
Biết cách giúp trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh và nội dung yêu cầu	3,22	0,52	Trung bình
Biết giải quyết các mâu thuẫn, xung đột giữa các trẻ	2,79	0,67	Trung bình
Biết nắm bắt cảm xúc của trẻ trong mỗi tình huống	2,64	0,75	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b>2,79</b>	<b>0,53</b>	<b>Trung bình</b>

Nhìn vào bảng 4.3c ở trên, ta thấy nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo đạt mức trung bình của toàn thang đo  $\bar{x}=2,79$  Xem xét từng kỹ năng thành phần của nhóm này qua khảo

sát cho thấy, kỹ năng biết cách thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, đây vẫn là điểm hạn chế dễ nhận thấy nhất ở giáo viên mầm non. Kỹ năng này có  $\bar{X}=2,57$ , đây là số điểm thấp thứ hai so với số điểm của các kỹ năng cùng nhóm. Kết quả cho thấy chỉ có 92 giáo viên chiếm 30,7% đạt mức khá, còn phần lớn số còn lại 208 giáo viên chiếm tỷ lệ 69,3% thuộc mức trung bình.

Việc xử lý khi trẻ thể hiện tình cảm với bạn, với cô, kỹ năng này giáo viên mầm non thực hiện có phần tốt hơn  $\bar{X} = 2,71$ , cao hơn điểm trung bình của thang đo. Giáo viên mầm non là người gần gũi, ân cần với trẻ nên khi trẻ có biểu hiện thể hiện tình cảm với bạn, với cô chưa phù hợp thì giáo viên mầm non biết cách xử lý nhắc nhở trẻ thực hiện đúng. Tuy nhiên, đạt được kỹ năng này đòi hỏi phải có sự tích lũy nhiều mặt về mặt kiến thức, kinh nghiệm và thái độ cũng như có chút năng khiếu nhất định, bởi nó không phải chỉ là những hành vi thuần thực mà còn chứa đựng cả nghệ thuật thuyết phục, giáo dục trẻ nhất là những trẻ cá biệt.

Kỹ năng “Biết cách giúp trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh và nội dung yêu cầu” đạt mức độ thực hiện cao nhất  $\bar{X} = 3,22$ . Kỹ năng nhận biết và thể hiện cảm xúc là một trong những kỹ năng tương đối khó thực hiện, tuy nhiên lại đạt mức độ thực hiện cao nhất? Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết kỹ năng này là một nội dung dạy trẻ trong chương trình giáo dục mầm non, các trẻ từ nhà trẻ đến mẫu giáo đều được học kỹ năng này, vì là một nội dung trong chương trình dạy trẻ nên các giáo viên mầm non ý thức rất rõ về vấn đề này. Đây là một nội dung khó, các giáo viên phải thường xuyên trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm để làm sao giúp trẻ nắm được nội dung qua các hoạt động có chủ định. Cũng từ đó, trong các hoạt động khác, khi giao tiếp với trẻ trong suốt thời gian ở trường mầm non, các cô cũng chú ý uốn nắn trẻ, giúp trẻ biết thể hiện cảm xúc phù hợp với các tình huống giao tiếp.

*\* Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về hành động*

Trao đổi thông tin về hành động là 1 loại kỹ năng rất quan trọng đối với người giáo viên mầm non khi giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Khảo sát mức độ của nhóm kỹ năng này, chúng tôi thu được kết quả thể hiện ở bảng dưới đây:

*Bảng 4.3 d: Kỹ năng trao đổi thông tin về hành động*

<b>Các biểu hiện</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết thể hiện nội dung hành động phù hợp với trẻ	3,06	0,48	Trung bình
Biết đưa ra yêu cầu hành động ngắn gọn dễ hiểu	3,02	0,33	Trung bình
Biết trao đổi nội dung hành động phù hợp với tính cách của trẻ	3,05	0,72	Trung bình
Biết xử lý khi trẻ có những hành động, lời nói chưa đúng	3,04	0,33	Trung bình
<b>Điểm chung bình chung</b>	<b>3,04</b>	<b>0,47</b>	<b>Trung bình</b>

Trao đổi nội dung hành động phù hợp với tính cách của trẻ là vấn đề rất quan trọng trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, xác định rõ như vậy cho nên giáo viên mầm non thường chuẩn bị tốt mọi mặt và xác định tư cách của mình giao tiếp với trẻ. Chính vì vậy, kết quả khảo sát thu được ở bảng 3.3d cho thấy mức độ thực hiện nhóm kỹ năng này của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo đạt mức cao so với toàn thang đo  $\bar{X} = 3,04$ . Khi tìm hiểu, trao đổi với Hiệu trưởng N.T.H.P, cô cho biết “*Trong giao tiếp sư phạm yêu cầu của nhà trường đối với giáo viên mầm non là phải hiểu hành động của trẻ trong giao tiếp, khi trẻ có những hành động và lời nói chưa đúng nhà trường yêu cầu giáo viên phải nghiêm túc với trẻ, buộc trẻ phải sửa tránh tạo*

*thành thói quen xấu cho trẻ”. Cô giáo P.T.M.T cho biết: “Qua tiếp xúc với trẻ, chúng tôi nhận thấy đối với trẻ mẫu giáo thì kiểu tư duy đang phát triển và chiếm ưu thế là tư duy trực quan hành động nên khi giao tiếp trao đổi thông tin tới trẻ, chúng tôi đều thực hiện kết hợp giữa lời nói với hành động, vì vậy trẻ cũng dễ nắm bắt yêu cầu của cô hơn...”. Còn cô T.T.T.H thì cho biết: “Trẻ mẫu giáo bé ở các lớp em dạy các con vẫn còn nói chưa sôi, cô nói nhiều khi trẻ cũng không hiểu hết, nên chúng em thường chủ động vừa nói, vừa nghe con nói vừa kết hợp với những hành động cụ thể để con biết con phải làm gì hoặc khi nào phải dừng lại...”.*

Tuy nhiên, khi được trực tiếp quan sát quá trình giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, chúng tôi thấy vẫn còn một số giáo viên tỏ ra lúng túng khi thực hiện kỹ năng này (39 giáo viên = 13%), nhất là ở những giáo viên có hạn chế về kỹ năng nắm bắt cảm xúc của trẻ trong mỗi tình huống giao tiếp. Để làm rõ thêm thực trạng chúng tôi phân tích thêm một số kỹ năng thành phần trong nhóm: Kỹ năng biết đưa ra yêu cầu hành động ngắn gọn dễ hiểu với đối tượng tốt hơn, đạt điểm trung bình  $\bar{x}=3,0$ . Điều đó cho thấy giáo viên mầm non đã đạt được kỹ năng này. Về tỉ lệ mức cao, có 179 giáo viên, chiếm 59,7%, mức trung bình là 121 giáo viên, chiếm tỷ lệ 40,3%, không có giáo viên nào ở mức thấp.

Tóm lại, kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo đạt mức độ trung bình và có sự không đồng đều về mức độ ở các nhóm kỹ năng thành phần. Kết quả này cho thấy, cần có biện pháp tác động nhằm nâng cao kỹ năng này cho các giáo viên mầm non, bởi trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động là một trong những kỹ năng cơ bản cần phải có ở mỗi người giáo viên khi chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ mẫu giáo.

4.1.2.3. *Thực trạng kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

Phương tiện giao tiếp là một yếu tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Để đánh giá nhóm kỹ năng này, dựa trên cơ sở lý luận đã đưa ra, chúng tôi tiến hành đánh giá ở 3 nhóm kỹ năng thành phần, gồm: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, kỹ năng sử dụng hành vi cử chỉ, kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thực trạng kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được thể hiện ở bảng 4.4 (phụ lục 10).

*Bảng 4.4 a : Nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp*

<b>Các biểu hiện</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói	2,92	0,53	Trung bình
Kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ	2,81	0,54	Trung bình
Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi	3,15	0,42	Trung bình
<b><i>Điểm chung bình chung</i></b>	<b><i>2,96</i></b>	<b><i>0,5</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Bảng 4.4 a cho thấy, đây là kỹ năng được giáo viên mầm non thực hiện tốt nhất trong ba nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm, với điểm trung bình chung của nhóm kỹ năng  $\bar{X} = 2,96$ . Kết quả này cho thấy, các giáo viên mầm non đã rất chú ý đến kỹ năng này, kỹ năng này xuất phát từ đặc điểm nghề giáo viên mầm non, đặc điểm tâm lý trẻ mầm non nói chung, trẻ mẫu giáo nói riêng. Tuy nhiên điểm trung bình của nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp cũng chỉ đạt mức trung bình của thang đo. Sau đây là sự phân tích cụ thể từng nhóm kỹ năng thành phần.

Khi xem xét các nhóm kỹ năng thành phần, ta thấy nhóm kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi có điểm trung bình cao nhất  $\bar{X} = 3,15$ . So sánh với điểm trung bình của các nhóm kỹ năng thì nhóm kỹ năng này của giáo viên mầm non tuy

chỉ đạt mức trung bình của thang đo nhưng vẫn cao hơn hẳn so với các nhóm kỹ năng khác. Qua khảo sát trên trẻ với các câu hỏi: “Con thấy cô giáo của con có nhiều đồ dùng đồ chơi không?”, “Con thấy đồ chơi của lớp mình thế nào?”, 100% số trẻ được hỏi rất hào hứng trả lời với các nội dung tích cực. Điều đó chứng tỏ trong quá trình giao tiếp với trẻ, các cô giáo mầm non đã luôn sử dụng đồ dùng đồ chơi, tạo hứng thú cho trẻ trong quá trình giao tiếp.

*Bảng 4.4 b: Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi*

<b>Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết sử dụng đồ dùng đồ chơi an toàn, đảm bảo vệ sinh cho trẻ	2,98	0,48	Trung bình
Biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi để tạo tình huống kích thích tính tích cực hoạt động của trẻ	3,14	0,42	Trung bình
Biết sử dụng đồ dùng đồ chơi phù hợp với khoảng cách, vị trí giao tiếp giữa cô và trẻ	3,11	0,43	Trung bình
Biết thiết kế bài giảng sinh động, giàu hình ảnh, âm thanh phù hợp để minh họa.	3,15	0,42	Trung bình
Luôn sử dụng đồ dùng đồ chơi khi tổ chức các hoạt động có chủ đích cho trẻ.	3,19	0,40	Trung bình
Biết làm đẹp bản thân (đầu tóc, trang phục...) khi tiếp xúc với trẻ	3,32	0,38	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b><i>3,15</i></b>	<b><i>0,42</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Nhóm kỹ năng sử dụng hành vi cử chỉ ở giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất trong nhóm với  $\bar{X} = 2,81$ . Qua quan sát, chúng tôi cũng nhận thấy, việc sử dụng cả hành vi cử chỉ đi kèm với ngôn ngữ nói khi giao tiếp với trẻ được các giáo viên sử dụng chưa thành thục, chưa linh hoạt. Trong một số tình huống, các giáo viên còn không sử dụng hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ khi giao tiếp với trẻ. Một số khác có sử dụng nhưng chưa đúng, chưa đầy đủ và không hiệu quả. Ví dụ như trường hợp cô giáo L.T.H, khi mời trẻ

phát biểu, cô đã không hướng cả bàn tay về dưới tầm mắt của trẻ cô muốn mời, mà cô đã chỉ tay (ngón trỏ) về phía trẻ, hành vi đó đã làm cho tình huống giao tiếp trở nên kém thân thiện và gằn gũ. Tuy nhiên, kỹ năng này vẫn đạt mức điểm trung bình cao nhất trong nhóm kỹ năng sử dụng hành vi cử chỉ. Bởi việc sử dụng tay để hỗ trợ ngôn ngữ nói dễ dàng thực hiện hơn dùng ánh mắt, điệu bộ của toàn cơ thể.

Các kỹ năng thể hiện hành vi, cử chỉ thân thiện với trẻ mẫu giáo đóng vai trò quan trọng, giúp trẻ có cảm giác gằn gũ, tin tưởng hơn trong quá trình giao tiếp, nhưng các kỹ năng này giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất trong nhóm: Kỹ năng di chuyển hợp lý, tạo sự hứng thú vui vẻ ở trẻ  $\bar{X} = 2,79$ ; kỹ năng thể hiện ánh mắt thân thiện, vui tươi, tin tưởng  $\bar{X} = 2,75$ ; trong đó thấp nhất là kỹ năng đón ánh mắt của trẻ một cách chủ động  $\bar{X} = 2,72$ . Đây cũng chính là lý do mà nhóm kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ thấp nhất trong nhóm.

*Bảng 4.4 c: Kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ*

<b>Kỹ năng sử dụng hành vi, cử chỉ</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết kết hợp hài hòa, hợp lý giữa ngôn ngữ nói, ánh mắt và hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ để khuyến khích, để biểu lộ sự đồng cảm và hiểu trẻ	2,82	0,55	Trung bình
Biết dùng tay để thể hiện sự thân thiện, thiện chí, cởi mở với trẻ.	2,94	0,48	Trung bình
Biết cách di chuyển hợp lý, tạo sự hứng thú vui vẻ ở trẻ.	2,79	0,53	Trung bình
Biết thể hiện ánh mắt thân thiện, vui tươi, tin tưởng	2,75	0,56	Trung bình
Biết đón ánh mắt của trẻ một cách chủ động	2,72	0,59	Trung bình
Biết thay đổi biểu cảm nét mặt phù hợp với lời nói của trẻ	2,81	0,52	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b><i>2,81</i></b>	<b><i>0,54</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Khi trẻ mẫu giáo được gia đình đưa đến lớp, trẻ thường hay quan sát ánh mắt, cử chỉ của người đón trẻ, nếu cử chỉ, ánh mắt thân thiện, tạo sự gần gũi, quan tâm thì trẻ dễ dàng nghe theo giáo viên hơn. Tuy nhiên qua quan sát, ví dụ trong giờ đón trẻ, chúng tôi nhận thấy một số giáo viên chưa chú ý đến kỹ năng này. Buổi sáng, khi có 1 trẻ bước vào lớp, cô giáo vừa quan sát các trẻ đã đến trước đang ngồi trong lớp, vừa chào trẻ mới đến, cô có chú ý đến trang phục và đồ dùng của trẻ nhưng hầu như không chú ý đón ánh mắt của trẻ. Cũng có trường mầm non đã phân công cô đứng trước cửa lớp chỉ để đón trẻ, cô còn lại ở trong lớp quản lý các bạn đến trước, tuy nhiên cô giáo đón trẻ trước cửa lớp vẫn chưa chú ý chủ động đón ánh mắt trẻ. Việc di chuyển hợp lý trong quá trình giao tiếp cũng đóng vai trò rất quan trọng, tuy nhiên qua quan sát, chúng tôi nhận thấy một số giáo viên chưa có sự di chuyển, chưa khoảng cách hợp lý giữa cô và trẻ trong một số hoạt động, đặc biệt hoạt động có chủ định. Quan sát cô H.T.A.T khi tổ chức hoạt động có chủ định, chúng tôi nhận thấy đồ dùng đồ chơi được cô chuẩn bị chu đáo, đầy đủ, đẹp mắt. Tuy nhiên cô chủ yếu chỉ ngồi tại 1 vị trí, ít khi di chuyển về phía từng trẻ, kể cả khi cô đang cho trẻ quan sát lô tô chữ cái mà cô đang cầm trên tay. Điều này khiến cho việc trao đổi thông tin nhận thức của trẻ sẽ bị hạn chế.

Trong giao tiếp sư phạm hiệu quả việc sử dụng ngôn ngữ nói quyết định chất lượng quá trình giao tiếp. Đối với giáo viên mầm non, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói linh hoạt, thân thiện, dịu dàng, dễ nghe, sinh động đóng vai trò quan trọng trong chuyên tải tri thức giúp trẻ lĩnh hội mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, ở nhóm kỹ năng thành phần này ở giáo viên mầm non thực hiện chỉ đứng thứ hai trong nhóm với  $\bar{x} = 2,92$ . Trên thực tế ở các trường mầm non thì kỹ năng này giúp cô và trẻ có thể làm quen, thu hút và gần gũi với trẻ. Hai kỹ năng đó là kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói để làm giảm căng thẳng, xoa dịu dỗ dành trẻ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói linh hoạt, thân thiện, dịu dàng để điều khiển hành động của trẻ đóng vai trò quan trọng, góp phần quyết định trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, là cơ sở tạo sự cảm mến



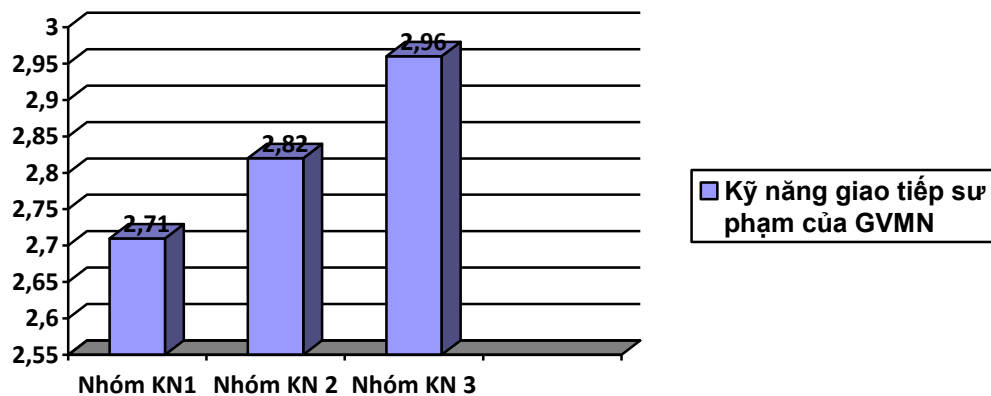
của trẻ mẫu giáo trong giao tiếp với cô, nhưng ở những kỹ năng này giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất  $\bar{X} = 2,69$ . Tìm hiểu thêm điều này chúng tôi trao đổi với cô giáo N.T.H, cô cho biết: “*Công việc của chúng em rất bận, trẻ mẫu giáo ở lứa tuổi này tuy đã có một số kỹ năng tự phục vụ nhưng hầu hết vẫn phải có sự hướng dẫn, giúp đỡ của cô, từ việc học, chơi đến ăn, ngủ, vệ sinh, số lượng trẻ trong 1 lớp lại đông, nên nhiều khi giáo viên cũng có đủ thời gian để tâm đến việc điều chỉnh cách nói với trẻ*”.

*Bảng 4.4 d: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói*

<b>Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Mức độ</b>
Biết sử dụng ngôn ngữ nói chuẩn mực (không ngọng, lắp.....)	3,28	0,36	Trung bình
Biết sử dụng ngôn ngữ nói giàu ngữ điệu, phù hợp với nội dung và hoàn cảnh giao tiếp	3,06	0,44	Trung bình
Biết sử dụng ngôn ngữ nói linh hoạt, thân thiện, dịu dàng để điều khiển hành động của trẻ	2,69	0,67	Trung bình
Biết sử dụng các câu, từ cảm thán một cách linh hoạt, phù hợp	3,06	0,44	Trung bình
Biết sử dụng ngôn ngữ nói để điều khiển (thúc đẩy hoặc kìm hãm) tốc độ giao tiếp của trẻ cho phù hợp	2,75	0,58	Trung bình
Biết sử dụng ngôn ngữ nói để làm giảm căng thẳng, xoa dịu dỗ dành trẻ	2,69	0,67	Trung bình
<b><i>Điểm trung bình chung</i></b>	<b><i>2,92</i></b>	<b><i>0,53</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>

Như vậy, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo tuy có kết quả khả thi nhất trong 3 nhóm kỹ năng tạo nên kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo nhưng cũng vẫn chỉ đạt mức trung bình của thang đo. Kết quả này là cơ sở để đề xuất biện pháp tác động nhằm nâng cao kỹ năng này cho các giáo viên mầm non.

Tóm lại, kết quả thực trạng kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo được đánh giá trên ba nhóm kỹ năng, với kết quả tất cả đều nằm trong ngưỡng trung bình của thang đo. Trong đó nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ giáo viên mầm non thực hiện thấp nhất, thứ hai kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; Kỹ năng giáo viên mầm non thực hiện tốt nhất là kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp. Điều này cho thấy trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, để nâng cao hiệu quả giao tiếp sư phạm thì giáo viên mầm non cần biết cách thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Đây là kỹ năng quan trọng nhất, có thể nói là kỹ năng nền tảng, giúp quá trình giao tiếp sư phạm đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của giáo dục mầm non. Tuy nhiên, ở giáo viên mầm non kỹ năng này còn thấp, do vậy rất cần được bồi dưỡng, phát triển kỹ năng này cho giáo viên mầm non.



*Nhóm KN1: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ*

*Nhóm KN2: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động*

*Nhóm KN3: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp*

*Biểu đồ 4.2. Thực trạng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*

### 4.1.3. So sánh theo biến số kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

#### 4.1.3.1. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo trình độ đào tạo

Kiến thức có vai trò quan trọng, là nhân tố bên trong quy định bản chất của sự hình thành, phát triển nhân cách, là cơ sở của kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Bậc học là cơ sở của sự hình thành kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng. Trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non để hình thành kỹ năng đòi hỏi người học phải có được nền tảng kiến thức vững chắc. Kết quả so sánh theo biến số trình độ đào tạo được thể hiện ở bảng 4.5 (phụ lục 9).

Bảng 4.5. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo các trình độ đào tạo

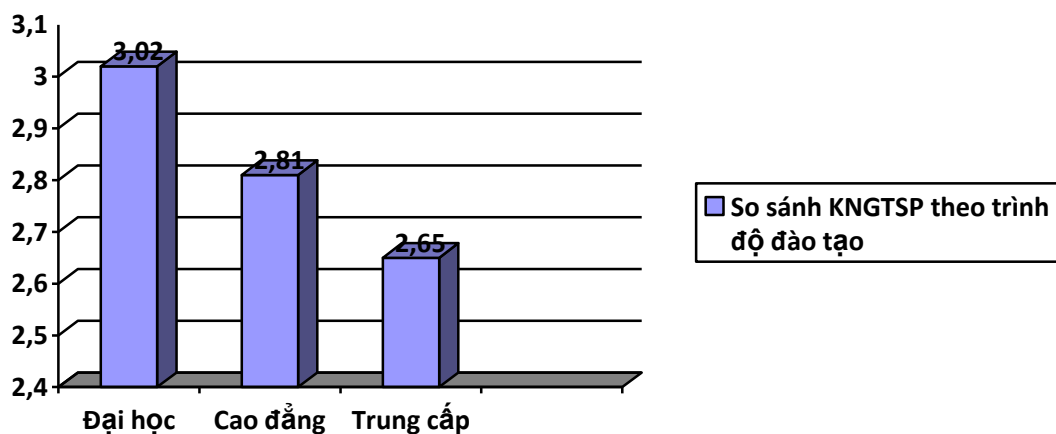
Các kỹ năng giao tiếp sư phạm	Đại học N=134		Cao đẳng N=73		Trung cấp N=93	
	<i>ĐTB</i>	<i>ĐLC</i>	<i>ĐTB</i>	<i>ĐLC</i>	<i>ĐTB</i>	<i>ĐLC</i>
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	2,79	0,55	2,70	0,59	2,63	0,63
Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	3,01	0,49	2,85	0,56	2,60	0,58
Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	3,27	0,42	2,89	0,53	2,72	0,55
<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>3,02</b>	<b>0,47</b>	<b>2,81</b>	<b>0,56</b>	<b>2,65</b>	<b>0,59</b>

Thực tiễn qua kết quả điều tra cho thấy giáo viên mầm non có trình độ học vấn cao hơn thì có kỹ năng giao tiếp sư phạm tốt hơn. Cụ thể, ở kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ ở giáo viên mầm non có trình độ học vấn đại học có  $\bar{X} = 2,79$  trong khi đó ở trình độ học vấn trung cấp chỉ có  $\bar{X} = 2,63$ . Điểm trung bình chung của cả ba kỹ năng cũng vậy, giáo viên mầm non ở trình độ học vấn Đại học có  $\bar{X} = 3,02$ ; Cao đẳng  $\bar{X} = 2,81$  và Trung cấp chỉ ở mức 2,65, mức trung bình thấp của kỹ năng.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, chúng tôi tìm hiểu về mối quan hệ giữa trình độ đào tạo và kỹ năng giao tiếp sư phạm bằng so sánh tương quan, phân tích hồi quy và ANOVA (kiểm định độ phù hợp của mô hình), Số liệu thu được tại

phụ lục 15 cho thấy: Kết quả kiểm định Post Hoc, cho thấy trong 3 cặp biến định tính được kiểm định, không có cặp nào có sự khác biệt về giá trị trung bình ( $p: 0.314 - 0.692$ . Trong đó cặp so sánh giữa trình độ đào tạo Đại học và Trung cấp có  $p= 3.14 < 0.05$ ). Điều này có nghĩa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trình độ đào tạo với kỹ năng giao tiếp sư phạm. Như vậy có thể kết luận rằng có sự khác biệt về kỹ năng giao tiếp sư phạm trong nhóm giáo viên có trình độ đào tạo khác nhau. So sánh đa biến trình độ đào tạo đã khẳng định, kỹ năng giao tiếp sư phạm của những giáo viên có trình độ đại học khác với những người có trình độ cao đẳng và trung cấp (do  $Sig.< 0,05$ ). Còn giữa nhóm có trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng không thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (vì  $sig.= 0,692 > 0,05$ ). Phụ lục 15.6

Nghiên cứu cho thấy mức độ biểu hiện của các kỹ năng giao tiếp sư phạm giữa các trình độ đào tạo có sự khác biệt. Điểm trung bình của thang đo ba nhóm kỹ năng: Trong đó trình độ đào tạo đại học ở mức cao  $\bar{X} = 3,02$ , trình độ cao đẳng  $\bar{X} = 2,81$  và trung cấp ở mức trung bình  $\bar{X} = 2,65$ . Điều này cho thấy, những giáo viên mầm non có trình độ đào tạo cao hơn có kỹ năng giao tiếp tốt hơn. Trong từng nhóm kỹ năng thì trình độ đào tạo đại học đều có điểm trung bình cao hơn các trình độ đào tạo khác. Sự chênh lệch khá xa giữa trình độ đào tạo đại học với trình độ trung cấp độ chênh lệch = 0,37. Kết quả thể hiện qua biểu đồ 4.3.



Biểu đồ 4.3. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo trình độ đào tạo

4.1.3.2. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo thâm niên nghề nghiệp

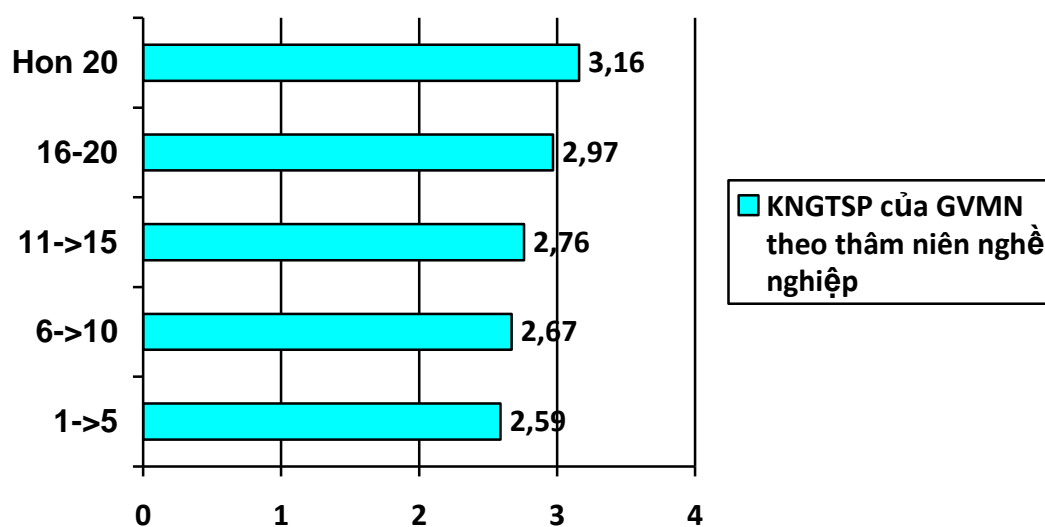
Kỹ năng nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo nói riêng, không tự nhiên mà có. Nó được hình thành thông qua một quá trình với các giai đoạn khác nhau trong hoạt động nghề nghiệp. Những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn mà người giáo viên mầm non đúc kết được trong quá trình làm việc sẽ tạo nền tảng để họ vận dụng vào quá trình giao tiếp sư phạm với trẻ, tạo hiệu quả cho quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mẫu giáo. Kết quả so sánh theo biến số thâm niên nghề nghiệp được thể hiện ở bảng 4.6.

Bảng 4.6. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo thâm niên nghề nghiệp

Các kỹ năng giao tiếp sư phạm	1 - > 5 năm N = 98		6 - >10 năm N = 85		11 - >15 năm N = 44		16 - 20 năm N = 43		Trên 20 năm N = 30	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	2,47	0,70	2,58	0,65	2,62	0,58	2,83	0,51	3,05	0,49
Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	2,60	0,62	2,65	0,56	2,74	0,55	2,95	0,50	3,16	0,47
Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	2,71	0,56	2,78	0,53	2,91	0,52	3,13	0,49	3,27	0,40
<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2,59</b>	<b>0,63</b>	<b>2,67</b>	<b>0,58</b>	<b>2,76</b>	<b>0,55</b>	<b>2,97</b>	<b>0,50</b>	<b>3,16</b>	<b>0,45</b>

Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 4.6 cho thấy giáo viên mầm non có thâm niên nghề nghiệp trên 20 năm có điểm trung bình cao nhất  $\bar{X} = 3,16$  mức được đánh giá là có kỹ năng ở mức trung bình tương đối cao. Giáo viên mầm non có thâm niên nghề nghiệp trong khoảng từ 1 đến trên 5 năm và từ 6 đến trên 10 năm có điểm trung bình thấp hơn  $\bar{X} = 2,59$  và  $2,67$ . Độ chênh lệch so với giáo viên mầm non có thâm niên trên 20 năm là  $0,57$  và  $0,49$ . Như vậy,

thâm niên có tác động ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Để khẳng định điều này, chúng tôi tiến hành kiểm định One way anova (phụ lục 15.6). Số liệu thu được cho thấy: Kết quả Bonferroni, cho thấy trong 3 cặp biến định tính được kiểm định, có sự khác biệt về giá trị (I-J). Giáo viên mầm non có thâm niên nghề nghiệp càng cao thì kỹ năng giao tiếp sư phạm có phần tốt hơn. Như vậy, có thể khẳng định giữa thâm niên nghề nghiệp với kỹ năng giao tiếp sư phạm có mối tương quan tuyến tính thuận có ý nghĩa thống kê, nghĩa là thâm niên nghề nghiệp cũng có tác động nhất định đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Thâm niên nghề nghiệp nói lên kinh nghiệm thực tiễn trong công tác. Thâm niên nghề nghiệp càng cao, kinh nghiệm giao tiếp sư phạm càng nhiều, càng giúp cho giáo viên mầm non tăng cường các kỹ năng giao tiếp với trẻ mẫu giáo. Tuy nhiên, chênh lệch khoảng cách giữa các năm không nhiều. Điều này trên thực tế ở các trường mầm non yếu tố thâm niên nghề nghiệp cũng giúp cho giáo viên mầm non có được kỹ năng giao tiếp tốt hơn. Kết quả thể hiện qua biểu đồ 4.4.



*Biểu đồ 4.4. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo thâm niên nghề nghiệp*

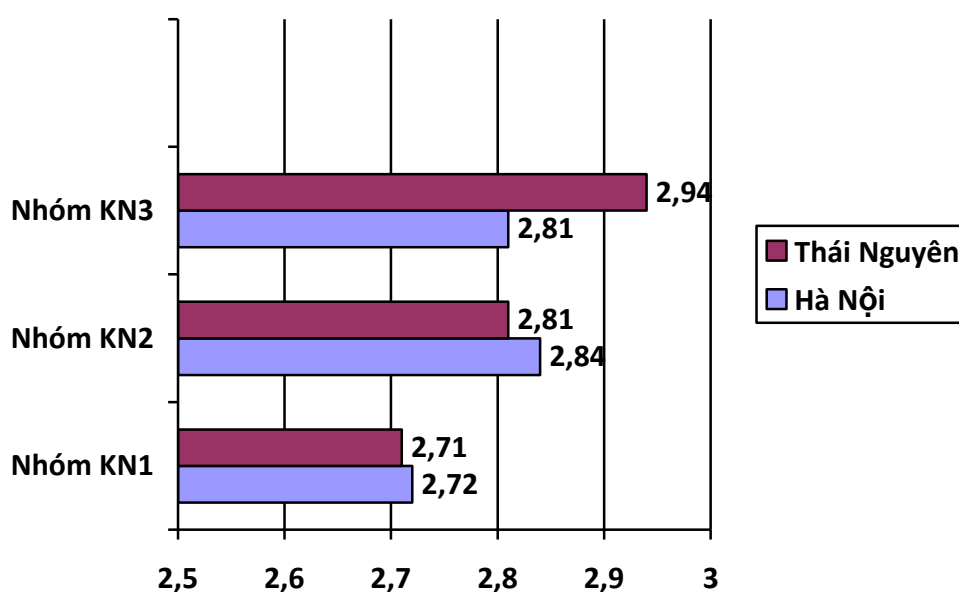
*4.1.3.3. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo địa bàn*

Sự phát triển kỹ năng nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm nói riêng, đều chịu sự chi phối của yếu tố môi trường, của tính chất vùng miền. Tuy nhiên yếu tố này ảnh hưởng đến biểu hiện, mức độ kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo như thế nào, sự ảnh hưởng đó có ý nghĩa hay không? Để làm rõ vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành so sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên tại 5 trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội với giáo viên mầm non tại 5 trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả so sánh theo biến số địa bàn được thể hiện ở bảng 4.7.

*Bảng 4.7. So sánh mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo địa bàn*

Các nhóm kỹ năng		Địa bàn công tác		
		Hà Nội	Thái Nguyên	Trung bình tổng
Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	Kỹ năng nắm bắt tâm lý trẻ	2.60	2.56	2.58
	Kỹ năng thể hiện sự thành tâm, thiện ý, tôn trọng trẻ.	2.94	2.92	2.93
	Kỹ năng thể hiện sự yêu thương trẻ	2.61	2.65	2.63
	<b>Trung bình nhóm</b>	<b>2.72</b>	<b>2.71</b>	<b>2.71</b>
Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức	2.66	2.62	2.64
	Kỹ năng trao đổi thông tin về tình cảm	2.80	2.78	2.79
	Kỹ năng trao đổi thông tin về hành động	3.06	3.02	3.04
	<b>Trung bình nhóm</b>	<b>2.84</b>	<b>2.81</b>	<b>2.82</b>
Nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói	2.94	2.90	2.92
	Kỹ năng sử dụng hành vi cử chỉ điệu bộ	2.82	2.80	2.81
	Kỹ năng sử dụng đồ dùng, đồ chơi	3.18	3.12	3.15
	<b>Trung bình nhóm</b>	<b>2.98</b>	<b>2.94</b>	<b>2.96</b>

Kết quả khảo sát ở bảng 4.7 cho thấy điểm trung bình của các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non khảo sát theo địa bàn kết quả không có sự khác biệt rõ rệt. Cụ thể, trong nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ giáo viên mầm non ở Hà Nội và Thái nguyên có điểm trung bình gần như nhau  $\bar{X} = 2.72$  và  $\bar{X} = 2.71$ ; Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm hành động, giáo viên mầm non ở địa bàn Hà Nội có phần trội hơn Thái Nguyên  $\bar{X} = 2.84$  và  $\bar{X} = 2.81$ ; Nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp cũng vậy, giáo viên mầm non ở địa bàn Hà Nội cao hơn không đáng kể so với Thái Nguyên  $\bar{X} = 2.98$  và  $\bar{X} = 2.94$ .



*Nhóm 1: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ*

*Nhóm 2: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động*

*Nhóm 3: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp*

*Biểu đồ 4.5. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non ở các địa bàn khác nhau*



Để tìm hiểu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non ở địa bàn khác nhau, chúng tôi so sánh tương quan mối quan hệ giữa kỹ năng giao tiếp sư phạm và địa bàn công tác của 300 khách thể là giáo viên mầm non thuộc địa bàn Hà Nội và Thái Nguyên. Kết quả cho thấy, hệ số tương quan *Pearson* là 0,043 với mức ý nghĩa *sig. (2-tailed)* là  $0,500 > 0,01$ , (phụ lục 15.8).

Tiếp tục đi sâu phân tích xem có sự khác biệt về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo địa bàn công tác hay không, chúng tôi tiến hành phân tích hồi quy ANOVA. Kết quả phân tích thu được cho thấy, với mức ý nghĩa *sig. = 0,02 < 0,05* nên phương sai đánh giá về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên địa bàn công tác có khác nhau nhưng không đáng kể. Vì vậy kết quả phân tích ANOVA có thể sử dụng được (phụ lục 15.8). Thực hiện kiểm định T-Test (Chi-Square Tests) cho thấy *sig. = 0,65 > 0,05* nên ta chưa có cơ sở để khẳng định có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa kỹ năng giao tiếp sư phạm với địa bàn công tác của giáo viên mầm non trên tổng thể. Như vậy, kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non ở địa bàn công tác khác nhau là gần như nhau. Tức là, địa bàn công tác của giáo viên mầm non không có ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của họ (phụ lục 15.8).

Tuy nhiên, khi khảo sát trên thực tế, ở các trường mầm non ở Hà Nội và Thái Nguyên cho thấy, trong tổng số 42/300 giáo viên được tham gia khóa học đào tạo về kỹ năng giao tiếp sư phạm thì có tới 35/42 (83,33%) giáo viên là ở địa bàn Hà Nội. Tìm hiểu thêm về nội dung các khóa học đào tạo kỹ năng mà các giáo viên được tham gia, chúng tôi nhận thấy, thực ra đó không phải là các khóa đào tạo chuyên về kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non mà chỉ là các khóa bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng chăm sóc trẻ với các quan điểm hiện đại, (như phương pháp giáo dục của Montessori, Glenn Doman, Shichida Makato...), trong các khóa bồi dưỡng đó đã lồng ghép các kỹ năng giao tiếp với trẻ trên cơ sở các quan điểm của các tác giả khác nhau. Các khóa học này được tổ chức nhiều ở Hà Nội, vì vậy các giáo viên mầm non ở địa bàn này có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc tham gia. Ở Thái Nguyên cũng có một số tổ chức thực hiện nhưng rất ít, do đó các giáo viên mầm non ở đây cũng không có nhiều cơ hội để tham gia học hỏi.

Chính vì vậy có tạo nên sự khác biệt về kỹ năng giao tiếp sư phạm của các giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo theo vùng miền, tuy nhiên sự khác biệt này không nhiều nên không có ý nghĩa thống kê.

#### **4.1.4. Môi trường quan giữa các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non**

Như đã trình bày ở chương 2 cho thấy, các kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp có mối liên hệ với nhau và ảnh hưởng qua lại với nhau. Để kiểm định mối quan hệ này, chúng tôi tiến hành so sánh hệ số tương quan, nhằm trả lời câu hỏi: “Các kỹ năng giao tiếp sư phạm trên có mối liên hệ tương quan lẫn nhau không và tương quan đến mức nào”. Tại bảng 4.8 (phụ lục 11) ta thấy, với mức ý nghĩa *sig.*(2-tailed) của các biến độc lập đều có giá trị  $p = 0,000 < 0,01$ , vì vậy ta có kết luận là các kỹ năng trên có tương quan với nhau có ý nghĩa thống kê. Hệ số tương quan ( $r$ ) giữa các biến là 0,718; 0,732 và 0,765 (rất gần đến +1), chứng tỏ các kỹ năng có tương quan chặt chẽ với nhau.

*Bảng 4.8: Tương quan giữa các kỹ năng (r)*

		<b>Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ</b>	<b>Kỹ năng trao đổi thông tin</b>	<b>Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp</b>
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	Hệ số tương quan Pearson (r)	1	0.765**	0.718**
	Mức ý nghĩa (p)		0.000	0.000
	Mẫu (N)	300	300	300
Kỹ năng trao đổi thông tin	Hệ số tương quan Pearson (r)	0.765**	1	0.732**
	Mức ý nghĩa (p)	0.000		0.000
	Mẫu (N)	300	300	300
Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	Hệ số tương quan Pearson	0.718**	0.732**	1
	Mức ý nghĩa (p)	0.000	0.000	
	Mẫu (N)	300	300	

\*\* . Sự tương quan có ý nghĩa (p) ở mức  $<0.01$  .

Phân tích cụ thể cho thấy, kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ có mối quan hệ khá mật thiết với kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với  $r$  lần lượt là 0,765 và 0,718 và mức ý nghĩa *sig. (2-tailed)*  $p < 0,01$ . Mối quan hệ này cùng hướng và có mức độ khá mạnh đã khẳng định, sự đồng biến theo tỷ lệ thuận của kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ và trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động có tương quan rất chặt. Đa cộng tuyến là trạng thái các biến độc lập trong mô hình có tương quan chặt chẽ với nhau, điều đó dẫn đến khả năng là sự ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau và mối liên hệ nhân quả xảy ra. Như vậy, thiết lập mối quan hệ với trẻ tốt sẽ là điều kiện cho sự trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động có hiệu quả. Ngược lại, sự thiếu hụt kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động sẽ làm kém đi sự thông hiểu lẫn nhau, tác động ảnh hưởng tới nhau và như vậy rất khó cho sự thiết lập mối quan hệ với trẻ.

Xét mối quan hệ giữa kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động với kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp cho thấy có tương quan rất chặt chẽ với nhau. Hệ số tương quan ( $r$ ) là 0,732 và mức ý nghĩa  $p < 0,01$  đã chứng tỏ chúng có tương quan cùng hướng và rất chặt. Nếu giáo viên mầm non có kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp tốt là cơ sở để trao đổi thông tin để phát hiện những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn để bổ sung hoàn thiện các phương pháp dạy trẻ của mình. Việc sử dụng phương tiện giao tiếp không tốt, nhất là giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sẽ khó trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và cũng khó thuyết phục được trẻ.

Như vậy, thiết lập mối quan hệ với trẻ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng phương tiện giao tiếp là những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, chúng có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Khi một kỹ năng nào đó được sử dụng đúng đắn sẽ tạo nên hiệu quả đồng bộ cho các kỹ năng liên quan. Ngược lại, sự kém hiệu quả của một kỹ năng sẽ dẫn đến hạn chế của các kỹ năng khác. Sự phối kết hợp của các kỹ năng này sẽ tạo

nên nền tảng cho mọi hoạt động khác của giáo viên mầm non. Vì vậy để nâng cao trình độ năng lực giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, cần bồi dưỡng một cách đồng bộ, hoàn chỉnh các kỹ năng trên thường xuyên và bài bản.

*Bảng 4.9: Điểm trung bình chung của kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non*

<b>T-Test</b>	<b>Số lượng mẫu</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Sai số trung bình chuẩn</b>
Kỹ năng giao tiếp sư phạm	300	2,65	0,247	0,034

*Tóm lại*, những phân tích ở trên có thể tổng hợp đánh giá nhận xét về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo hiện nay còn chưa cao, mới đạt mức trung bình. Với giả thuyết ban đầu đặt ra là kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên ở mức trung bình nên ta có đủ cơ sở để bác bỏ giả thuyết  $H_0$  (kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non có điểm trung bình  $(2,6 < \bar{X} \leq 3,4)$ ) và như vậy giả thuyết  $H_1$  (kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non có điểm trung bình  $(2,6 < \bar{X} \leq 3,4)$ ) được chấp nhận.

## **4.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo**

### **4.2.1. Đánh giá chung các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo**

Để nghiên cứu, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, chúng tôi tiến hành sử dụng phương pháp *Phân tích nhân tố* bằng phần mềm SPSS. Kết quả các kiểm định độ hiệu lực của thang đo cho thấy: Hệ số KMO = 0.872, nên *Phân tích nhân tố* là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu; kết quả kiểm định Bartlett's Test là 569.341 với mức ý nghĩa  $p = 0.000 (< 0.001)$ , chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong một tổng thể, dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp và có ý nghĩa thống kê. Nội dung các nhân tố được thể hiện trong bảng ma trận tương quan giữa các biến theo chiều thuận, tương quan khá chặt. (phụ lục 13).

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trên cơ sở khảo sát chúng tôi chia làm hai nhóm yếu tố: nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan. Để thấy được sự ảnh hưởng của các yếu tố đó như thế nào tới kỹ năng giao tiếp, chúng tôi tiến hành phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non theo các mức độ: không ảnh hưởng, ít ảnh hưởng, ảnh hưởng một phần, ảnh hưởng và rất ảnh hưởng. Qua đó phân tích đánh giá hiệu ứng ảnh hưởng của các yếu tố đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non như thế nào, làm cơ sở đề xuất các kiến nghị khoa học nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non hiện nay.

Kết quả khảo sát thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non thể hiện ở bảng 4.10 (phụ lục 14).

*Bảng 4.10: Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non*

<b>Các yếu tố ảnh hưởng</b>		<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>
<b>Yếu tố chủ quan</b>	Nhận thức của GV mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm, về tâm lý trẻ mẫu giáo	3,89	0,44
	Kinh nghiệm nghề nghiệp	3,52	0,54
	Lòng yêu nghề, mến trẻ	3,67	0,51
	Ý thức tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm	3,55	0,53
<b><i>Trung bình nhóm</i></b>		<b>3,66</b>	<b>0,51</b>
<b>Yếu tố khách quan</b>	Đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo	3,50	0,56
	Môi trường và điều kiện làm việc	3,59	0,50
	Phong cách quản lý của CBQL	3,64	0,49
<b><i>Trung bình nhóm</i></b>		<b>3,58</b>	<b>0,52</b>

*\* Đánh giá độ tin cậy của thang đo*

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo, chúng tôi tiến hành phân tích kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến giữa các yếu tố và kiểm định giả thuyết mô hình cấu trúc các yếu tố ảnh hưởng bằng việc đưa tất cả 6 yếu tố vào phân tích theo tiêu chuẩn *Eigenvalues*. Số liệu thu được phụ lục 13 cho thấy, hệ số KMO = 0,872 ( $> 0,5$ ), do vậy phân tích nhân tố là thích hợp. Xét hệ số tin cậy *Cronbach's Alpha* ta thấy, *Alpha* có giá trị = 0,875  $> 0,6$  (phụ lục 13), như vậy thang đo có ý nghĩa thống kê được chấp nhận.

**4.2.2. Phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non**

Kết quả ở bảng 4.10 cho thấy các yếu tố đều có ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Trong đó yếu tố chủ quan  $\bar{X} = 3,66$  có ảnh hưởng lớn hơn và thể hiện rõ hơn. Yếu tố chủ quan có ảnh hưởng lớn nhất đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo đó là yếu tố nhận thức của giáo viên mầm non về kỹ năng giao tiếp sư phạm, về tâm lý trẻ mẫu giáo  $\bar{X} = 3,89$ . Tiếp đến là yếu tố lòng yêu nghề, mến trẻ  $\bar{X} = 3,67$  và ý thức tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm  $\bar{X} = 3,55$ . Cụ thể (phụ lục 15.1):

Yếu tố thành phần nhận thức của giáo viên mầm non là yếu tố có tác động đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Do hệ số  $\beta = 0,311$ ;  $t = 4,320$ ;  $sig. = 0,000$  ( $< 0,05$ ) nên được chấp nhận. Khi có nhận thức đúng thì có hành động đúng, giáo viên mầm non có nhận thức đúng đắn về kỹ năng giao tiếp sư phạm, về tâm lý trẻ mẫu giáo, sẽ nhanh chóng nắm bắt, lĩnh hội được các kỹ năng, cực rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm của mình.

Yếu tố *Kinh nghiệm nghề nghiệp* có  $\beta = 0,88$ ,  $t = 2,457$ ,  $sig. = 0,004$  ( $< 0,05$ ) nên được chấp nhận. Đây là một yếu tố góp phần quan trọng tạo

nền tảng cho người giáo viên trong hoạt động nghề nghiệp. Chị N.T.H, người có thâm niên gần 20 năm trong nghề đã chia sẻ với chúng tôi: *“Khi mới ra trường, có những kiến thức chăm sóc trẻ các thầy cô dạy thuộc lắm, nhưng khi tiếp xúc trực tiếp với các con, dạy các con, chăm các con, chúng tôi còn lúng túng lắm, vì chưa thạo việc nên rất căng thẳng, nhiều khi không kiểm soát được cảm xúc của mình. Bây giờ thì mọi chuyện đã khác hẳn, những kinh nghiệm trong quá trình công tác lâu năm đã giúp tôi rất nhiều..”*.

*Lòng yêu nghề, mهن trẻ* là những biểu hiện thuộc về phẩm chất tính cách của giáo viên mầm non, nhân tố có ảnh hưởng đến trình độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của họ. Thống kê tại bảng 3.12 cho thấy, thành phần *Lòng yêu nghề, mهن trẻ* có  $\beta = 0,87$ , giá trị  $t = 1,464$ ,  $sig. = 0,003$  ( $< 0,05$ ) nên chúng được chấp nhận. Đây thuộc nhóm có đặc tính một chiều càng tăng càng tốt, bởi khi giáo viên mầm non có lòng yêu nghề, mهن trẻ sẽ giúp họ say mê, nhiệt huyết trong công việc. Khi trực tiếp trao đổi vấn đề này với cô N.T.H, cô tâm sự: *“...điều kiện đời sống kinh tế - xã hội hiện nay chưa bảo đảm mức sống tối thiểu cho đội ngũ giáo viên nói chung, giáo viên mầm non nói riêng đã tác động không nhỏ đến tâm tư, tình cảm của giáo viên mầm non. Nếu chúng tôi không có lòng yêu nghề, mهن trẻ thì khó mà hết lòng vì các con được”*. Có thể nói, lòng yêu nghề, mهن trẻ cùng với nhận thức đúng đắn là nguồn động lực to lớn, thúc đẩy giáo viên mầm non hết lòng vì sự nghiệp trồng người. Kết quả điều tra cũng chỉ rất rõ, lòng yêu nghề, mهن trẻ và nhận thức là các yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng cao nhất đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, với  $\bar{X} = 3,67$  (độ lệch chuẩn = 0,51) và 3,89 (độ lệch chuẩn = 0,444). Trong số các khách thể được điều tra, có 92% cho rằng

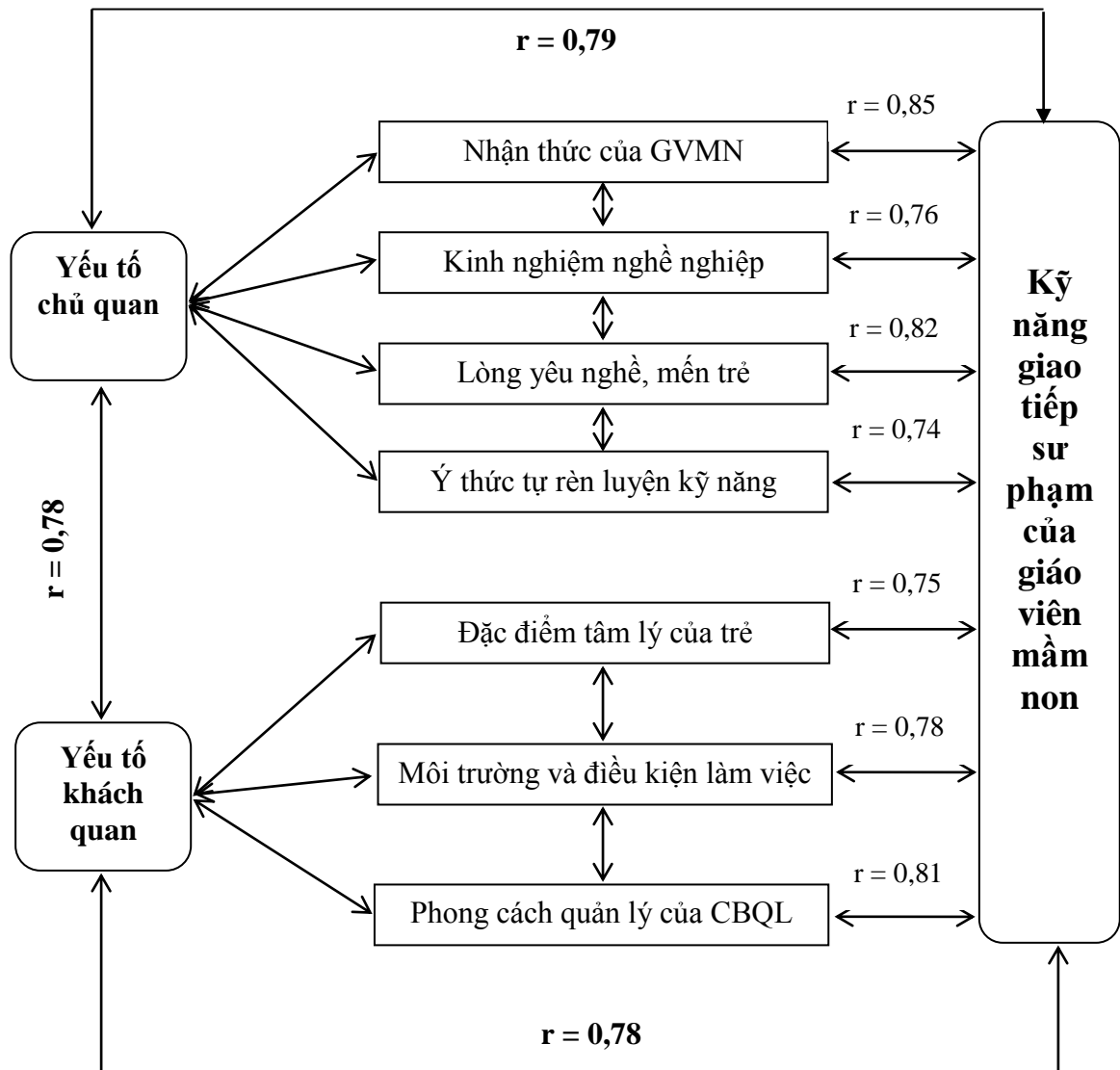
nhận thức và lòng yêu nghề là yếu tố quan trọng nhất tác động đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của họ.

Kết quả trên cho thấy khi giáo viên mầm non có nhận thức tốt kết hợp với lòng yêu nghề, mến trẻ và ý thức tự rèn luyện thì kỹ năng giao tiếp sư phạm của họ sẽ tốt hơn. Bởi lẽ khi giáo viên mầm non say sưa tâm huyết với nghề thì họ sẽ hết lòng tận tụy vì công việc. Đây là cơ sở của sự năng động, sáng tạo giúp giáo viên mầm non đạt được kết quả cao trong công việc của mình. Cô giáo N.T.H cho biết “...*chỉ khi nào giáo viên mầm non có lòng yêu mến công việc của mình thì mới hết lòng vì nó; có lòng thương yêu trẻ thì mới yêu được nghề mầm non*”. Tuy nhiên, để giáo viên mầm non có lòng yêu nghề, mến trẻ để có ý thức tự tu dưỡng rèn luyện kỹ năng giao tiếp của mình thì yếu tố khách quan cũng có ảnh hưởng nhất định với điểm trung bình  $\bar{X} = 3,55$ , trong đó yếu tố môi trường và điều kiện làm việc có ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng giao tiếp sư phạm  $\bar{X} = 3,59$ . Điều này rất đúng với thực tiễn hiện nay do sự phát triển của xã hội và sự phát triển dân số cơ học nên số lượng trường mầm non chưa đáp ứng đủ cho học sinh học, nhiều trường quân số quá đông tạo áp lực lớn đối với giáo viên mầm non. Bên cạnh đó cơ sở vật chất bảo đảm cho dạy và học để cho trẻ có sự phát triển tốt nhất vẫn chưa được bảo đảm đầy đủ, chế độ đãi ngộ với giáo viên mầm non còn chưa được chú trọng đúng mức.

#### ***4.2.3. Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo***

Tiến hành tìm hiểu mối tương quan giữa các biến thành phần và các biến tổng thể trong các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non, kết quả kiểm định r được thể hiện ở sơ đồ 4.1 (Phụ lục 15.2,3,4).





Sơ đồ 4.1. Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo

Quan sát hệ số tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non cho thấy, trong các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non có hai nhóm yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan, giữa các nhóm yếu tố ảnh hưởng có mối tương quan theo tỷ lệ thuận. Nhóm yếu tố chủ quan có hệ số tương quan cao nhất  $r = 0,79$ ; nhóm yếu tố khách quan  $r = 0,78$ . Cụ thể hệ số tương quan của từng yếu tố thành phần với cặp biến số như sau: hệ số tương quan giữa yếu tố

nhận thức của giáo viên mầm non với kỹ năng giao tiếp sư phạm  $r = 0.85$ ; tương quan giữa yếu tố lòng yêu nghề, mếm trẻ với kỹ năng giao tiếp sư phạm  $r = 0.82$ ; tương quan yếu tố kinh nghiệm nghề nghiệp với kỹ năng giao tiếp sư phạm  $r = 0.76$ . Tương quan giữa yếu tố môi trường và điều kiện làm việc với kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non  $r = 0.78$ . Giữa phong cách lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý  $r = 0.81$ . Tất cả hệ số tương quan đều có ý nghĩa thống kê với  $p < 0.001$ . Số liệu trên cho thấy, mỗi tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với kỹ năng giao tiếp sư phạm không đều. Yếu tố nhận thức và yếu tố lòng yêu nghề, mếm trẻ trong nhóm yếu tố chủ quan có hệ số tương quan cao hơn nên có ảnh hưởng mạnh hơn, trong đó yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non là yếu tố nhận thức của giáo viên mầm non, sau đến yếu tố lòng yêu nghề mếm trẻ. Vấn đề này rất đúng với thực tiễn hoạt động đặc thù của giáo viên mầm non, nếu họ có nhận thức tốt kết hợp với tình cảm nghề nghiệp là lòng yêu nghề, mếm trẻ thì sẽ say sưa tâm huyết với nghề đề cao ý thức tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm của mình. Vì vậy, để nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, cần chú ý đến những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp đến nó. Cụ thể, cần tăng cường hướng dẫn kỹ năng giao tiếp sư phạm cho sinh viên trong quá trình học tập. Đồng thời, tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, thái độ trách nhiệm, tình cảm nghề nghiệp với sự nghiệp giáo dục đào tạo ở bậc học mầm non.

*\* Phân tích hồi quy kiểm định giả thuyết*

Phân tích hồi quy bằng phương pháp *Enter* với 6 yếu tố có biến phụ thuộc trong mô hình được đưa vào cùng một lúc để xem yếu tố nào được chấp nhận. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy cả 6 yếu tố được ủng hộ vì chúng đều có nghĩa ở mức ý nghĩa 5% ( $\text{sig.} < 0,05$ ). Kết quả trên chứng tỏ mô hình hồi quy đưa ra tương đối phù hợp với mức ý nghĩa 0,05. Hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh

= 0,497 có nghĩa là có khoảng 49,7% phương sai kỹ năng giao tiếp sư phạm được giải thích bởi 6 biến độc lập là: Môi trường làm việc, ý thức tự rèn luyện, lòng yêu mến trẻ, nhận thức, kinh nghiệm nghề nghiệp của giáo viên mầm non, đặc điểm giao tiếp của trẻ.

Kiểm định F sử dụng trong phân tích phương sai ANOVA là phép kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể. Ý tưởng của kiểm định này về mối quan hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Vì giá trị  $F = 54,307$  và VIF của mỗi biến lớn nhất = 2,712 ( $< 10$ ), nên hiện tượng đa cộng tuyến không có ảnh hưởng đến kết quả giải thích của mô hình. Theo quy tắc là khi  $VIF > 10$  đó là dấu hiệu của đa cộng tuyến. Xét mức độ tác động ảnh hưởng của các yếu tố theo thứ bậc từ cao đến thấp thông qua hệ số Beta cho thấy, thành phần nhận thức của giáo viên mầm non có ảnh hưởng quan trọng nhất đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non vì có hệ số Beta cao nhất 3.11, tiếp đến là kinh nghiệm nghề nghiệp = 2.41, lòng yêu nghề, mến trẻ = 2.23, môi trường và điều kiện làm việc 2.38, cuối cùng là đặc điểm giao tiếp của trẻ = 2.24. (phụ lục 15.1).

Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố chủ quan, khách quan tác động đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo cho thấy các yếu tố khách quan và chủ quan có ảnh hưởng lớn đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Để khẳng định vấn đề này, chúng tôi sử dụng phép hồi quy tuyến tính ANOVA cho thấy,  $F = 54,307$  và mức ý nghĩa  $sig. = 0,000$ . Hệ số tương quan R (hệ số đo lường mức độ tương quan giữa hai yếu tố chủ quan và khách quan với kỹ năng giao tiếp) = 0,724 và hệ số xác định  $R^2$  (đánh giá mức độ phù hợp của mô hình thể hiện mối quan hệ tương quan tuyến tính) = 0,497 nên ta kết luận yếu tố chủ quan có ảnh hưởng hơn đến kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non [phụ lục 15.1].

### **4.3. Biện pháp tâm lý - sư phạm nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo**

#### ***4.3.1. Nâng cao nhận thức, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non***

Trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp có đào tạo giáo viên mầm non, cần phải thực hiện tốt hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nhằm tạo cơ hội cho sự phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên khoa Giáo dục Mầm non, theo chúng tôi đây là một biện pháp quan trọng.

Để làm tốt được biện pháp này, cần phải có sự tham gia đồng bộ từ phía giảng viên, chương trình đào tạo, nội dung phương pháp đánh giá, cơ sở vật chất và sự hợp tác toàn diện với các cơ sở chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, cụ thể:

#### *\* Về phía giảng viên*

Đối với các giảng viên giảng dạy các học phần Tâm lý – Giáo dục mầm non, cần chủ động cập nhật, tìm hiểu thêm các tình huống sư phạm mới nảy sinh ngoài thực tiễn và đưa vào trong quá trình giảng dạy để sinh viên trao đổi, thảo luận nhằm hình thành các kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm cho sinh viên.

Với các giáo viên giảng dạy các môn phương pháp, nghiệp vụ thì ngoài việc thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến, các yêu cầu đổi mới ngoài thực tế, cần thường xuyên củng cố các kiến thức tâm lý, giáo dục trẻ mầm non. Hiện nay, cùng với sự phát triển của xã hội, các đặc điểm phát triển tâm lý, thể lực và vận động của trẻ ngày càng có nhiều những biến đổi và phát triển đa dạng, phức tạp. Nếu phương pháp giảng dạy không phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ ngoài thực tế thì công tác chăm sóc giáo dục trẻ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần quan tâm đến việc dạy mẫu, làm mẫu. Đây là một khâu tất yếu trong quá trình hình thành kỹ năng. Các giảng viên có thể chủ động đề xuất và mời các

giáo viên giỏi từ các trường mầm non cùng thiết kế, xây dựng và làm mẫu ngay tại giảng đường. Sự sinh động trong hoạt động học tập trên lớp sẽ giúp sinh viên hình thành kỹ năng sư phạm một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

Trong quá trình giảng dạy, cần tăng cường giáo dục nhân thức cho sinh viên nhằm giúp họ ý thức được vai trò, tầm quan trọng của việc rèn kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với việc hình thành, phát triển kỹ năng nghề, từ đó sinh viên sẽ chủ động, tích cực rèn luyện thường xuyên, liên tục. Tránh hiện tượng chỉ chú trọng đến việc tiếp thu kiến thức ngành mà bỏ qua kiến thức nghiệp vụ.

*\* Về phía khoa đào tạo*

Khoa Giáo dục mầm non cần tạo cho sinh viên một môi trường với nhiều hoạt động nghiệp vụ sư phạm để sinh viên có dịp thể hiện và rèn luyện. Qua các hoạt động đó sẽ hình thành ở sinh viên không chỉ các năng lực sư phạm, các kỹ năng giao tiếp mà còn hình thành ở sinh viên ý thức với nghề, yêu nghề, tạo động lực để các thế hệ giáo viên mầm non tương lai phấn đấu học tập và rèn luyện đáp ứng nhu cầu của nghề, của xã hội. Các hoạt động có thể diễn ra từ cấp lớp, cấp khối đến cấp khoa, được tổ chức thường xuyên theo tháng, theo học kỳ, theo năm học và được tính là một đầu điểm khi xét điểm rèn luyện cho sinh viên. Các khoa xây dựng cơ chế khen thưởng phù hợp để tạo động lực cho sinh viên tham gia, đồng thời tạo điểm nhấn cho sinh viên ý thức hơn về vai trò, ý nghĩa của kỹ năng giao tiếp sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp của họ sau này.

*\* Về phía nhà trường*

- Trong chương trình đào tạo cần chú trọng đến chương trình rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, để sinh viên nhận thức rõ cơ sở khoa học cũng như nội dung và cơ chế hình thành cũng như vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của vấn đề này đối với quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ mầm non nói chung, trẻ mẫu giáo nói riêng.

Hiện nay, theo tìm hiểu của chúng tôi, trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non ở một số trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp thì các kiến thức về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non chỉ được lồng ghép vào các môn Tâm lý giáo dục chuyên ngành, và chiếm tỷ trọng rất ít trong các môn học đó, từ đó dẫn tới việc sinh viên có nhận thức chưa đúng đắn về vấn đề này. Ngoài ra, do thời lượng nghiên cứu không nhiều nên sinh viên chưa hiểu rõ được nội dung này. Thêm vào đó, khi ra trường, hàng năm vào dịp hè, các giáo viên mầm non đều được tập huấn về các vấn đề như đổi mới nội dung, phương pháp... nhưng không có nội dung rèn phát triển kỹ năng giao tiếp. Tất cả những hạn chế đó làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trong thực tế hiện nay.

- Về cơ sở vật chất, cần trang bị phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm với đầy đủ các trang thiết bị dạy học, bàn ghế, thảm ngồi .v.v... và đồ dùng đồ chơi như một phòng học của trẻ ở trường mầm non. Phòng thực hành sẽ là nơi để sinh viên và giảng viên các môn phương pháp tiến hành các hoạt động thực hành môn học một cách thường xuyên, sinh viên sẽ có cơ hội để thể hiện cách chuẩn bị môi trường chơi, đội hình chơi cũng như các bước trong giáo án tổ chức hoạt động và trải nghiệm các tình huống giao tiếp kèm theo. Ngoài ra, phòng thực hành cũng là nơi để giảng viên và sinh viên triển khai thí điểm các mô hình giáo dục mới cho trẻ mầm non thông qua các giờ dạy thực nghiệm và đảm bảo nguyên tắc giáo dục gắn lý thuyết với thực hành.

Bên cạnh đó, việc xây dựng trường mầm non thực hành và xây dựng mạng lưới trường mầm non thực hành vệ tinh cũng là một yếu tố rất quan trọng, tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành trải nghiệm ở các môi trường khác nhau, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp một cách ổn định như yêu cầu của cơ chế hình thành kỹ năng.

Hệ thống thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi trong giảng dạy cho các môn học cần được trang bị đầy đủ. Hiện nay, việc hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên mầm non hầu hết đầu thông qua các tri thức trong giáo trình, hoặc tốt hơn một chút là qua quan sát các video do các giảng viên sưu tầm. Đây là một tồn tại không nhỏ đối với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, việc dạy “chay” như vậy sẽ không tạo được cơ hội cho sinh viên thực hiện đủ 3 bước để hình thành kỹ năng giao tiếp sư phạm.

- Cần đổi mới nội dung, cách đánh giá và cách thức tổ chức các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên và có cơ chế hỗ trợ hợp lý, tạo sân chơi cho các giáo viên mầm non tương lai có cơ hội thể hiện và cạnh tranh lành mạnh.

Bên cạnh đó, nhà trường tạo điều kiện để Khoa Giáo dục Mầm non được liên kết, hợp tác toàn diện với các trường mầm non công lập, quốc tế có chất lượng đã được thẩm định để tạo cơ hội cho sinh viên giao lưu học hỏi các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong các môi trường tiên tiến, quốc tế. Như vậy, mọi hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại các cơ sở đào tạo sẽ có cơ hội thuận lợi để tiếp xúc với trẻ nhiều hơn ngay từ khi còn đang trong quá trình đào tạo, để từ đó dần hình thành ở sinh viên mầm non tình yêu nghề, mến trẻ, trên cơ sở đó phát triển kỹ năng nghề nghiệp nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm nói riêng.

#### ***4.3.2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non***

Xuất phát từ cơ chế hình thành kỹ năng giao tiếp và tình hình công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non hiện nay, chúng tôi cho rằng, đối với giáo viên mầm non, những người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non, cần được thường xuyên tham gia chương trình tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp sư phạm dành cho giáo viên mầm non.

*\* Nội dung tập huấn, bồi dưỡng:*

Nội dung thứ nhất, nâng cao nhận thức cho giáo viên mầm non về: Kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với quá trình chăm sóc giáo dục trẻ; đặc điểm trẻ mẫu giáo lớn; Bồi dưỡng năng lực chuyên môn, lòng yêu nghề mến trẻ của giáo viên mầm non.

Theo chúng tôi, trong nội dung này cần xây dựng chương trình tập huấn bao gồm các kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non như khái niệm, các kỹ năng cụ thể, vai trò nhiệm vụ cũng như tầm quan trọng, cơ chế hình thành và phát triển của kỹ năng giao tiếp sư phạm đối với công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ hiện nay. Đồng thời lồng ghép cập nhật các quan điểm tiên tiến trên thế giới về nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ để củng cố kiến thức mới cho các cô giáo mầm non, bên cạnh đó là các nội dung nhân văn (các tấm gương về cô nuôi dạy trẻ, các hy sinh của giáo viên mầm non vì thế hệ tương lai của đất nước....) khơi gợi lòng yêu nghề mến trẻ. Để quá trình tác động đến trẻ đạt hiệu quả, thì người giáo viên phải thực sự hiểu đối tượng mà mình tác động. Hiện nay, cùng với sự phát triển của xã hội, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mầm non nói chung, trẻ mẫu giáo nói riêng cũng có nhiều biến đổi. Chế độ chăm sóc về dinh dưỡng cùng nhận thức của cha mẹ và các thành viên trong gia đình đã chuẩn bị cho trẻ một tâm lý khác với những trẻ mầm non và mẫu giáo của những năm về trước. Chế độ dinh dưỡng hiện nay với đầy đủ các chất đã giúp trẻ có sự phát triển nhanh, mạnh hơn nhiều, hiện tượng béo phì đã dần lấn chiếm hiện tượng còi xương chậm lớn trước đây. Các phương tiện, đồ dùng đồ chơi của trẻ hiện nay cũng hiện đại hơn, môi trường mà trẻ tiếp xúc cũng rộng hơn... Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên sự phát triển và những đặc điểm tâm lý mới của lứa tuổi. Nếu giáo viên mầm non không được thường xuyên nắm bắt các đặc điểm đó của trẻ thì việc giao tiếp với trẻ sẽ gặp những khó khăn hạn chế.



Nội dung thứ hai: Các giáo viên mầm non sẽ được quan sát các mẫu chuẩn của các chuyên gia, các giáo viên mầm non giỏi trong xử lý tình huống sư phạm giữa giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, sau đó chỉ ra ưu điểm và cơ sở khoa học của các hướng xử lý đó. Tiếp theo, các chuyên gia sẽ đưa ra các tình huống trong đó có sự xử lý chưa khoa học, các giáo viên mầm non sẽ quan sát và phân tích, chỉ ra những nội dung xử lý còn hạn chế và thảo luận theo nhóm để đưa ra cách xử lý phù hợp.

Trên cơ sở được lĩnh hội đầy đủ các kiến thức đó, các giáo viên mầm non sẽ vận dụng để thực hiện nội dung thứ 3

Nội dung thứ 3: Các giáo viên mầm non được luyện tập theo nhóm để tiến hành xử lý các tình huống sư phạm giữa giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo theo đúng yêu cầu, điều kiện giao tiếp và cơ sở khoa học đã được lĩnh hội, nhằm đạt được mục đích yêu cầu giáo dục trẻ. Các tình huống sẽ bao gồm các nội dung giao tiếp giữa cô và trẻ mẫu giáo ở các hoàn cảnh chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ khác nhau trong ngày, các tình huống chứa đựng các mâu thuẫn, xung đột giữa các trẻ với nhau, giữa trẻ với hoàn cảnh xung quanh, giữa nhận thức còn hạn chế của trẻ với những quy luật khách quan của sự vật hiện tượng, giữa trẻ với cô giáo khác, giữa trẻ với các nội dung giáo dục trong ngày (đón trẻ, trả trẻ, tổ chức cho trẻ vui chơi, cho trẻ ngủ.. v..v.). Nhằm giúp giáo viên phát triển kỹ năng xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình tiếp xúc với trẻ.

*\* Hình thức và phương pháp tổ chức tập huấn bồi dưỡng*

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy hàng năm các giáo viên mầm non đều được tham gia các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức vào dịp nghỉ hè hàng năm. Vì vậy, chương trình tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp cho giáo viên mầm non cũng sẽ được xây dựng và lồng ghép vào chương trình bồi dưỡng hè hàng năm. Trước khi tiến hành tập huấn,

chúng tôi sẽ đánh giá phân loại các mức độ kỹ năng giao tiếp hiện có của giáo viên, trên cơ sở đó sẽ thiết kế dung lượng kiến thức phù hợp, khi kết thúc khóa tập huấn sẽ tiến hành đo lại để đánh giá kết quả đạt được. Việc thực hiện sẽ được sự đồng ý của các cơ quan quản lý trực thuộc trường và phòng, sở giáo dục mầm non sở tại.

### ***4.3.3. Xây dựng môi trường văn hóa sư phạm tích cực, lành mạnh ở các trường mầm non***

Đây là một trong những biện pháp quan trọng, vừa tạo điều kiện khách quan thuận lợi, vừa tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm cho các giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo, góp phần nâng cao vị thế của giáo viên mầm non trong xã hội. Thực tiễn cho thấy, nếu điều kiện và môi trường làm việc không bảo đảm, bản thân người làm việc sẽ giảm hứng thú, giảm hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp. Để xây dựng môi trường văn hóa sư phạm tích cực, lành mạnh cho giáo viên mầm non, cần phải:

*Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên mầm non được tham gia bồi dưỡng nâng cao phẩm chất và năng lực sư phạm.* Khi các giáo viên mầm non có phẩm chất, năng lực sư phạm tốt, tham gia các hoạt động xã hội và được xã hội đánh giá cao sẽ là động lực để mỗi người giáo viên mầm non tích cực tu dưỡng, rèn luyện nâng cao kỹ năng giao tiếp, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

*Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố các mối quan hệ qua lại tốt đẹp trong các trường mầm non.* Bởi lẽ, mối quan hệ qua lại tốt đẹp trong các trường mầm non có ảnh hưởng rất lớn tới đời sống tinh thần của mỗi giáo viên, tập thể giáo viên và hiệu quả làm việc của tập thể. Các nghiên cứu tâm lý học đã chỉ ra rằng mối quan hệ liên nhân cách giữa các thành viên trong tập thể là nguồn gốc quyết định trực tiếp tới các trạng thái tâm lý tạo thành bầu không khí tâm lý trong tập thể. Do vậy, trong tập thể trường mầm non, sự đoàn kết, gắn bó,

thương yêu, tôn trọng và quan tâm giúp đỡ lẫn nhau giữa các cán bộ quản lý nhà trường với giáo viên, giữa giáo viên với giáo viên sẽ tạo lập được bầu không khí hoà thuận, tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi giáo viên tích cực tự học tập, tu dưỡng rèn luyện nâng cao kỹ năng giao tiếp của mình, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Ngược lại, một tập thể nhà trường mà các mối quan hệ qua lại thiếu tích cực, lành mạnh, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thiếu quan tâm giúp đỡ lẫn nhau... lý sẽ gây ra không khí căng thẳng, nặng nề... ảnh hưởng xấu tới hiệu quả làm việc của mỗi người và của tập thể, đồng thời hạn chế sự phát triển kỹ năng giao tiếp của giáo viên.

*Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.* Trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, mối quan hệ giữa tính tích cực hoạt động với động lực vật chất và tinh thần của con người là yếu tố quan trọng quyết định tới chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ của họ. Thực tế trong thời gian vừa qua cho thấy, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo viên mầm non tuy đã có những đổi mới nhất định, tạo cho giáo viên mầm non thêm yêu nghề, mến trẻ. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta hiện nay, công tác bảo đảm chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non còn nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập, cuộc sống của phần lớn giáo viên mầm non còn rất nhiều khó khăn, khả năng bảo đảm của Nhà nước chưa theo kịp so với nhu cầu thực tế của giáo viên mầm non. Vì vậy, hiện nay cần tập trung thực hiện tốt các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với giáo viên mầm non, giáo dục mầm non, đảm bảo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ giáo viên mầm non như: tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương và phụ cấp; tạo điều kiện cho giáo viên mầm non được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ tri thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm; chăm lo bảo đảm thỏa mãn các nhu cầu văn hóa tinh thần chính đáng của giáo viên mầm non và những đòi hỏi chính đáng để giáo viên mầm non yên tâm công tác, thêm yêu nghề mến trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

#### ***4.3.4. Tích cực hóa hoạt động tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của giáo viên mầm non***

Tích cực hóa hoạt động tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của giáo viên mầm non trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp là biện pháp chủ yếu và trực tiếp để mỗi cá nhân bổ sung, bù đắp thêm những thiếu hụt về năng lực, kinh nghiệp cũng như phẩm chất đạo đức đáp ứng với sự vận động, phát triển không ngừng của xã hội. Cơ chế hình thành kỹ năng đã cho thấy, kỹ năng giao tiếp sư phạm không có sẵn mà được hình thành và phát triển trong suốt quá trình hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Mỗi hoạt động giáo dục đều thông qua khả năng tiếp nhận, chuyển hóa các tác động bên ngoài thành quá trình tự giáo dục, rèn luyện của giáo viên mầm non. Phát huy tính tích cực tự học, tự tu dưỡng rèn luyện ở mỗi giáo viên mầm non cũng là một yếu tố đặc biệt quan trọng nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm cho chính họ. Vì vậy, để nâng cao tính tích cực tự học, tu dưỡng, rèn luyện của giáo viên mầm non nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp nói chung, kỹ năng giao tiếp sư phạm nói riêng, cần phải quan tâm giải quyết đồng bộ một số nội dung chủ yếu sau:

*Một là, tăng cường giáo dục động cơ nghề nghiệp (yêu nghề mến trẻ...), bồi dưỡng tinh thần tự giác rèn luyện tu dưỡng thông qua các hình thức tuyên truyền vận động, nêu gương người tốt việc tốt.* Tính tích cực tự giác tu dưỡng rèn luyện của giáo viên mầm non chỉ có kết quả tốt khi chính học nhận thức đúng đắn những yêu cầu, chuẩn mực về phẩm chất chính trị, phẩm chất trí tuệ, đạo đức, lối sống và năng lực nghề nghiệp của người giáo viên mầm non. Để xây dựng được tinh thần thái độ, động cơ tự học tập, tu dưỡng rèn luyện đúng đắn cho đội ngũ giáo viên mầm non, các cán bộ quản lý trường mầm non cần phải tăng cường công tác giáo dục thường xuyên cho các giáo viên mầm non để họ nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của việc tự học, tự tu dưỡng và rèn luyện của bản thân đối với hoạt động nghề nghiệp của mình, thấy

rõ những yêu cầu, đòi hỏi khách quan và tiêu chuẩn của nghề giáo viên mầm non. Đặc biệt cần phải giáo dục cho mỗi giáo viên mầm non nhận thức sâu sắc rằng: các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cũng như trình độ năng lực chuyên môn không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có, mà một phần lớn là do trải qua quá trình học tập, rèn luyện thường xuyên liên tục, nghiêm túc, bền bỉ.

*Hai là, định hướng giáo viên mầm non xây dựng kế hoạch, nội dung tự học, tự rèn luyện nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm.* Định hướng giáo viên mầm non trong tự học, tự rèn nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm đóng một vai trò rất quan trọng. Bởi ý thức trách nhiệm của giáo viên mầm non sẽ thôi thúc họ vươn lên, chiếm lĩnh các tri thức chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao phẩm chất, năng lực, kỹ năng giao tiếp và vận dụng các kỹ năng đó một cách có hiệu quả trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ. Theo đó, mỗi giáo viên mầm non cần phải tự xác định rõ về mình và tích cực giải quyết những mâu thuẫn giữa yêu cầu nhiệm vụ của nghề, của đơn vị mình với những hạn chế, bất cập của bản thân để xây dựng kế hoạch, xác định quyết tâm thường xuyên tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cần thiết và phẩm chất đạo đức, lối sống, phương pháp làm việc của mình để hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục. Dựa trên sự đánh giá đúng bản thân mình, biết được ưu nhược điểm của mình, mỗi giáo viên mầm non cần tự xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, biện pháp và ý chí quyết tâm tự học tập, tu dưỡng rèn luyện.

*Ba là, thúc đẩy nhu cầu tự tu dưỡng, rèn luyện nâng cao kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non thông qua các hoạt động thực tiễn ở các trường mầm non.* Nhu cầu tự tu dưỡng, rèn luyện, tự hoàn thiện của giáo viên mầm non đóng vai trò quan trọng trong phát triển phẩm chất, năng lực nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên nói riêng, từ đó tạo ra chất lượng, hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Do đó, để thúc đẩy nhu cầu này cần tổ chức tốt sinh hoạt tự phê bình và phê bình hàng năm nhằm đánh

giá đúng ưu điểm, hạn chế của giáo viên mầm non, giúp họ nhận thức về những hạn chế của bản thân, những điều thực hiện được và những nội dung thực hiện còn chưa đạt hiệu quả, qua đó có kế hoạch tự tu dưỡng, rèn luyện. Kịp thời công khai biểu dương, khen thưởng những giáo viên có nhiều thành tích trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non để thúc đẩy hơn nhu cầu tự khẳng định, tự hoàn thiện của họ. Qua đó lựa chọn tấm gương tiêu biểu, hành động mẫu mực, nhân rộng điển hình trong toàn trường. Mặt khác, kịp thời phê phán những thái độ, hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

*Bốn là, xây dựng, ban hành những văn bản có tính pháp lý để từng giáo viên mầm non tham gia vào bồi dưỡng và tự bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp sư phạm.*

Với những yêu cầu cao của thực tế hiện nay, giáo viên mầm non và cán bộ quản lý của các trường mầm non cần phải được bồi dưỡng còn khá lớn. Điều này đặt ra cho cán bộ quản lý một mặt phải khuyến khích giáo viên tự bồi dưỡng, mặt khác phải có những cơ chế quy định buộc giáo viên phải tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để phát triển và hoàn thiện phẩm chất năng lực, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp sư phạm của mỗi giáo viên.

Ban Giám hiệu các nhà trường căn cứ vào những quy chế, quy định của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên để xây dựng và ban hành những văn bản mang tính pháp lý để buộc các giáo viên phải tham gia vào bồi dưỡng và tự bồi dưỡng. Xây dựng những chế độ, quy định trong bồi dưỡng và tự bồi dưỡng. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục động cơ, thái độ trách nhiệm với duy trì nghiêm túc các chế độ quy định trong bồi dưỡng và tự bồi dưỡng. Nhà trường phải đặt ra những yêu cầu cao đối với đội ngũ giáo viên không chỉ trong việc nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm mà còn cả trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống phong cách, tác phong của nhà giáo, để mỗi nhà giáo thực sự là tấm gương mẫu mực trong tự bồi dưỡng, tự học và tự rèn luyện.

#### 4.4. Kết quả thực nghiệm tác động

##### 4.4.1. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm.

Kết quả thực nghiệm tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng giao tiếp sư phạm bằng cách tập huấn thông qua các kiến thức lý thuyết cơ bản về kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non và các tình huống sư phạm (phụ lục 8 và 9) đã cho thấy có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Mục đích và quy trình thực nghiệm chúng tôi đã mô tả kỹ ở chương 2, ở phần này tác giả chỉ trình bày kết quả thực nghiệm tác động, kết quả những thay đổi về kỹ năng giao tiếp sư phạm sau tác động thực nghiệm thu được thông qua điều tra bằng bảng hỏi được chúng tôi xử lý bằng so sánh cho thấy kỹ năng giao tiếp sư phạm trước và sau thực nghiệm tác động có sự khác biệt đáng kể.

Tại bảng *tương quan các cặp mẫu* cả 3 kỹ năng (phụ lục 16)

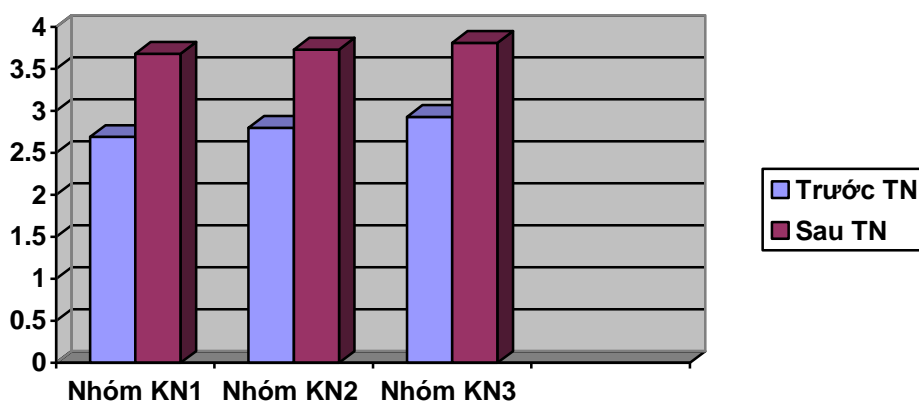
Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, với mức ý nghĩa  $sig. = 0,000 < 0,05$  nên giá trị khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Điểm trung bình trước thực nghiệm của kỹ năng này là  $\bar{X} = 2.81$  (kỹ năng ở mức trung bình), sau tác động thực nghiệm ở lần 3 đã nâng lên  $\bar{X} = 3.74$  (kỹ năng ở mức cao), điểm chênh lệch giữa trước và sau tác động sư phạm là 0.93.

Việc sử dụng kiểm nghiệm  $t$  cho mẫu cặp là ta loại trừ được những yếu tố tác động bên ngoài vào nhóm thử. Phương pháp này nó kiểm nghiệm giả thuyết cho rằng sự khác biệt giữa hai trung bình mẫu là bằng không. Ta từ chối giả thuyết này khi mức ý nghĩa của kết quả kiểm nghiệm nhỏ hơn mức ý nghĩa cho trước ( $sig.$  thường là 5%).

Do  $P < 0,05$  nên có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi so sánh cặp lần thứ nhất với lần thứ ba  $r = 0.83$  và  $P = 0.000$  (phụ lục 16) nên ta có cơ sở để khẳng định giá trị trung bình của kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trước và sau thực nghiệm tác động là khác nhau. Thống kê ba kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trước và sau thực nghiệm được thể hiện ở bảng 4.11 (phụ lục 16) và biểu đồ 4.6.

*Bảng 4.11: Kết quả khảo sát kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trước và sau thực nghiệm*

TT	Kỹ năng giao tiếp sư phạm	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	2.69	0.63	3.68	0.51
2	Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động	2.80	0.58	3.73	0.50
3	Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	2.93	0.55	3.81	0.48
	<b>Điểm trung bình chung</b>	<b>2.81</b>	<b>0.59</b>	<b>3.74</b>	<b>0.50</b>



*Nhóm kỹ năng 1: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ*

*Nhóm kỹ năng 2: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động*

*Nhóm kỹ năng 3: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp*

*Biểu đồ 4.6: Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo trước và sau thực nghiệm*

#### **4.4.2. Kết quả đo nghiệm kỹ năng giao tiếp sư phạm**

##### **4.4.2.1. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ sau thực nghiệm**



Sau khi có tác động sư phạm theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, độc lập nhằm nâng cao kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ. Sau 2 lần được hướng dẫn kỹ năng, giáo viên mầm non thực hiện kết quả thu được so với chưa có hướng dẫn thể hiện ở bảng 4.12 (phụ lục 16).

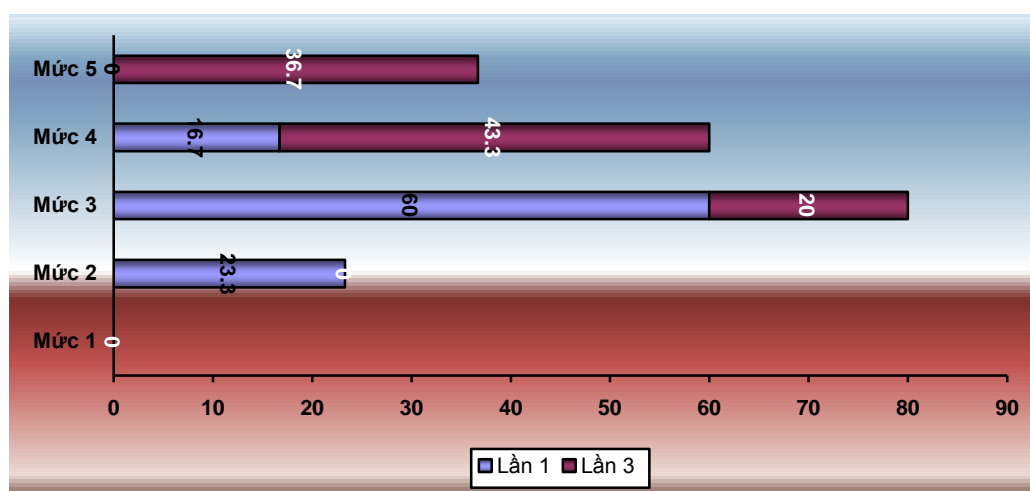
*Bảng 4.12: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ thống kê theo tần suất*

<b>Mức độ thực hiện</b> N = 30	<b>Lần 1</b>		<b>Lần 2</b>		<b>Lần 3</b>	
	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>	<i>SL</i>	<i>%</i>
Mức 1	0	0	0	0	0	0
Mức 2	7	23.3	2	6.7	0	0
Mức 3	18	60	13	43.3	6	20
Mức 4	5	16.7	9	30	13	43.3
Mức 5	0	0	6	20	11	36.7
<b>Điểm trung bình chung</b>	$\bar{X} = 2.69$	0.63	$\bar{X} = 2.73$	0.59	$\bar{X} = 3.68$	0.51

Kết quả thu được ở bảng 4.12 cho thấy: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ được đánh giá là thấp nhất trong 3 nhóm kỹ năng tạo nên kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Trước thực nghiệm, nhóm kỹ năng này ở mức trung bình, điểm trung bình  $\bar{X} = 2.69$ . Kỹ năng này ở giáo viên mầm non chất lượng còn thấp, đa số chỉ ở mức 3, (mức trung bình 60%), rất ít giáo viên mầm non có kỹ năng ở mức 4, (mức cao 16.7%). Sau khi tập huấn, bồi dưỡng, điểm trung bình của kỹ năng này được nâng lên đáng kể  $\bar{X} = 3.69$ . Sự thay đổi rõ rệt của các mức trong kỹ năng này cả về tổng điểm và mức độ chất lượng. Không có kỹ năng nào ở mức 1 và 2 (mức rất thấp và mức thấp); mức trung bình (mức 3) giảm rõ rệt từ 60% xuống còn 20%; trong đó tăng nhiều là mức 4 từ 16.7% lên 43.3% và mức 5 từ không có giáo viên nào đạt chuẩn mức này đã lên đến 36.7%. Chênh lệch điểm trung bình giữa trước và sau tập huấn bồi dưỡng là 0.99. (phụ lục 16)

Quan sát trực tiếp cuộc tiếp xúc, trò chuyện với giáo viên mầm non chúng tôi thấy, trong thiết lập mối quan hệ với trẻ, giáo viên khá cởi mở, thân thiện và

đồ dành, ít có các biểu hiện quát mắng trẻ. Một giáo viên khi được phỏng vấn cho biết, “ *Trước đây, khi đón trẻ, đôi khi chúng em đã thể hiện nét mặt nghiêm khắc để dọa trẻ, để trẻ sợ không dám khóc mà phải nghe lời cô đón vào lớp, nhưng khi được tập huấn hướng dẫn chúng em thấy sự gần gũi giữa cô và trẻ giúp trẻ tự tin thích gần gũi cô hơn, vui vẻ hơn khi được đón vào lớp* ”. Đây cũng là đánh giá của nhiều giáo viên đó là sự thay đổi quan trọng trong thói quen khi giao tiếp với trẻ sau tập huấn. Kết quả tiến bộ đó thể hiện qua biểu đồ 4.7:



*Biểu đồ 4.7: Kỹ năng thiết lập quan hệ với trẻ trước và sau thực nghiệm*

Tóm lại, sau khi được tập huấn, bồi dưỡng các nghiệm thể tác động thực nghiệm đã có sự chuyển biến rõ nét trong tâm trạng và thói quen suy nghĩ của bản thân, đã chú ý nhiều đến tâm tư cảm xúc, của trẻ mẫu giáo để có hành vi ứng xử phù hợp khi thiết lập mối quan hệ với trẻ

#### *4.4.2. Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động sau khi thực nghiệm*

Nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động được cải thiện rõ rệt nhất sau tác động thực nghiệm. Để xem xét những thay đổi của kỹ năng này, chúng tôi nghiên cứu kết quả đánh giá của nhiều phương pháp, đặc biệt là quan sát trực tiếp, bảng hỏi. Kết quả cho thấy, sau tác động thực nghiệm, giáo viên mầm non đã có những thay đổi rõ rệt ở kỹ năng này (phụ lục 16):

Bảng 4.13: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động thống kê theo tần suất

Mức độ thực hiện N = 30	Lần 1		Lần 2		Lần 3	
	SL	%	SL	%	SL	%
Mức 1	0	0	0	0	0	0
Mức 2	5	16.7	0	0	0	0
Mức 3	19	63.3	12	40	3	10
Mức 4	6	20	12	40	17	56.7
Mức 5	0	0	6	20	10	33.3
<b>Điểm trung bình chung</b>	$\bar{X} = 2.80$	0.58	$\bar{X} = 2.85$	0.54	$\bar{X} = 3.73$	0.50

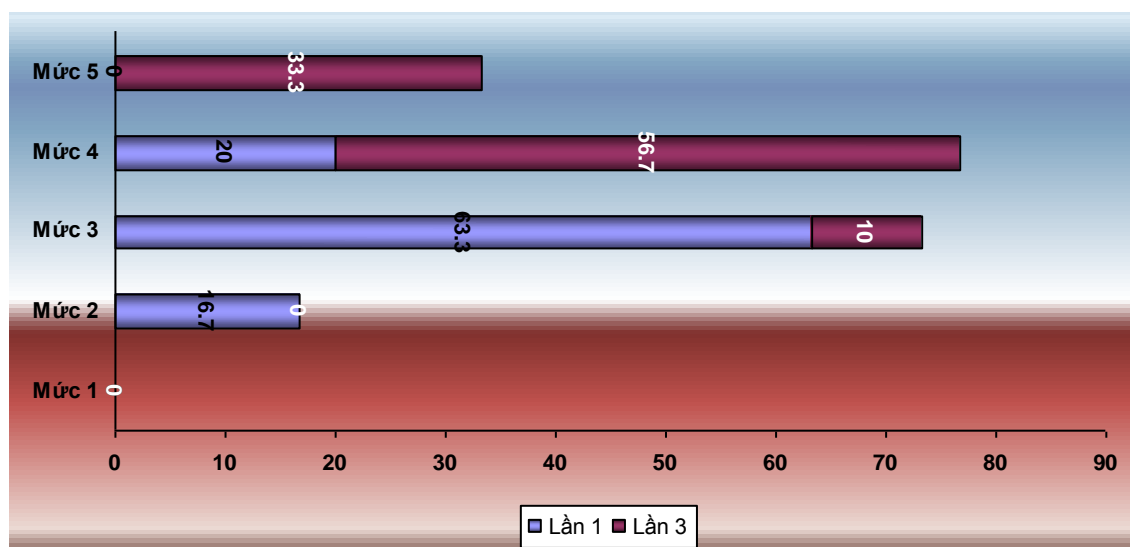
Theo số liệu tại bảng 4.13, điểm trung bình của kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động trước thực nghiệm ở mức trung bình  $\bar{X} = 2.80$ , sau tác động của thực nghiệm đã có xu hướng tăng ở mức thành thạo  $\bar{X} = 3.73$ , chênh lệch giữa lần 1 và lần 3 là 0.93.

Mức tiến bộ rõ nét nhất trong nhóm kỹ năng này sau đo lần 3 là mức 5, ở mức này khi đo khởi điểm chưa có tác động không có giáo viên nào đạt mức rất cao. Điểm trung bình của mức này sau thực nghiệm là  $\bar{X} = 3.73$  với 33.3% ở mức rất cao.

Trong khi mức trung bình (mức 3) chiếm tỷ lệ cao nhất, lúc đo khởi điểm là 63.3%, nhưng sau khi được tập huấn, bồi dưỡng ở lần thứ 3 đã giảm rõ rệt chỉ còn 10% giáo viên ở mức này. Ở mức cao (mức 4) trước thực nghiệm chỉ có 20% giáo viên có kỹ năng ở mức này, sau tác động sư phạm ở lần thứ ba, số giáo viên đạt kỹ năng ở mức 4 đã tăng lên rõ rệt với 56.7%. Ở mức rất cao (mức 5) cũng vậy, khi đo khởi điểm kỹ năng này không có giáo viên mầm non nào đạt được, sau lần thứ ba bồi dưỡng, mức rất cao này đã có 33.3% giáo viên đạt được mức này.

Tìm hiểu kỹ hơn các mặt cụ thể cho thấy, việc trao đổi thông tin, hiểu biết nhận thức, tình cảm, sở thích của trẻ là việc làm cần thiết giúp cho giáo

viên nhận biết được cảm xúc, và biểu cảm từ đó biết cách tác động đến trẻ. Khi được tập huấn giáo viên mầm non nhanh chóng nhận thức và thực hiện kỹ năng giao tiếp thuần thục hơn. Như vậy, kết quả thu được của thực nghiệm tác động sư phạm chứng tỏ những vấn đề đặt ra trong giả thuyết của luận án là đúng đắn. Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo đã được thay đổi theo chiều hướng tăng lên rõ rệt khi có sự tác động của tập huấn, bồi dưỡng những kiến thức nhất định, chia sẻ kinh nghiệm, rèn luyện thực hành (phụ lục 16). Các hạn chế về kỹ năng giao tiếp sư phạm như ứng xử, thiết lập các mối quan hệ với trẻ chưa tốt, chưa hoà đồng, thân thiện đã được khắc phục. Tính thuyết phục trong trao đổi thông tin đã được nâng lên rõ rệt. Sự lắng nghe và biết lắng nghe trẻ mẫu giáo đã trở lên tốt hơn ở hầu hết các khách thể tham gia thực nghiệm tác động. Kết quả tiến bộ đó được thể hiện qua biểu đồ 4.8:



*Biểu đồ 4.8: Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động trước và sau thực nghiệm*

Kết quả sự tiến bộ rõ rệt thông qua nội dung tập huấn bước đầu mang tính cơ bản là trang bị những kiến thức nhất định về kỹ năng giao tiếp sư

phạm của giáo viên mầm non. Nếu quá trình này được tổ chức chặt chẽ, được tổ chức thường xuyên sẽ là cơ hội tốt để nâng cao trình độ kỹ năng giao tiếp sư phạm giúp cho hoạt động chuyên môn của giáo viên mầm non có chiều sâu và chất lượng tốt.

#### 4.4.3. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp của giáo viên mầm non sau thực nghiệm

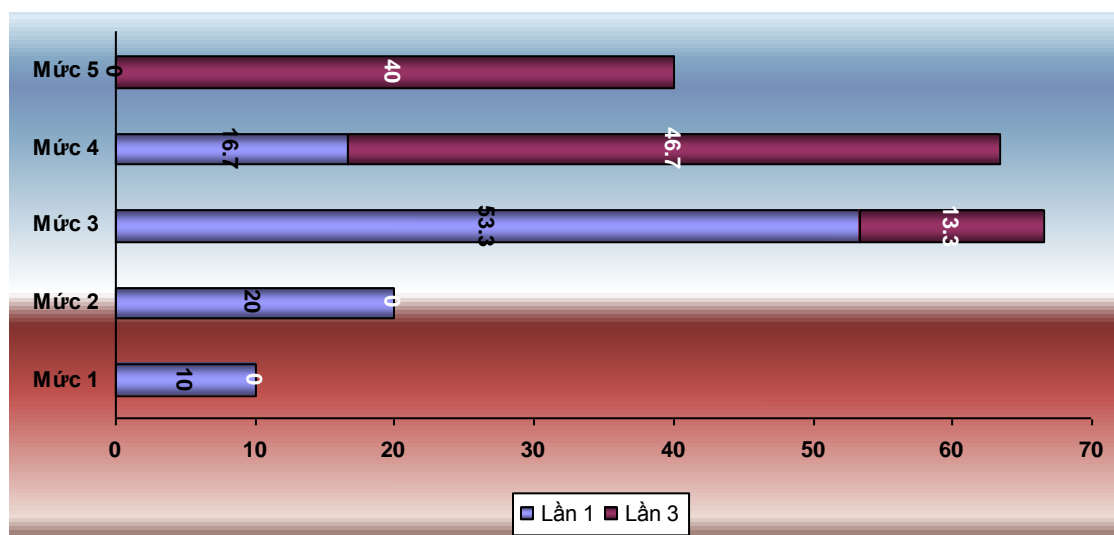
Việc sử dụng phương tiện giao tiếp được thực hiện chủ yếu thông qua kỹ năng nói, kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt, điệu bộ, trang phục và sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Kỹ năng này ở giáo viên mầm non khi đo khởi điểm chỉ ở mức trung bình, sau khi được tập huấn kỹ năng này tiến bộ rõ rệt. Kết quả thực nghiệm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non thể hiện ở bảng 4.14.

Bảng 4.14: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp của giáo viên mầm non thống kê theo tần suất

Mức độ thực hiện N = 30	Lần 1		Lần 2		Lần 3	
	SL	%	SL	%	SL	%
Mức 1	3	10	0	0	0	0
Mức 2	6	20	3	10	0	0
Mức 3	16	53.3	11	36.7	4	13.3
Mức 4	5	16.7	9	30	14	46.7
Mức 5	0	0	7	23.3	12	40
<b>Điểm trung bình chung</b>	$\bar{X} = 2.93$	<b>0.55</b>	$\bar{X} = 2.96$	<b>0.53</b>	$\bar{X} = 3.81$	<b>0.48</b>

Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp có sự tiến bộ rõ rệt so với trước khi thực nghiệm. Điểm trung bình của kỹ năng này  $\bar{X} = 2.93$  kỹ năng chỉ ở mức trung bình. Cũng như các kỹ năng khác, kỹ năng này trước khi tập huấn, số giáo viên ở mức 3 chiếm đa số 53.3%, không có giáo viên nào ở mức 5, mức rất cao,

thậm chí còn có 10% giáo viên ở mức thấp. Tuy nhiên sau khi được tập huấn ở lần thứ ba kỹ năng này tiến bộ rất nhanh ở mức 4 là 46.7%. Mức 3 giảm từ 53.3% xuống còn 13.3%, mức 5 trước khi tác động sư phạm ở lần đầu không có giáo viên nào đạt kỹ năng ở mức này nhưng sau khi được bồi dưỡng thì mức này đã lên 40% giáo viên đạt được mức rất cao. Đây được xem như là sự thành công lớn của quá trình tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên mầm non. Điều này cho phép chúng tôi một lần nữa khẳng định phương thức tập huấn bồi dưỡng là rất cần thiết và phù hợp với giáo viên mầm non. Kết quả thể hiện qua biểu đồ 4.9.



Biểu đồ 4.9: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp trước và sau thực nghiệm

*Tóm lại:* Kết quả thực nghiệm chúng tôi có thể nhận xét rằng, các biện pháp tác động được sử dụng trong luận án này là phù hợp với giáo viên mầm non. Thông qua thực nghiệm tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên có biến đổi rõ rệt. Kỹ năng giao tiếp sư phạm được cải thiện rõ rệt, đa số giáo viên mầm non đạt mức độ cao và rất cao, không còn giáo viên thực hiện mức độ rất thấp và thấp, tỷ lệ giáo viên ở mức độ trung bình giảm đi rõ rệt. Như vậy, thông qua tập huấn, bồi dưỡng có thể giúp giáo viên mầm non nâng cao hiểu biết của mình về cách thức tiến hành các kỹ năng giao tiếp sư phạm, thực hiện đầy đủ, thuần thục và linh hoạt các kỹ năng giao tiếp sư phạm.

#### **Kết luận chương 4**

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non hiện nay ở mức trung bình, giáo viên bước đầu biết sử dụng các kỹ năng giao tiếp, việc thực hiện các kỹ năng này đầy đủ nhưng chưa thành thạo và linh hoạt. Trong các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm thì nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ được giáo viên thực hiện tốt hơn cả.

Trong giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non có sự khác biệt giữa trình độ học vấn, giáo viên có trình độ học vấn đại học có kỹ năng giao tiếp tốt hơn giáo viên ở trình độ trung cấp ở cả ba nhóm kỹ năng. Với thâm niên nghề nghiệp cũng cho thấy có sự khác biệt giữa những giáo viên có thâm niên nghề nghiệp cao hơn với giáo viên ít năm công tác. Điều này cho thấy bên cạnh kiến thức thì kinh nghiệm nghề nghiệp góp phần quan trọng cho hình thành phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm của họ. Do vậy, bên cạnh việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho giáo viên rất cần trao đổi kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp cho họ.

Có nhiều yếu tố tác động ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, trong đó yếu tố nhận thức có ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của họ; yếu tố lòng yêu nghề, mến trẻ; môi trường và điều kiện làm việc có ảnh hưởng nhất định đến kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non.

Kết quả thực nghiệm tác động sư phạm cho thấy khi giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng thì kết quả có nâng lên rõ rệt. Như vậy, kết quả có được sau tác động thực nghiệm cho phép chúng tôi nhận xét rằng, các biện pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là phù hợp với việc nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo. Do vậy, cần áp dụng linh hoạt các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo thế hệ mầm non của đất nước.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Kỹ năng giao tiếp sư phạm đóng vai trò rất quan trọng, không thể thiếu đối với giáo viên mầm non khi chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo. Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo có ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo chúng tôi nhận thấy:

Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của cá nhân vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp giữa các chủ thể trong những điều kiện xác định.

Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là sự vận dụng kiến thức kinh nghiệm của giáo viên mầm non vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức tình cảm hành động và sử dụng các phương tiện giao tiếp với trẻ mẫu giáo trong những điều kiện xác định. Là một kỹ năng quan trọng, tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ thực hiện kỹ năng này ở các giáo viên mới chỉ ở mức trung bình ( $\bar{X} = 2,83$ ), đa số giáo viên mầm non chưa chú ý rèn luyện nâng cao kỹ năng này cho bản thân.

Cấu thành kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo là ba nhóm kỹ năng, gồm: nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ, nhóm kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp. Cả ba nhóm này giáo viên mầm non đều thực hiện ở mức trung bình của thang đo. Trong đó thực hiện thấp nhất là kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ ( $\bar{X} = 2,71$ ); xếp thứ 2 là kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động ( $\bar{X} = 2,82$ ); đạt mức cao nhất là nhóm kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp ( $\bar{X} = 2,96$ ).



Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra, có hai nhóm yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo bao gồm nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan, trong đó nhóm yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, có thể nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo bằng các biện pháp tác động sư phạm phù hợp với đối tượng. Điều đó cho phép khẳng định hướng thực nghiệm là phù hợp và có tính khả thi. Kết quả nghiên cứu phù hợp với giá thiết của đề tài.

## **2. Kiến nghị**

### ***\* Đối với giáo viên mầm non***

Cần ý thức rõ trách nhiệm và giá trị nghề nghiệp của mình với sự nghiệp giáo dục mầm non nói chung, giáo dục trẻ mẫu giáo nói riêng, từ đó tạo động lực cho bản thân tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng hoàn thiện kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo. Thường xuyên rèn luyện tính những nét tính cách phù hợp với lứa tuổi mầm non, say sưa tâm huyết với nghề nuôi dưỡng, chăm sóc dạy dỗ trẻ, để giúp trẻ phát triển, hoàn thiện nhân cách, đạt mục tiêu giáo dục mầm non.

### ***\* Đối với các trường mầm non***

Cần nghiên cứu chương trình bồi dưỡng giáo viên mầm non, không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt, trong đó chú trọng bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp sư phạm với trẻ mẫu giáo cho họ.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng, các phương tiện dạy học đòi hỏi có sự tương tác giữa giáo viên với trẻ và giữa trẻ với trẻ để phát triển thêm nhiều kỹ năng cho cô và trẻ. Giúp giáo viên mầm non có thể áp dụng những phương pháp dạy học mới cho trẻ một cách tốt nhất.

Cần cân đối quy mô các lớp học cho phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo, tạo không gian phù hợp cho trẻ vui chơi kết hợp với tạo điều kiện cho giáo viên mầm non học tập, nâng cao trình độ chuyên môn.

Có chính sách khuyến khích giáo viên công tác trong ngành mầm non, bảo đảm tốt hơn nữa đời sống vật chất tinh thần cho giáo viên mầm non yên tâm công tác, hết lòng vì sự nghiệp trồng người.

**\* Đối với các trường đào tạo giáo viên mầm non**

Cần nghiên cứu soạn thảo chương trình đào tạo kỹ năng giao tiếp sư phạm cho giáo viên mầm non một cách đầy đủ, hợp lý, khoa học nhất.

Coi trọng trang bị kiến thức với thực tiễn nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, trang bị thêm những kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động dạy trẻ thông qua các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên tại trường.

Tạo điều kiện cho sinh viên thường xuyên tiếp cận với trẻ để hình thành phát triển kỹ năng giao tiếp ngay từ những năm đầu khoá học thông qua các hoạt động thực hành, thực tập thường xuyên tại các trường mầm non.

Có chính sách và đãi ngộ hợp lý để thu hút học sinh phổ thông có học lực khá, giỏi vào học ngành mầm non như học bổng, bố trí nơi công tác sau khi tốt nghiệp.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Vũ Thúy Hoàn (2016), “Phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục mầm non trường Đại học Thủ Đô Hà Nội”. *Tạp chí Khoa học, số 6, 2016.*
2. Vũ Thúy Hoàn (2017), “Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo và tiêu chí đánh giá”. *Tạp chí Giáo dục, số 409, kỳ 1/7/2017*
3. Vũ Thúy Hoàn (2017), “Một số biện pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo”. *Tạp chí Giáo dục số 417, kỳ 1/11/2017*
4. Vũ Thúy Hoàn (2017), “Một số yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo”, *Tạp chí Khoa học, số 21, 2017.*
5. Vũ Thúy Hoàn (2017), “Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ mẫu giáo của giáo viên mầm non”. *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 10, 2017*
6. Vũ Thúy Hoàn (2018), “Kỹ năng trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo”, *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 1, 2018*

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Như An (1995), *Quy trình rèn luyện hệ thống kỹ năng giảng dạy trên lớp môn Giáo dục học cho sinh viên khoa TL-GD*, Luận án tiến sĩ, ĐHSP Hà Nội
2. Hoàng Anh (1992), *Kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên*, Luận án phó tiến sĩ khoa học sư phạm tâm lý, ĐHSP Hà nội.
3. Hoàng Anh và Vũ Kim Thanh (1995), *Giao tiếp sư phạm*, Hà nội.
4. Hoàng Anh (2007), *Hoạt động – Giao tiếp – Nhân cách*, NXB ĐHSP Hà Nội.
5. Hoàng Thị Anh (1992), *Vấn đề giao tiếp sư phạm trong cấu trúc năng lực sư phạm*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, Số 4/1992
6. Chu Liên Anh (2010), *Kỹ năng thể hiện sự trung thực với khách hàng của luật sư trong tư vấn pháp luật*, Tạp chí Tâm lý học, số 10/2010
7. Chu Liên Anh (2011), *Kỹ năng tư vấn của luật sư*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học Xã hội.
8. Lê Tuyết Ánh (1999), *Nhu cầu và kỹ năng định hướng giao tiếp của hiệu trưởng tiểu học trong tập thể sư phạm*, Luận án phó tiến sĩ, ĐHSP Hà Nội.
9. Bộ GD và ĐT (1998), *Tâm lý học và giáo dục học*, NXB Giáo dục
10. Bộ GD và ĐT (2008), *Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*
11. Bộ GD và ĐT (2012), *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam
12. Bộ GD và ĐT (2014), *Điều lệ trường mầm non*
13. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo trình giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm Hà nội.
14. Lê Thị Bùng (2000), *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục
15. Nguyễn Ngọc Bích (2000), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
16. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2011), *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.

17. Đỗ Thị Châu (1999), *Nghiên cứu kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh của học sinh lớp 6*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học.
18. Nguyễn Liên Châu (2000), *Một số đặc điểm giao tiếp của Hiệu trưởng trường tiểu học*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, ĐHSP Hà Nội.
19. Nguyễn Liên Châu (2002), *Kỹ năng giao tiếp của trưởng thôn với dân*, Tạp chí Tâm lý học, số 10/2002.
20. Vũ Thị Chín (2005), *Tâm bệnh lý trẻ em dưới 3 tuổi*, NXB Văn hóa Thông Tin.
21. Covaliov A.G (1983), *Tâm lý học cá nhân*, NXB Giáo dục.
22. Crucchetxki V.A (1981), *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm, tập 1,2*. NXB Giáo dục.
23. Nguyễn Thị Thúy Dung (2009), *Kỹ năng giải quyết tình huống quản lý của học viên các lớp bồi dưỡng hiệu trưởng tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
24. Vũ Dũng (2000), *Từ điển tâm lý học*, NXB Khoa học Xã hội
25. Vũ Dũng (2003), *Tâm lý học giao tiếp*, Trường Cao đẳng Lao động Xã hội.
26. Vũ Dũng (2008), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
27. Nguyễn Công Dũng (2012), *Kỹ năng tham mưu của chuyên viên ban Đảng cấp Trung ương*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
28. Thái Trí Dũng (1994), *Tâm lý học quản trị và kinh doanh*, NXB Thống kê
29. Phạm Tất Dong, 1984, *Tâm lý học lao động*, Cục Đào tạo, bồi dưỡng – Bộ Giáo dục
30. Lê Mỹ Dung (2007), *Kỹ năng đọc của học sinh lớp 3 một số trường tiểu học Hà Nội hiện nay*, Tạp chí Giáo dục, số 102/2004.
31. Nguyễn Minh Đức (1993), *Đặc điểm giao tiếp của sinh viên ĐHSP Vinh*, Luận văn sau ĐH, ĐHSP Hà nội.
32. Chu Văn Đức, Thái Trí Dũng (2005), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.

33. Nông Đình Đức (2011), *Kỹ năng giao tiếp của cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã trong quản lý hành chính tỉnh Bắc Kan*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, ĐH SP Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Đồng (2005), *Mức độ và sự phát triển kỹ năng giao tiếp của sinh viên*, Tạp chí Tâm lý học, số 6/2005.
35. Trần Thị Minh Đức (2002), *Một số vấn đề cơ bản của tâm lý học tư vấn*, Đề tài nghiên cứu, Đại học Quốc gia Hà Nội.
36. Hồ Ngọc Đại (1983), *Công nghệ giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
37. Hồ Ngọc Đại (2000), *Tâm lý học dạy học*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
38. Hồ Ngọc Đại (2012), *Nghiệp vụ sư phạm hiện đại*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm.
39. Nguyễn Văn Đính (1997), *Giáo trình giao tiếp và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
40. Gônôbôlin Ph.N (1976), *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, NXB Giáo dục
41. Phạm Minh Hạc (1998), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục.
42. Phạm Minh Hạc, Đặng Xuân Hòa, Trần Trọng Thủy (2002), *Hoạt động – Giao tiếp và chất lượng giáo dục*, NXB ĐH Quốc gia, Hà Nội.
43. Phạm Minh Hạc (2003), *Tuyển tập tâm lý học*, NXB Giáo dục
44. Trần Thị Thanh Hà (2002), *Kỹ năng giao tiếp trong công tác vận động quần chúng*, Tạp chí Tâm lý học, số 2/2002
45. Trần Thị Thanh Hà (2005), *Một số kỹ năng giao tiếp trong vận động quần chúng của chủ tịch hội phụ nữ cấp cơ sở*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
46. Phạm Song Hà (2011), *Kỹ năng giao tiếp của học sinh trung học cơ sở dân tộc Mường*, Tạp chí Tâm lý học, số 12/2011.
47. Phạm Song Hà (2011), *Đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học cơ sở dân tộc Mường*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.

48. Lê Nam Hải (2008), *Kỹ năng học của sinh viên đại học theo hình thức từ xa*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
49. Vũ Kim Hải, Đinh Thuận (2006), *Kỹ năng phỏng vấn*, NXB Thông tấn, Hà Nội.
50. Nguyễn Thị Hạnh (1997), *Dạy kỹ năng đọc chương trình tiếng Việt bậc Tiểu học năm 2000*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 8/1997
51. Dương Diệu Hoa (1995), *Hình thành kỹ năng đọc và viết tiếng Việt cho học sinh đầu lớp 1*, Luận án Phó Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
52. Nguyễn Thị Thúy Hạnh (2011), *Kỹ năng học tập hợp tác của sinh viên sư phạm*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà nội.
53. Phùng Thị Hằng (2007), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học phổ thông dân tộc Tày, Nùng*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Đại học sư phạm Hà Nội.
54. Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Thu Vân, Hoàng Thị Hoài Hương (2009), *Kỹ năng giao tiếp trong quản lý hành chính nhà nước*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
55. Phạm Thị Thu Hoa, *Kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên trường ĐHKHXH và NV, ĐH Quốc Gia Hà Nội*, Tóm tắt luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện KH GD
56. Đặng Thành Hưng (2004), *Hệ thống KN học tập hiện đại, Viện chiến lược và chương trình giáo dục*, Tạp chí giáo dục – Số 78/2004
57. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại*, NXB ĐDHQG Hà nội
58. Nguyễn Đức Hương (2005), *Phân loại kỹ năng nghề nghiệp của điều tra viên*, Tạp chí Tâm lí học, số 5/2005
59. Đinh Trọng Hoàn (2010), *Kỹ năng giao tiếp của cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*, NXB Công an nhân dân Hà Nội.
60. Ngô Công Hoàn (1987), *Giao tiếp sư phạm*, ĐHSPI Hà nội

61. Ngô Công Hoàn (1992), *Một số vấn đề tâm lý học về giao tiếp sư phạm*, NXB Vụ Giáo viên.
62. Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh (1998), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
63. Ngô Công Hoàn, Đinh Văn Vang, Trịnh Dân (1998), *Tâm lý học và giáo dục học*, NXB Giáo dục.
64. Ngô Công Hoàn (1997), *Giao tiếp và ứng xử sư phạm (Dùng cho giáo viên mầm non)*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
65. Nguyễn Văn Hộ (2002), *Giáo dục học đại cương*, NXB Giáo dục.
66. Ngô Đăng Huyền (2008), *Quy trình công nghệ hình thành hệ thống kỹ năng học tiếng Việt cho học sinh Tiểu học*, Đề tài cấp Bộ - Viện khoa học Giáo dục.
67. Lê Thị Thu Hương (2011), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề theo chương trình giáo dục mầm non mới*, NXB Giáo dục Việt Nam
68. Phan Hòa Hiệp (2009), *Hoàn thiện kỹ năng tư vấn vụ việc trợ giúp pháp lý, góp phần nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 10/ 2009
69. Nguyễn Phương Huyền (2012), *Thực trạng kỹ năng giao tiếp của cán bộ công chức*, Tạp chí Tâm lý học, số 1/2012
70. Nguyễn Phương Huyền (2012), *Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của cán bộ công chức*, Tạp chí Tâm lý học, số 2/2012
71. Nguyễn Phương Huyền (2012), *Kỹ năng giao tiếp của cán bộ công chức*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
72. Kixegof X.I. (1976 -1977), *Hình thành kỹ năng, kỹ xảo sư phạm cho sinh viên trong điều kiện của nền giáo dục đại học*, (Lê Khánh Bằng dịch), Tổ Tư liệu ĐHSP.



73. Jones Lawrence K (2000), *Những kỹ năng nghề nghiệp bước vào thế kỷ 21*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
74. Kharlamop I.F. (1978), *Phát huy tính tích cực của học sinh như thế nào*, NXB Giáo dục, Hà Nội
75. Đặng Phương Kiệt (Chủ biên) (2001), *Cơ sở Tâm lý học ứng dụng*, Tập 1, NXB ĐHQG Hà nội.
76. Mai Hữu Khuê (1997), *Kỹ năng giao tiếp trong hành chính*, NXB Lao động.
77. Triệu Đình Khang (2013), *Khoa học về giao tiếp*, NXB Đại học Công nghệ Sài Gòn.
78. Nguyễn Thành Kinh (2010), *Phát triển kỹ năng dạy học hợp tác cho giáo viên trung học cơ sở*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Thái nguyên.
79. Nguyễn Hoàng Lâm (2006), *Thực trạng kỹ năng giao tiếp của cán bộ chính trị trong hoạt động tuyên truyền ở đơn vị cơ sở quân đội hiện nay*, Tạp chí Tâm lý học, số 12/2006.
80. Võ Sĩ Lục (2002), *Kỹ năng giao tiếp nghiệp vụ của trình sát an ninh và phương pháp đánh giá chúng*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học Giáo dục
81. Leonchiev A.N (1980), *Sự phát triển tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
82. Levitov.ND (1970), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục Hà Nội.
83. Nguyễn Văn Lê (1992), *Bài giảng tâm lý học tập 7: Vấn đề giao tiếp*, NXB Giáo dục, Trung tâm nghiên cứu trẻ em.
84. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (2014), *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm.
85. Nguyễn Văn Lũy (2009), *Giáo trình giao tiếp với trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.

86. Trần Thị Hiền Lương (2009), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả rèn kỹ năng nói cho học sinh tiểu học ở môn tiếng Việt*, Đề tài cấp Viện Khoa học Xã hội.
87. Trần Hữu Luyện (2011), *Đi tìm giải pháp nâng cao chất lượng luận án Tiến sĩ Tâm lý học*, Tạp chí Tâm lý học số 7/2011.
88. Trần Hữu Luyện (2015), *Xây dựng tiêu chí đánh giá thực trạng đối tượng nghiên cứu ở các công trình luận án tiến sĩ tâm lý học*, Tạp chí tâm lý học số 1 (190), 1 – 2015
89. Đậu Minh Long (2012), *Đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học cơ sở dân tộc Cơ Tu và Tà Ôi ở tỉnh Thừa Thiên Huế*, luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học Xã hội.
90. Cao Xuân Liễu (2014), *Kỹ năng đọc chữ tiếng Việt của học sinh lớp 1 người dân tộc CoHo*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học Xã hội
91. Đào Thị Diệu Linh (2015), *Nghiên cứu kỹ năng ghi nhớ từ Tiếng anh của học sinh lớp 6*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học Xã hội.
92. Nguyễn Bá Minh (2008), *Giáo trình Nhập môn khoa học giao tiếp*, Nxb ĐHSP Hà Nội
93. Lã Văn Mến (2005), *Nghiên cứu kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Nam Định*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
94. Bùi Thị Xuân Mai (2007), *Một số kỹ năng tham vấn cơ bản của cán bộ xã hội*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
95. M.X.Mukhina (1981), *Tâm lý học mẫu giáo (tập 1,2)*, NXB Giáo dục
96. Nguyễn Thị Mùi (1996), *Nghiên cứu KN sử dụng mô hình trong giải bài toán có lời văn của học sinh lớp 3*, Luận án Tiến sĩ SP-TL. ĐHSP Hà Nội.
97. Mary Munter (2006), *Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
98. Maria Montessori (2013), *Trẻ thơ trong gia đình*, NXB Tri thức.

99. Lâm Thùy Nữ (2004), *Kỹ năng giao tiếp của sinh viên dân tộc Bahnar – Jrai trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Gia Lai với cộng đồng các dân tộc khác*, Tạp chí Tâm lý học, số 4/2004.
100. Nguyễn Minh Ngọc (2017), *Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
101. Nguyễn Thị Oanh (1995), *Tâm lý học truyền thông và giao tiếp*, NXB Phụ Nữ
102. Hoàng Thị Oanh (2003), *Nghiên cứu kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ 5 tuổi của sinh viên Cao đẳng sư phạm mẫu giáo*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
103. Nguyễn Văn Phương (2008), *Kỹ năng học tập các môn lý luận chính trị của học viên cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại học viện chính trị khu vực II*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
104. Nguyễn Thị Hằng Phương (2013), *Kỹ năng tư vấn của cố vấn học tập trong các trường đại học*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
105. Hoàng Anh Phước (2014), *Kỹ năng tham vấn học đường – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB ĐHSP.
106. Petrovski (1982), *Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm, tập 1,2*, NXB Giáo dục Hà Nội.
107. Piaget (1986), *Tâm lý học và giáo dục học*, NXB Giáo dục Hà Nội.
108. Nguyễn Thị Quy (2015), *Kỹ năng giao tiếp của cảnh sát giao thông đường bộ với người vi phạm luật giao thông ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện khoa học Xã hội
109. Trần Thị Tú Quyên (2006), *Kỹ năng giải quyết các tình huống quản lý của học viên chính trị khu vực I Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
110. Dương Thiệu Tống (2000), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB ĐHQG Hà Nội.
111. Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2003), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.

112. Nguyễn Ánh Tuyết (2007), *Giáo dục mầm non – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB ĐHSP
113. Phạm Thị Tuyết (2010), *Kỹ năng giao tiếp của cán bộ giao dịch ngân hàng*, *Luận án Tiến sĩ Tâm lý học*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
114. Nhữ Văn Thao (2011), *Kỹ năng giao tiếp của chính trị viên trong quân đội nhân dân Việt Nam*, *Luận án tiến sĩ tâm lý học*, Học viện chính trị Bộ quốc phòng.
115. Nguyễn Thạc (2006), *Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý của trẻ em*, NXB ĐHSP Hà Nội.
116. Nguyễn Thạc, Phạm Thành Nghị (2007), *Tâm lý học sư phạm đại học*, NXB ĐHSP.
117. Nguyễn Thạc – Hoàng Anh (1995), *Giao tiếp sư phạm, Sách dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng sư phạm*, In tại nhà in Thương mại.
118. Trần Quốc Thành (2015), *Kỹ năng tổ chức trò chơi của cán bộ Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh*, NXB Thế Giới.
119. Nguyễn Phụ Thông Thái (2003), *Hình thành kỹ năng học tập cơ bản cho học sinh lớp 1 qua một số môn học*, *Luận án Tiến sĩ Tâm lý học*, Hà Nội.
120. Trần Trọng Thủy (1978), *Tâm lý học lao động*, ĐHSP Hà Nội.
121. Hà Thị Thư (2012), *Kỹ năng công tác xã hội nhóm của sinh viên chuyên ngành công tác xã hội*, *Luận án Tiến sĩ Tâm lý học*, Hà Nội.
122. Đào Thị Ái Thi (2008), *Kỹ năng giao tiếp của công chức trong tiến trình cải cách hành chính Nhà nước Việt Nam*, *Luận án Tiến sĩ Hành chính công*.
123. Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Giáo trình Đánh giá trong giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục
124. Dương Thị Thoan (2011), *Kỹ năng giảng dạy theo tín chỉ của giáo sinh thực tập sư phạm*, *Luận án Tiến sĩ Tâm lý học*, Hà Nội.
125. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Quốc Thành, Trần Hữu Luyến (2011), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc Gia Hà nội.
126. Unicef (2005), *Tài liệu tập huấn kỹ năng cơ bản trong tham vấn*

127. Unicef (2005), *Tài liệu tham vấn cơ bản dành cho cộng đồng*.
128. Phạm Thị Sửu (2006), *60 năm giáo dục mầm non Việt Nam*, NXB Giáo dục.
129. Đinh Văn Vang (2002), *Kỹ năng dạy học bằng trò chơi của giáo viên mẫu giáo*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Trường ĐHSP Hà Nội.
130. Nguyễn Khắc Viện (2001), *Từ điển tâm lý học*, NXB Văn hóa – Thông tin

#### TIẾNG ANH

131. Basbagi. R.R (2012), *Interculture Communication Skill among Prospective Turkish Teacher of German in The Context of The Comparative Country Knowledge Course*. Educational Sciences: Theory & Practice Vol.12 page 2187-2193
132. Countney N. B, David H. A (2010), *Predicting Teacher Participation in a Classroom – Based, Integrated Preventive Intervention for Preschoolers*, Early Child Res Q.2012; 25(3): 270-283
133. Douglas E.R (2007), *Teacher Leadership skills: An analysis of communication apprehension*. Education Vol.129 No.4 page 604-614.
134. Hiroko F. (2011) *Teacher–child relationships and early childhood practice*, Early Years : An International Research Journal. <http://dx.doi.org/10.1080/09575146.2010.535790>
135. Harwood. D, Klopper. A (2013), *It's more than care': early childhood educators' concepts of professionalism*, Early Years : An International Research Journal. <http://dx.doi.org/10.1080/09575146.2012.667394>
136. Louise J. (1995), *SW Practices – A Generalist approach*, Allyn and Bacon
137. Mary E.C and Rasberry.R.W (1997), *Effective managerial communication*. Boston: Wardsworth
138. Nicole R.N, Ruth V. W (2005), *Preschool Teachers' Perceptions and Reactions to Challenging Classroom Behavior: Implications for Speech – Language Pathologists*. Language, Speech, And Hearing Services in Schools. Vol.36, page 139-151. Routledge, London and New York.
139. Emel A (2010), *Analysis of Communication Skill and Interpersonal Problem Solving in Preschool Trainees*. Social Behavior and Personality Vol.38 page 523-530.

140. Keyton J (2005), *Communication & Organizational Culture*, Thousand Oaks, California, Sage, USA.
141. Owen D.W(1997), *The handbook of Communication Skill*,
142. Richard N.J (2004), *Basic counseling skill*, SAGE
143. John S (2002), *A book about interpersonal communication*, McGraw – Hill.
144. Rebecca B.McCatheren (2000), *Teacher – Implemented Prelinguistic Communication Intervention. Focus on Autism and Other Developmental Disabilities* Vol.15 page 21-29
145. Fulya Yukesel – Sahin (2008), *Communication Skill Levels in Turkish Prospective Teachers Social Behavior and Personality* Vol.36 page 1283 -1294.
146. William B.G, Young Yun Kim (1997), *Communication with strangers*, McGraw Hill.